

NĂM THỨ 7 - NGÀY 1-1-64

BACH KHOA

trong số này

ANH-VIỆT đi tìm một đường lối dân chủ cho xã hội
Việt-Nam • NGUYỄN-MẠNH-CÔN — HOÀNG-VŨ
tìm hiểu Hồ-Xuân-Hương • PHẠM-LƯƠNG-GIANG
tự do ngôn luận và báo chí • NGUYỄN-VĂN-TRUNG
im lặng hay lên tiếng • VŨ-QUANG-YẾN hai hội nghị
về khảo cứu không gian • NGUYỄN-PHƯƠNG án
khảo chứng tích • TRIỀU-SAO-DẠI thơ • BÙI-
HỮU-SÙNG đọc « Văn hóa và chính trị » của
Nguyễn-Văn-Trung • DƯƠNG-CHÍ-SANH báo chí
kinh tế trong việc khuyến khích xuất bản • LŨ-
QUỲNH hậu phương • ĐOÀN-THÊM trăm
khúc II • THƯ-NHẤT-PHƯƠNG hồi súng
• NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ bóng mát trên
đường • SÁU-TÙNG — SONG-NGỌC —
THANH-SƠN — NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG
trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc • SINH-
HOẠT NGUYỄN-NGU-I
(thuật) đường lối của
Phật giáo hiện tại •

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 157 ĐẾN 168

168

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỚI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐÈN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CỐ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẮT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẮT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẮT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NỨT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THỂ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHÂM CHẮT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẮT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73 s

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

258, Đại-lộ Không-Vô (Bd Gandot)

Điện thoại : 56.268 và 56.259

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictil et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thô, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỰ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần: **THỨ BA và THỨ BẢY**

bằng **PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA**

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba: Khởi hành tại **SAIGON: 08 g 30**

Mỗi thứ Bảy: Khởi hành tại **SAIGON: 15 g 00**

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÀNG DU-LỊCH HAY:

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON Đ.T. 21 624 21 625 21 626



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Số thương mại Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 39, Bùn Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Francibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐAM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 50,000,000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE



SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bn Chuong Dưng

Téléphone : 21.632-21633



AGENCE DE CHOLON :

218, đ. l. Đông-Khánh

Téléphone : 36.266



AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime - Incendie - Automobile - Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIEGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE :	32, Dai - Lô Hàm - Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067.
		BUREAUX :	178 - 180 - 182, Duong Lê- Thanh - Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22.142. 415 - 417, Duong Hai Ba Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.
		CHOLON : AGENCE :	386, Dai - lô Đông - Khanh (Cholon) — Tél. : 38.105.
		KHANH-HUNG : AGENCE :	23, Duong Hong-Dieu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 168 ngày 1.64

ANH-VIỆT đi tìm một đường lối dân chủ cho xã hội Việt Nam ngày nay	3
NGUYỄN-MẠNH-CÔN — HOÀNG-VŨ tìm hiểu Hồ-Xiêm-Hương	13
PHẠM-LƯƠNG-GIANG tự do ngôn luận và báo chí	21
NGUYỄN-VĂN-TRUNG im lặng hay lên tiếng	29
VŨ-QUANG-YẾN hai hội nghị vẽ khảo cứu không gian	37
NGUYỄN-PHƯƠNG án khảo chứng tích : khảo chứng nội	43
TRIỀU.SAO-DẠI tôi có quyền nói về Alabama (thơ)	49
BÙI-HỮU-SÙNG đọc « Văn hóa và Chính trị » tập I của Nguyễn- Văn-Trung	51
DƯƠNG-CHÍ-SANH báo chí kinh tế trong việc khuyến khích xuất bản	59
LŨ-QUỲNH hậu phương (thơ)	67
ĐOÀN-THÊM trăm khúc II (thơ)	68
THU-NHẤT-PHƯƠNG hỏi sủng (thơ)	70
NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ bóng mát trên đường (truyện ngắn)	71
SÁU-TỬNG — SONG-NGỌC — THANH-SƠN — NGUYỄN- VĂN-TƯỜNG trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	83
NGUYỄN-NGU-Í (thuyết) đường lối của Phật giáo hiện tại	99

BÁCH KHOA SỐ 169 NGÀY 15-1-1964

KỶ NIỆM 7 NĂM

Một số đặc biệt hàng năm đánh dấu những bước trưởng thành của tạp chí Bách Khoa :

☆ Những nét chính trong năm qua :

- Các biến cố quan trọng trên thế giới và trong nước.
- Sinh hoạt văn học năm 1963.
- Những giao điểm của nền khoa học hiện đại.
- Một vấn đề kinh tế rất cũ mà vẫn mới.
- Hướng đi của âm nhạc ngày nay.

của VIỆT-ANH, CÔ PHƯƠNG-THẢO, CÔ LIÊU,
MAI-LUU, TRẦN-VĂN-KHÊ.

☆ Những vấn đề hiện tại, những tài liệu và những bài khảo luận của các cây bút đã được bạn đọc tin cậy trong bảy năm qua : NGUYỄN-VĂN-TRUNG, ĐOÀN-THÊM, NGUYỄN-HIỀN-LÊ, ĐOÀN-VĂN-AN, PHẠM-TRỌNG-NHÂN, VƯƠNG-HỒNG-SỂN, VÕ QUANG-YẾN, NGUYỄN-TRẦN-HUÂN, ĐỖ-TRỌNG-HUỆ, TRẦN-THÁI-ĐỈNH, NGUYỄN-PHƯƠNG...

☆ Sáng tác văn nghệ của các nhà văn mà bạn đọc đã ưa thích và của các cây bút trẻ trung mới mẻ mà bạn đọc sẽ mến chuộng : *Tư tưởng của Võ-Phiến* • *Khởi hành của Lê-Tất-Điều* • *Đám cưới của Y-Uyên*, *Người thứ ba của Võ-Hồng* • *Sao rụng của Trùng-Dương* • *Vòng tay học trò* một truyện dài của Hoàng-Đông-Phương • *Một ngày trong trại tập trung* truyện dịch của Nguyễn-Minh-Hoàng, và nhiều sáng tác đặc sắc khác.

Đi tìm một đường lối dân chủ cho xã hội Việt-Nam ngày nay

● ANH VIỆT

TRƯỚC đây ít lâu, hồi chế độ Ngô-dinh Diệm đã sắp đến ngày tàn, giáo sư Nguyễn-Văn-Bông, trong bài diễn giảng thường niên khai mạc niên khóa 1963-1964 trường Đại-học luật khoa Saigon, đã mạnh dạn đề cập tới một vấn đề mà hồi đó ít ai dám công khai bàn tới nhất là giới trí thức xưa nay vẫn có tiếng là dè dặt, vì những lẽ gì chắc tất cả mọi người đều hiểu. Vấn đề đó là vấn đề vai trò của đời lập dưới chế độ dân chủ. Cõ nhiên là giáo sư Bông đã nói một cách tổng quát, không ám chỉ riêng ai nên chính quyền hồi đó không có cơ gì để phiền hà ông được.

Ngày nay, chế độ độc tài gia đình trị đã lật nhào. Chúng ta đang đi trên con đường dân chủ, xây dựng quốc-

gia. Người dân đã bắt đầu được thở hít không khí tự do mà họ đã bị thiếu thốn trong cả chục năm trời nay. Nhưng trong việc xây dựng dân chủ, tự do đó nhiều người đang hoang mang chưa biết đi theo con đường nào. Nước ta chưa phải là một nước thanh bình ; chúng ta đang phải chiến đấu chống Cộng-sản đang lũng đoạn trăm trọng ở nông thôn và gây chiến tranh cân não ở thành thị.

Đứng trước tình trạng nan giải đó, làm thế nào để xây dựng dân chủ ? Căn cứ trên tình trạng hiện tại của thời cuộc nước nhà, chúng tôi thấy có ba giải pháp có thể nêu ra : hoặc tán thành chế độ trung lập, hoặc xây dựng một chế độ dân chủ hạn chế trước, mở rộng sau, hoặc thiết lập một chế độ dân chủ có đời lập.

ĐI TÌM MỘT CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ...

Giải pháp thứ nhất. Thỏa hiệp với Cộng-sản để ngưng cuộc chiến tranh hiện tại và xây dựng một chế độ Trung-lập ở miền Nam theo như lời đề nghị của chính quyền Cam-bốt. Trong chế độ đó, cổ nhiên là Mặt trận giải phóng miền Nam do Cộng-sản lãnh đạo phải được tham chính bên cạnh các đoàn thể và đảng phái quốc gia khác. Chúng ta sẽ đứng trước một tình trạng rất hiếm nghèo là xây dựng dân chủ mà để cho một con sói đứng cạnh những con cừu. Nếu cứ để tự nhiên thì tất sói phải ăn thịt cừu. Cộng sản tổ chức chặt chẽ, thực sự kiểm soát nhiều khu vực đất đai và nhiều lực lượng quần chúng. Họ lại có nhiều kinh nghiệm hoạt động chính trị, sẵn những luận điệu tuyên truyền sắc bén và sáo quyết. Họ lại có cả một hậu thuẫn lớn là Bắc Việt Cộng Sản và đằng sau nữa là Trung Cộng. Đứng trước mặt họ là những nhóm quốc gia yếu ớt, rời rạc, thiếu kinh nghiệm hoạt động, thiếu tổ chức, thiếu đoàn kết. Ta không cần phải nói là ai sẽ nuốt ai. Cái mạnh của ta hiện tại là quân đội thì dưới chế độ đó quân đội cũng đành phải bỏ tay. Cho nên sớm muộn rồi đất nước miền Nam này cũng sẽ rơi vào tay họ nếu ngay từ bây giờ chúng ta quyết liệt chống giải pháp Trung lập mà không tranh đấu.

Gạt bỏ giải pháp Trung lập và sống chung với Cộng sản ra ngoài, chỉ còn có một giải pháp nữa mà ta hiện đang theo là giải pháp thực hiện dân chủ nhưng đồng thời vẫn tích cực

chống Cộng. Vấn đề đến đây mới thật là khó khăn tề nhị : Thực hiện dân chủ như thế nào, thực hiện ngay bây giờ hay hứa hẹn sẽ thực hiện về sau. Ấy một nỗi là dân ta đã sống 9 năm dưới chế độ độc tài cũ. Chúng ta đã nghe nói nhiều tới những chữ cộng hòa nhân vị, « thắng tiền cần lao », « đồng tiền xã hội », những lời tuyên bố huênh hoang nào là tự do, nào là dân chủ để rồi phải chịu đựng một chế độ tàn bạo vào bức nhất của lịch sử. Vì thế ngày nay người dân không còn tin vào những lời hứa hẹn suông nữa mà chỉ trông vào những hành động thực tế của nhà cầm quyền có thực tâm ban hành tự do dân chủ cho nhân dân không.

Ở đây ta thấy có hai con đường cùng có những khả năng thực hiện và những khó khăn nguy hiểm của nó. Hai con đường đó là hai giải pháp sau đây :

Giải pháp thứ hai. Đó là giải pháp dân chủ hạn chế trong giai đoạn hiện tại để rồi sẽ mở rộng về sau. Theo giải pháp đó thì hiện nay ta đang cần phải có một chính quyền mạnh tập trung hết mọi khả năng của đất nước để ném vào công cuộc chống độc tài Cộng. Đó là nhiệm vụ chủ yếu. Vì thế cho nên, như mọi tình trạng đất nước lâm nạn chiến tranh phải tạm thời hạn chế tự do dân chủ đến một mức độ nào đó để việc chống Cộng khỏi gặp trở ngại và phải đợi đến khi nào Cộng sản bị dẹp tan mới có thể mở rộng dân chủ, nghĩa là để cho dân chúng được hoàn

toàn hưởng mọi quyền tự do công dân như tổng tuyển cử quốc hội, tự do hoạt động chính trị v.v. . . Giải pháp này tuy có vẻ thực tế nhưng lại vấp phải mấy trở ngại sau :

1) Đó là giải pháp theo ý muốn của nhà cầm quyền. Thường thì nhà cầm quyền nào cũng vậy. Khi mình đang ở cương vị lãnh đạo, không ai muốn nhận lãnh những lời chỉ trích gay gắt của người dân, dù là người dân đó có thiện chí xây dựng. Không nhà cầm quyền nào lại nhìn bằng một con mắt khoan dung những hành động của phe đối lập, dù là trong vòng hợp pháp đang tìm cách để lật đổ mình đi đứng mà thay thế. Vì thế cho nên xu hướng tự nhiên của nhà cầm quyền là muốn hạn chế tự do dân chủ và nhiều khi coi tự do dân chủ chỉ như là một môn thuộc bất đắc dĩ. Nhất là khi nào trong nước có loạn lạc giặc giã như tình trạng nước ta hiện nay thì nhà cầm quyền nào cũng muốn được rảnh tay ở bên trong để đối phó với bên ngoài. Vì thế xu hướng của chính quyền là chỉ muốn vạch ra một con đường và dân chúng hưởng ứng chấp nhận đi vào con đường đó. Nhưng nếu nhà cầm quyền không khéo léo, không luôn luôn tỏ rõ thiện chí của mình thì rất dễ bị dân chúng hiểu lầm là lừa dẫn đi vào con đường của chế độ cũ, gặp lại những vết xe cũ hay ít ra cũng là một thứ dân chủ chỉ huy, một hình thức độc tài úp mở mà Nam-Dương đang áp dụng. Vậy khó khăn thứ nhất để áp dụng giải-pháp này là nhà cầm quyền

phải thực có thiện chí. Thiện chí đó phải được chứng tỏ bằng những hành động hợp với ý dân.

2) Khó khăn thứ hai là ở phía người dân. Dân chúng vừa mới thoát khỏi một chế độ bạo tàn hãn hữu, và vừa vùng dậy nên tất nhiên sẽ có những hành động và ý nghĩ quá trớn ; đó là một điều không thể tránh được. Nhưng không phải nó cứ sẽ quá trớn như vậy mãi. Khi bầu không khí cách mạng sôi nổi ngùn ngụt dần đi, một phần tự dân chúng cũng sẽ nhận thấy mà thôi không tiếp diễn những hành động đó nữa, một phần nhà cầm quyền mới nếu khôn khéo tất sẽ lái được những sức mạnh lệch lạc của dân chúng vào con đường mà chính quyền mong muốn. Nếu nhà cầm quyền vụng về dùng lời đàn áp, thì một là họ sẽ mất hết uy tín đối với dân chúng, hai là cơn sốt rét đáng lẽ phát hiện ra ngoài, bỗng gặp phản-ứng mạnh liền lặn tịt vào trong lại càng thêm khó chữa. Một khi người dân đã mất phần khởi, tin tưởng rồi thì họ sẽ trở về thái độ thụ động xưa.

Thái độ thụ động của người dân mới đầu sẽ rất dễ chịu cho nhà cầm quyền vì họ muốn làm gì thì làm và sẽ chỉ gặp phải những cản trở tối thiểu. Nhưng nó cũng rất nguy hiểm vì nó làm cho nhà cầm quyền khó lòng hăm mình nổi trên cái dốc độc tài và đến khi nguy biến xảy ra họ cũng lại gặp phải thái độ thờ ơ lãnh đạm của người dân, nếu không phải là một sự tích-cực chống đối. Vậy cái khó khăn thứ hai của nhà cầm quyền khi thực hiện

ĐI TÌM MỘT CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ...

dân chủ hạn chế là phải làm thế nào cho người dân tin được rằng rồi ra họ sẽ hưởng được dân chủ toàn vẹn. Muốn gây tin tưởng dân chúng, đức độ và tư tưởng của nhà cầm quyền lại là một yếu tố mẫu chốt quan trọng hơn cả tài năng, bản lĩnh. Đức độ đây phải là một thứ đức độ dân chủ thể hiện bằng những tác phong dân chủ, những ý nghĩ dân chủ trong tất cả mọi lãnh vực. Dân chúng trông vào thấy có cái gì khác xưa thì họ mới bắt đầu tin. Có tin thì họ mới cởi mở. Có cởi mở thì nhà cầm quyền mới biết rõ ý nguyện của họ mà lo thực hiện.

Tóm lại có giải quyết nổi những khó khăn trên thì giải pháp dân chủ hạn chế mới có kết quả. Và cho dù có kết quả chẳng nữa thì cũng chỉ nên áp dụng trong một thời gian nào thôi với những đảm bảo cần thiết cho dân tin chắc không thể trở lại nạn độc tài, và sẽ tiến tới hoàn tự do dân chủ.

Giải pháp thứ ba.— Thi hành một chế độ dân chủ có đòi lập trong vòng hợp pháp. Giải pháp này cũng có cái lợi cái hại của nó.

a) *Những điểm lợi.*— Ta có thể nêu lên một số điểm sau đây :

— Có chấp nhận đòi lập thì các đảng phái chính trị mới được độc lập đối với chính quyền dù ở cương vị ủng hộ hay phản đối. Nhờ có thái độ độc lập đó mà các đảng phái mới có thể góp phần hữu hiệu vào công việc xây dựng quốc gia và dân chủ tự do. Thực vậy dưới những chế độ độc tài,

đảng trị thì đảng phái hoặc nằm trọn trong tay tất cả chính quyền, hoặc chỉ là một công cụ của chính quyền mà thôi. Trái lại dưới một chế độ đảng phái tự do thì một đảng ủng hộ chính quyền không nhất thiết phải phụ thuộc vào chính quyền đó. Họ có toàn quyền định đoạt ủng hộ chính phủ tới một mức độ nào thôi và có thể rút sự ủng hộ đó nếu chính phủ đi sai đường lối của họ. Ngược lại chính phủ cũng không bắt buộc phải theo hần đường lối của đảng phái ủng hộ mình. Nhưng trên thực tế, đảng phái hoặc những đảng phái nắm chính quyền thường vạch ra đường lối cho chính phủ theo ; tuy nhiên không vì thế mà chính phủ phải là chính phủ của đảng phái đó vì những đảng phái khác cũng có thể lên cầm quyền nếu đảng phái này mất tín nhiệm của quốc dân. Các đảng phái có được tự do, độc lập với chính quyền và có khả năng tham dự thì mới tích cực xây dựng chính quyền đó.

— Nói đến dân chủ tất nhiên phải nói đến thiểu số và đa số. Chỉ có thể có chuyện đồng thanh trên mọi phương diện dưới một chế độ dân chủ thuộc cõi thần tiên đúng như lời J. J. Rousseau đã nói. Nếu những đảng đại diện cho đa số được phép ăn nói thì những đảng đại diện cho thiểu số cũng phải được tự do hoạt động. Như thế mới hợp lẽ với công bình. Tiếng nói của dân lúc nào cũng được chính quyền nghe thấy không những ở trong cơ quan dân biểu mà còn ở ngoài dân chúng qua những cơ quan ngôn luận của các đảng phái đa số cũng như thiểu

sở, ủng hộ cũng như đòi lập. Các chế độ độc tài, chính vì không chịu chấp nhận sự hiện diện của thiểu số, không chịu nghe những lời chỉ trích mà dần dần đi đến chỗ xa rời dân chúng, đi ngược quyền lợi của dân và biến thành thiểu số thống trị.

— Sự hiện diện của đòi lập hợp pháp được coi như một cái nắp an toàn dưới chế độ dân chủ. Những sự bất mãn của dân chúng được kịp thời phát giác qua những lời chỉ trích của phe đòi lập. Chính phủ sẽ có đủ thời giờ và đủ phương tiện để sửa chữa những sai lầm của mình, nếu không thì phe đòi lập sẽ thay thế mình nắm chính quyền trong những kỳ tuyển cử tương lai. Chính nhờ những phương tiện hợp pháp như tranh đấu nghị trường, tranh thủ dư luận quần chúng mà đòi lập luôn luôn nói lên được tiếng nói của họ và hy vọng lên cầm quyền nếu phe nắm chính quyền không đáp ứng đúng nguyện vọng của dân. Chính do đường lối đó mà họ không bao giờ dùng đến bạo động. Vì bạo động thường thường chỉ được dùng để giải quyết một tình trạng bế tắc mà thôi. Nếu tất cả mọi sự đều thông, nước hơi động một chút đã khơi rồi, áp lực của hơi chưa kịp tăng đến mức độ nguy hiểm, nắp đã mở rồi thì bạo động làm gì còn có thời cơ để mà phát hiện nữa. Tất cả những cuộc đảo chánh xảy ra ở các nước Á Phi và châu Mỹ La Tinh đều là vì các chính phủ liên hệ không biết chuẩn bị cái nắp an toàn đó ngay từ trước. Họ bưng bít dư luận,

đàn áp đòi lập, tự họ đưa tình thế đến một chỗ bế tắc mà chỉ có bạo động mới giải quyết nổi. Trái lại, tại các nước tiến tiến có một nền dân chủ lâu đời và đòi lập được chấp nhận công khai hoạt động như các nước Bắc Mỹ và Tây Âu ngày nay, có bao giờ xảy ra đảo chánh?

Ví dụ như ở Hoa Kỳ, Tổng Thống Kennedy vừa bị ám sát, guồng máy hành chánh và chính trị vẫn chạy đều không hề máy may vấp vấp, sự thay thế được thực hiện ngay đúng theo thủ tục hiến pháp hết sức nhanh chóng và hữu hiệu. Nếu là một nước Nam Mỹ thì chắc đã có nhiều sự rối loạn xảy ra vì đòi lập bị chèn ép sẽ được dịp nổi bùng lên. Lúc trúng cử, Tổng Thống Kennedy đã từng nói: « Cứ trong hai người Hoa Kỳ tôi lại có một người chống lại tôi ». Nhưng không phải vì vậy mà ông không hợp tác với phe đòi lập. Chứng cứ là đại sứ Cabot Lodge, người đòi lập chính trị của ông, đã nhận lời thi hành chính sách của ông.

— Phe đòi lập không những được quyền chỉ trích mà lại còn được mời tham dự chính quyền nữa. Đó là một điểm được thực hiện một cách hết sức mềm dẻo ở Hoa Kỳ như thí dụ ở trên đã chứng tỏ. Nó được thực hiện một cách cứng rắn hơn ở Anh Quốc. Tuy nhiên vị lãnh tụ đảng đòi lập được gọi là vị lãnh tụ đòi lập của Anh Hoàng và được Anh Hoàng trả lương 2000 bảng Anh một năm (khoảng 3 vạn rưỡi bạc VN mỗi

ĐI TÌM MỘT CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ...

thắng theo thị trường tự do). Tuy được ăn lương nhưng vị lãnh tụ đó không bao giờ bị phe nắm chính quyền mua chuộc, vì ông luôn luôn được coi là vị thủ tướng vị lai của chính phủ Hoàng gia Anh. Các đảng phái đó đối lập với nhau là đối lập vì chính sách. Còn thì họ cùng nhau phục vụ tổ quốc, phục vụ chính thể. Bởi thế cho nên khi nào tổ quốc lâm nguy, chính thể bị đe dọa, họ thường đoàn kết chặt chẽ lại với nhau để vượt qua mọi khó khăn. Dưới thời thế chiến thứ II lúc mà sự sống còn của nước anh bị Phát xít Đức đe dọa nặng nề nhất, Churchill đã thành lập được một nội các liên hiệp đảng phái thể hiện chính sách toàn dân đoàn kết chống xâm lăng. Vận mạng quốc-gia lúc đó không phải là giao vào tay một đảng phái nào nữa mà để che tất cả các đảng phái nghĩa là toàn thể quốc dân cùng gánh vác.

Ngoài ra chúng ta đều thấy tại các quốc gia công nhận vai trò của đối-lập, trong các phái đoàn nghị sĩ gửi đi điều tra hay nghiên cứu ở hải ngoại, phần nhiều có sự tham dự của cả hai phe chấp chính và đối lập. Tự nhiên phe đối lập sẽ thấy chính mình cũng có phần trách nhiệm trong công việc xây dựng chung. Những lời chỉ trích sẽ bớt phần gay gắt vì sẽ có tính cách xây dựng hơn, và ai cũng biết đá phá thường rất dễ dàng và xây dựng bao giờ cũng khó khăn hơn.

Đó là một số những cái lợi chính của giải pháp dân chủ có đối lập,

Nhưng giải pháp đó không khỏi không gặp một số trở ngại đáng kể nhất là trong giai đoạn khó khăn của nước ta hiện nay.

b. — Những trở ngại.

— Xã hội Á-Đông chúng ta từ thuở nào đến giờ rất khác xã hội phương Tây, rất ít quen với vấn đề đối lập. Hệ cứ có đối lập là nhà cầm quyền có xu hướng muốn tiêu diệt liền. Dưới triều đại các vua chúa ta ngày xưa, vua thay trời trị dân, chồng lại nhà vua tức là không thuận theo mệnh trời.

Người Á-Đông đã quen với những đè nén, áp bức của vua quan, nên chỉ khi nào cùng cực lắm họ mới vùng dậy. Nhưng họ chỉ nghĩ đến việc tái lập trật tự cũ với những người mới, chứ ít ai nghĩ đến việc thay đổi cái trật tự cũ làm sao cho tiến bộ hơn. Cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20, tư tưởng dân-chủ Tây phương bắt đầu xâm nhập Á-Đông. Những đảng dân-chủ đầu tiên được thành lập naurag nước Cộng-hòa đầu tiên ra đời. Đến nay hầu hết các nước Á - Đông đều là những nước Cộng - hòa. Nhưng tinh thần dân chủ vẫn chưa thực-thâm nhuần. Tàn tích phong kiến còn ăn sâu trong xương tủy khiến tác phong của các nhà cầm quyền cũng như của các người làm chính trị vẫn còn phảng phất những cái gì của chế độ xưa. Một chính trị gia vừa mới lên làm Tổng thống

là đã muốn coi mình như một ông vua, họ hàng mình như một triều đại. Họ sẵn sàng có những người tôn sùng họ và họ không chấp nhận cho một tổ chức nào phản đối họ hết. Các đảng phái chính trị hệ khác tư tưởng đường lối là muốn thanh toán nhau, coi chính quyền một khi mình đã nắm được như là của riêng của mình. Tâm trạng cổ hủ đó, nếu không được gột rửa đến gốc rễ thì định chế đổi lập dù có được thiết lập cũng khó có thể tồn tại vững bền được.

— Chúng ta đang phải đối phó với Cộng sản là một đối phương không bao giờ chủ trương dung nạp một lực lượng đổi lập nào. Họ chỉ chấp nhận những đảng phái khác khi những đảng phái này chịu sự lãnh đạo của họ. Rồi từ giai đoạn nọ qua giai đoạn kia, những đảng phái đó sẽ phân hóa dần dần, những phần tử nào không thể thu hút được sẽ bị loại ra và bị tiêu diệt bằng cách này hay bằng cách khác. Với một đối phương không chịu công nhận đổi lập, nếu ta chấp nhận nguyên tắc đó một cách không hạn chế tức là ta đã tạo điều kiện để cho đối phương tiêu diệt ta dễ dàng hơn. Thành ra ở những nước chống Cộng tích cực lẽ dĩ nhiên là người ta phải loại trừ đổi lập Cộng sản ra ngoài. Ở nhiều nơi người ta còn chủ trương dùng cả phương pháp của Cộng sản để chống Cộng mà họ cho là dĩ độc trị độc như dưới triều họ Ngô. Và như vậy tức là họ cũng không dung tha đổi lập dù là hợp pháp hay không hợp pháp.

— Nếu ta chủ trương xây dựng một chế độ dân chủ có đổi lập từ bây giờ, tức là ta đã làm một việc mà từ trước đến giờ chỉ mới nói tới mà chưa ai làm tới. Ta sẽ gặp nhiều khó khăn cản trở và có thể có một số bệnh ầu trĩ sẽ xảy ra :

a) Cộng sản sẽ xâm nhập vào hàng ngũ những đảng phái dưới hình thái đổi lập một cách dễ dàng hơn. Họ sẽ tìm cách phá rối ở nội bộ chúng ta để cho chính quyền phải có những hành vi đàn áp mà họ sẽ lợi dụng để tuyên truyền gây cảm phẫn.

b) Đổi lập không thành một hệ thống có tổ chức quy củ có đường lối rõ ràng, có kinh nghiệm hoạt động, mà là một thứ đổi lập vụn vặt, một hai người cũng có thể coi là đổi lập, cứ lên tiếng phản đối là được coi là đổi lập. Thứ đổi lập bừa bãi đó không những ít khi xây dựng mà còn gây khó khăn rất nhiều cho chính quyền.

c) Các nhà cầm quyền nhiều khi chưa quen với những lời chỉ trích đôi khi thiếu xây dựng của phe đổi lập, có thể sinh ra nóng nảy thiếu kiên nhẫn và do đó không chịu lắng nghe nhiều tiếng chuông khác nhau và có thể đưa ra những biện pháp vội vàng thiếu suy tính, có thể làm sút mẻ uy tín của mình và gây sự nghi ngờ trong dân chúng.

d) Thái độ của dân chúng vì đã sống dưới chế độ độc tài lại dễ nghe theo những nguồn tin đổi lập hơn là những nguồn tin chính thức, thích nghe

ĐI TÌM MỘT CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ...

những lời tố cáo nhà cầm quyền hơn là những lời phân giải đứng đắn của những người có trách nhiệm. Do đó mà đòi lập một khi được công nhận sẽ có xu hướng phát triển bùng nổ làm cho nhà cầm quyền nhiều khi phải điên đầu. Nhưng mặt khác cũng vì thế mà nhiều rác rưởi rề được moi ra được quét dọn sạch sẽ.

Đòi lập trong tình trạng này như con dao hai lưỡi. Nếu chính quyền nắm vững được tình thế thì nhiều khó khăn sẽ vượt qua và nền dân chủ sẽ được củng cố vững vàng. Nếu không nắm vững được tình thế thì chính quyền sẽ thu vào để đòi phò, xu hướng độc tài lại xuất hiện với tất cả những tai hại của nó.

*
* *

Để kết luận, chúng tôi thấy rằng chúng ta vừa thoát ra khỏi chề độ độc tài, nhất định chúng ta phải thực thi dân chủ. Nhưng chúng ta cũng còn phải chống Cộng, nên việc thực thi dân chủ đó nhất định phải bị hạn chế bởi những nhu cầu chiến tranh. Vậy thì thứ dân chủ ta phải thi hành trong giai đoạn hiện tại nhất định không thể là một thứ dân chủ vô điều kiện. Nhưng có phải vì thế mà ta dè dặt lưỡng lự không thi hành dân chủ không? Nhất định không. Chúng ta phải thi hành dân chủ từng bước. Nhà cầm quyền phải tạo điều kiện để cho một thứ đòi lập quốc gia được tổ chức và phát triển. Trước khi đi đến giai đoạn đó, những đoàn thể và đảng phái chính trị thuần

túy yêu nước phải được thành lập và bắt rễ trong quần chúng chứ không thể là những đoàn thể mà, những đảng phái chính trị sà-lông chỉ tụ họp mấy nhà đại trí thức, đại thương gia... với những chương trình rất kêu nhưng rút cuộc chỉ để tranh mấy ghế bộ trưởng hay nghị sĩ như trong mớ ma chề độ trước. Để tạo điều kiện cho các đoàn thể vô đảng phái chính trị họ đạt tới mục đích nói, trên chính phủ phải thực sự dành cho họ những quyền tự do căn bản như tự do hội họp, tự do báo chí. Tất cả chỉ bị hạn chế bởi nhu cầu chống Cộng. Điều kiện này tuy có vẻ mơ hồ vì người ta có thể mở rộng hay thu hẹp nó tùy theo trường hợp. Nhưng với một đòi phương quý quyết và lắm mưu kế như Cộng sản, người ta không thể nào làm khác được. Dân chúng về phương diện này phải tin ở nhà cầm quyền và nhà cầm quyền cũng không thể lạm dụng lòng tin của dân để dùng mục đích chống Cộng vào các mục tiêu khác.

Vậy hơn lúc nào hết, lúc này chính quyền cần mạnh dạn thi hành dân chủ nhưng đồng thời cũng cảnh giác để phòng. Dân chúng có thấy rõ thiện chí của chính quyền thì khỏi đoàn kết chống Cộng mới được củng cố, đòi lập sẽ dần dần có tính cách xây dựng.

Nền dân chủ đó thi hành trước tiên ở thành thị ở những nơi có an ninh trật tự rồi lan tràn dần đến các vùng thôn quê. Nó sẽ là những tia sáng lan rộng và đẩy xa dần

ANH VIỆT

bóng tối. Công cuộc chắc sẽ gặp rất nhiều khó khăn cản trở vì ngoài kẻ thù cộng sản ra là một thứ kẻ thù nguy hiểm nhất, dai dẳng nhất, sảo quyệt nhất, còn có kẻ thù ở ngay bên trong chúng ta, ở trong mỗi người chúng ta có thể còn khó diệt trừ hơn Cộng sản. Bởi thế cho nên

để kết luận bài này, tôi xin nhắc lại một câu nói của một chính khách: Muốn làm cuộc cách mạng xã hội ta phải bắt đầu bằng cuộc cách mạng bản thân trước đã. Có tu thân xong thì mới có thể trị quốc và bình thiên hạ.

ANH VIỆT

MỖI NGÀY ĐỌC

Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO

- ĐỀ HIỆU RÕ TÌNH HÌNH QUỐC TẾ VÀ QUỐC NỘI
- TỜ BÁO CHỐNG ÁP BỨC CHỐNG ĐỘC TÀI

do MẶC THU chủ trương biên tập

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 1 30 821 — S A I G O N

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

TÌM HIỂU HỒ - XUÂN - HƯƠNG

hay Một vài nhận định về tâm lý học, phân tâm học và văn học

IV. — HỒ XUÂN-HƯƠNG

NHƯNG tai ác nhất là người cầm bút không hay nhận định về các chính khách. Trừ một số bình bút chuyên về chính trị (thường không được gọi là văn sĩ), người cầm bút hay phê bình bạn đồng nghiệp của mình và hay phân tích hoặc tâm lý của những đồng nghiệp đó, hoặc tâm lý của các nhân vật trong tác phẩm của họ. Sự phê bình vốn dĩ là một công việc giáo dục độc giả, dạy cho độc giả biết tìm cái hay trong tác phẩm, nên một nhà phê bình lầm lỗi sẽ đương nhiên lôi cuốn hàng nghìn độc giả sai lầm theo.

Chúng ta có thể lấy một vài ví dụ. Trường hợp điển hình nhất trong nền văn học nước ta là trường hợp Tôn-Thọ-Tường với Phan-Văn-Trị. Hai nhà thơ này đã « cãi nhau » bằng văn điệu : họ Phan trách cứ họ Tôn, họ Tôn tự bênh vực và đôi khi chê họ Phan là đại. Cả hai

người cùng đi vào quá khứ đã lâu, nên ngoài một số bài thơ, người ta gần như không có tài liệu gì về đời sống của hai vị. Như thế, đáng lẽ các nhà phê bình phải nhận thấy sự thiếu thốn quá nhiều dữ kiện để chê, khen con người thay vì chê, khen tác giả.

Nhưng có nhiều nhà phê bình (có khi gọi là nhà học giả !) không ngần ngại gì trong công việc giảng thuyết một bài luận lý. Trong khi chế-độ Pháp thuộc còn bao trùm cả bán đảo Đông-Dương, tinh-thần ái-quốc tác động vào tâm hồn nhà phê bình, khiến cho Tôn-Thọ-Tường, bất kể đời sống thực tế ra sao, nhất định phải mang danh phản quốc. Phan-Văn-Trị lẽ cố nhiên trở thành mẫu mực của giới sĩ-phu chống ngoại xâm, dù tích cực, dù tiêu cực. Vụ án Tôn-Thọ-Tường, Phan-Văn-Trị trở thành một lý lẽ của một thứ

tuyên truyền yêu nước. Những bài thơ không hay lắm mà chiếm được chỗ danh dự trong chương trình văn học, ấy là nhờ đặc tính của vụ án có pha trộn nhiều lấy chính trị.

Trên phương diện văn chương thuần túy, chúng ta bắt buộc phải công nhận sự lệch lạc ấy. Nhất là từ ba chục năm nay, cuộc vận động chính trị lan rộng vào đại chúng, lan rộng cả vào giới văn, thi sĩ, chúng ta đã có đầy đủ kinh nghiệm để biết rằng một câu nói, một việc làm (có, khi vô tình) có thể thay đổi cả một cuộc đời. Tôn Thọ - Tường có thể gặp một người Pháp rất tốt rồi vì cảm kích mà theo giặc, Phan - Văn - Trị có thể bị hất hủi một cách bất công mà phản chí sinh ra chống đối... Người ta không thể nào trở về quá khứ để tìm hiểu những chi tiết động cơ của thái độ của mỗi người. Đáng lẽ người ta chỉ nên phê-bình những bài thơ mà không đi quá vào lĩnh - vực tâm lý tác giả mới phải.

Sự nhận định trên đây có thể được áp dụng cả vào văn phẩm của nhà văn Nhất-Linh, vị huynh trưởng của giới văn nghệ hiện đại mới quá vãng, nhưng tác phẩm của ông cũng bị bao trùm bởi một màn sương mờ đục. Vì cuộc sống của cá nhân ông có rất nhiều dư kiện đã theo ông xuống mộ, vì, một phần khác, ông không viết về tâm tình của ông bao giờ, nên nhà phê bình không thể nào vượt qua sự tìm hiểu tác phẩm để đi sâu vào sự tìm hiểu « tác giả với tác phẩm ». (Ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt có thể giúp người ta đi lần từ tác phẩm đến tác giả. Ví dụ trường hợp các nhân vật của Nhất-Linh rất yêu nhau nhưng không

bao giờ đi đến hành động kết thúc của tình yêu, Nhất-Linh đã có nhiều nhân vật tương tự, cho nên người ta có thể ước đoán ông hoặc có một mặc cảm nào đó khiến cho ông khinh bỉ hay sợ hãi tình dục, hoặc có tinh-thần đạo đức cứng rắn của nhà truyền giáo, đương nhiên coi tình dục là xấu xa bỉ ổi).

..

Nhận định về người đương thời còn không được, chúng ta làm sao có thể nhận định về một Hồ - Xuân - Hương ? Như một nhà phê bình nào đó đã cả quyết bà làm thơ « tục » như vậy vì bà bị « nén tâm », « bất mãn » suốt đời về tình dục ?

Không ai dám nói Hồ-Xuân-Hương làm thơ không hay. Không ai chối được rằng ngôn ngữ Việt - Nam, được Hồ-Xuân-Hương sử dụng một cách xuất quỷ nhập thần, đã có hẳn một thứ linh hồn bay bổng tuyệt vời : trước Hồ - Xuân-Hương không có ai, sau Hồ-Xuân-Hương chưa có ai. Nguyễn-Du, bên cạnh Hồ-Xuân-Hương, chỉ là một thứ « thợ cày » bên cạnh nhà nghệ sĩ.

Vẫn biết một nghệ thuật tuyệt vời có thể là do kết quả của sự thăng hoa các tâm tình u ất. Song trường hợp ấy không phải là trường hợp của Hồ-Xuân-Hương. Nếu trong tâm hồn bà có điều gì u ất không nói ra được, điều ấy chắc chắn không phải là những cảm nghĩ về những khoái lạc tình dục. Nếu nói rằng thơ của bà là phản ánh một sự đè nén tình dục không được mãn nguyện và bà là một nạn nhân của trạng thái nén tâm

do tình dục gây ra, thì cũng ngoan cố như các địch thủ của Freud nói dựng đứng lên rằng chính Freud sở dĩ viết nên những cuốn sách nghiên cứu về tính dục chẳng qua là cũng bị nén tâm về tình dục. Cuộc đời của Hồ-Xuân-Hương cũng như cuộc đời của Freud, đã chứng minh đầy đủ ngược lại. Cũng như Freud, Hồ - Xuân - Hương đã có một cuộc đời tình ái bình thường trên phương diện tính dục.

« Chàng với thiếp đêm nằm trần trọc,
« Đét đồn lên đánh cuộc cờ người... »

Freud và Hồ-Xuân-Hương không hề có mặc cảm về phương diện ấy, và vì không có mặc cảm nên cả hai người mới *đường hoàng* đem chuyện ăn nằm giữa đôi trai gái hay vợ chồng ra phơi bày. Và mục đích của hai người có thể cũng chỉ là là một. Freud muốn phá sự giả hình tai hại đã làm sai lệch tâm tình của cả một thế hệ, biến họ thành những con người đạo đức giả. Hồ-Xuân-Hương có thể ví với Freud như là một vị y sư của Á-Châu, đã khơi mào sự chữa chạy cái mặc cảm tội lỗi xưa từ ba bốn nghìn năm của con người Châu-Á mỗi khi nghĩ hay nói về điều tuyệt đối cấm chỉ (*tabou*) trong xã hội Á-Châu, là vấn đề ái ân tình dục giữa người đàn ông và người đàn bà. *Hồ-Xuân-Hương thực ra phải được coi là bậc tiền bối của Freud, vì trước Freud bà đã biết rằng phương pháp chữa những bệnh mặc cảm hay khinh tâm bệnh cùng những tâm bệnh trầm trọng là cách đem nguyên nhân trình bày trước lý trí của người bệnh, và bất lý trí phải nhận chân nguyên nhân ấy không được xuyên tạc.* Hồ-Xuân-Hương và Freud, cả hai đều là những con người quân bình không có mặc cảm. Nghệ thuật

của Hồ Xuân-Hương là một thứ nghệ thuật thuần túy do chân tài và khối óc sáng suốt tuyệt vời sáng tạo nên; bảo rằng tác giả sở dĩ làm được thơ hay là vì bị nén tâm về tình dục, thì quả thật người ta đã sai lầm nhiều quá!

Những người lý luận như thế thường khởi đầu bằng một trạng thái « bị ám ảnh ». Hồ-Xuân-Hương, trong 9 phần 10 thơ của bà, đều có ám chỉ bộ phận sinh dục và ám tả cảnh giao hợp. Người ta viện dẫn một số truyền kỳ — Hồ Xuân-Hương ái-nam-ái-nữ, Hồ-Xuân-Hương rất xấu, Hồ Xuân-Hương « vất vả » trong việc hôn nhân — để bảo đảm cho giả thuyết rằng bà là người đa tình (hay nói trắng ra là đa dâm) nhưng vì lẽ này lẽ khác nên không được thỏa mãn, và do đó, đã làm thơ để « bày tỏ » nỗi lòng ẩn ức của mình. Con đường lý luận rất đơn giản: người ta thích thì thêm, thêm mà không được thì nghĩ đến luôn, nói đến luôn luôn...

Người ta không nhận thấy con đường lý luận này (mà người ta cố gán cho nó một vẻ « phân-tâm-học » cao siêu) là con đường bỏ ngõ, con đường ngay thẳng nhất của những phản ứng tâm lý của hạng người giản dị nhất. Điển hình là các em nhỏ: thích ăn kẹo thì đòi, đòi không được tất nhớ luôn, nói luôn đến vấn đề ăn kẹo. Người ta, dù muốn, dù không, đã gán cho Hồ-Xuân-Hương thứ tâm tình « trẻ thơ » như vậy.

Sự thật thì, đối với nữ-thi-sĩ qua đời đã lâu lắm (và không để lại dấu vết gì, ngoài tác phẩm), chúng ta chỉ có thể nói một lời quả quyết. Rằng nghệ thuật ấy —

với tất cả những lời diễn đạt thâm thúy và tế nhị như thế — bắt buộc phải là sự biểu hiện của một tâm hồn vô cùng phức tạp, một tâm hồn vô cùng phức tạp chống đối một hoàn cảnh vô cùng ác nghiệt.

Trong hoàn cảnh xã hội xưa, Hồ-Xuân-Hương đi học là một sự lạ, làm thơ còn lạ hơn. Đa số những danh sĩ thời bấy giờ xuất thân bằng cử nghiệp, chắc không tha thứ cho cả bà lẫn song thân của bà về việc ấy. Trong một xã hội còn suy tôn một cách tuyệt đối, vai trò của các bậc sĩ phu (đàn ông), người ta, nếu công nhận Hồ-Xuân-Hương có tài, tất chê bai gia đình bà vô phúc. « Âm thịnh, dương suy » là một điều không mấy vẻ vang đối với đồng bào ta... khoảng 100 năm trước.

Sự chê bai phải có, nhưng gia đình họ Hồ phản ứng thế nào? Có thể thân phụ bà Hồ-Xuân-Hương đã chống lại... nhưng có lẽ hơn là chính bà chống lại xã hội. Bị đặt vào vị trí thấp hơn những người con trai cùng lứa tuổi một cách oan uổng, bà có thể oán hận xã hội và, hợp lý nữa hơn, bà có thể khinh thường chính những người bạn trai ấy. Sự khinh bỉ có thể có hai phần: khinh kém tài và khinh hẹp hòi về tư tưởng, trong khi đó, toàn thể các xã hội Nho giáo vừa sợ, vừa khinh tất cả những gì có liên hệ đến vấn đề dâm dục. Con người có Nho học hết sức tránh những câu văn, lời nói có ám chỉ, dù chỉ xa xôi, đến những việc họ có thể làm trong phòng riêng. Nhưng, cố nhiên là thế, con người của họ vẫn có phần nào thích thú những việc đó, và mỗi khi hoàn cảnh cho phép, họ nói được một lời bóng gió thật xa đến những khoái lạc của tình dục tất sẽ coi như làm được một

bài văn có giá trị đặc biệt. Sự trái ngược này, Hồ-Xuân-Hương không lẽ nào không biết. Biết và *khinh* cái thái độ mâu thuẫn vì hèn nhát và hẹp hòi về tính thần đó. Cho nên chúng ta có thể tìm thấy trong phản ứng này của bà một phần nào cái nguyên nhân của sự sáng tác thi phẩm của bà. Nói một cách giản dị hơn, chúng ta có thể cho rằng bà Hồ-Xuân-Hương, mặc dù có văn tài vẫn không được coi vào hàng sĩ tử nam nhi, nên tỏ ý báo thù xã hội và khinh bỉ giới sĩ phu bằng cách làm những bài thơ, những bài thơ rất hay nhưng rất tục.

..

Nhưng suy luận như thế chỉ đủ để giải thích sự kiện « làm thơ » của Hồ-Xuân-Hương. Còn một việc hệ trọng hơn mà người phân tích tâm lý có thể làm được là nhận định về tính thần và tình cảm của những bài thơ hay nhất, rồi từ đó, đưa ra những ước đoán hợp lý về tâm hồn tác giả.

Thơ Hồ-Xuân-Hương có đặc điểm là *giấu cợt*, một đôi khi hơi ác, nhưng bao giờ cũng *buồn* — không phải là cái buồn ẩn ức, như N.T. viết trong « Chùa Đàn », mà « một cuộc ái ân nửa vờ » mà là cái buồn man mác rộng rãi, có bề nào chịu thua định mệnh, của một sắc đẹp có ngày tàn, của một tấm tình có ngày phai nhạt.

« Chơi xuân có biết xuân chẳng tá ?

« Cọc nhô đi rồi, lỗ bỏ không.

Sự trách móc được nói thành lời mà không có tính thần đau đớn. Hồ-Xuân-Hương công nhận một sự bạc bẽo tất nhiên, và mượn cái cảnh vắng và buồn ấy để làm đại ý cho bài thơ. Người có *phản ứng*

đường hoàng như vậy không phải là người có nhiều tham vọng không được thỏa mãn trong cơ thể.

Nói như thế không có nghĩa là Hồ-Xuân-Hương khô cứng (frigide) hay hoàn toàn chế ngự được phần dâm dục của thể xác. Một vài câu thơ chứng tỏ bà có những nhận xét xác thật:

« Để còn buồn tình hức giận thừa

« Xin đừng mủn-mó nhựa ra tay

Một người không nghĩ luôn đến tình dục khó lòng viết ra được những « sự thật » ấy. Vậy bà Hồ-Xuân-Hương vẫn là người đa tình. Nhưng chúng ta nên nói rõ : đa tình hơn là đa dâm. Vì dâm dục bao giờ cũng là sự bù đắp, đồng thời là sự kết thúc của tình ái, nên chúng ta có thể nói rằng Hồ - Xuân - Hương tha thiết đi

tìm ái tình, và đã chấp nhận dâm dục như một chứng minh của ái tình. Nhưng Hồ-Xuân-Hương đã thất vọng về tâm cảm. Bà không gặp người tri kỷ, không biết vì bà không đẹp (sắc đẹp ít khi là nguyên nhân của một tấm tình yêu chân thật) hay vì giữa bọn nam nhi không có ai nâng được tâm hồn lên ngang với tâm hồn bà.

Trong một số người có ý thức cao độ, khi tình ái đã không thể có được, thì dâm dục chỉ còn là công việc riêng của xác thịt. Không để cho tâm hồn liên hệ với khoái lạc, Hồ-Xuân-Hương có thể có cái tỉnh của người say, có thể đã phân tích cái khoái lạc nó đến với chính mình như ở một trạng thái độc lập đối với tâm hồn mình. Từ nơi ấy, Hồ-Xuân-Hương làm thơ, một phần nói lên nỗi buồn của thiếu phụ chưa bao giờ được yêu, một phần nói lên sự giấu cợt và khinh thường đối với nhục thể và nhục dục.

V. — NÉN - TÂM HAY THĂNG - HOA ?

Theo bảng tổng hợp các phản ứng tâm lý của Pavlov (do Tchakhotine thuật lại) và theo kinh nghiệm của một số môn đệ của Freud và Pavlov thì bản năng của con người không phải lúc nào cũng có những phản ứng được tiên liệu. Bản năng tính dục không nhất thiết đưa người đàn ông đến gần người đàn bà (nếu bản năng mạnh) hoặc làm cho họ xa lánh nhau (nếu bản năng yếu). Bản năng bồi dưỡng

không nhất thiết liên hệ đến ăn uống, cũng như bản năng phá hoại không phải lúc nào cũng bắt buộc phải có chiến tranh.

Freud và Pavlov nhấn mạnh đến hoàn cảnh và tác động của bản năng này vào bản năng nọ. Hoàn cảnh không thay đổi được bản năng, nhưng thay đổi được sự ảnh hưởng của bản năng đối với tiềm thức chúng ta có thể viết.

Xúc-động (ngoại-cảnh)

+

Bản-năng (nội-tâm)

} vô thức và tiềm-thức

cảm - tình

↓

suy - tư

↓

hành - động

Trong công thức trên đây, chúng ta cần nhớ là mỗi người có nhiều bản năng và tất cả mọi bản năng có thể bị huy động cùng một lúc trong một xúc động độc nhất. Tùy sức mạnh của bản năng này (ví dụ : bản năng phá hoại) tương quan với sức mạnh của bản năng kia (ví dụ : bản năng mẫu-tử) mà một cá nhân có thể có phản ứng thế này, thế khác.

Tuy nhiên, trong một cá nhân đã được xác định, người ta có thể biết rõ đặc tính của mỗi bản năng, và nếu biết được một số dữ kiện đầy đủ về hoàn cảnh đã xảy ra, người ta có thể dự liệu được các xúc động (đã có) và, vì thế, có thể theo dõi được con đường ảnh hưởng của chúng vào vô thức hay vào tiềm thức cá nhân đó. Đó là trường hợp nhà chuyên môn về phân tâm học tìm thấy mặc cảm trong con bệnh.

Nhưng mặc cảm, như đã nói trên, là một hệ thống bao gồm nhiều nguyên nhân và nhiều động tác tâm lý. Mặc cảm bao giờ cũng phức tạp. Từ những nhà chuyên môn, trừ một số mẫu người điển hình (ví danh-tiếng) người ta ít có thể nói đến mặc cảm mà không sợ sai lầm. Những người bình thường có trí óc thật sáng suốt cũng chỉ có thể sau mỗi hành động mới lại nhận thấy mặc cảm của mình. Sự kiện tự mình hiểu mình đã khó, lại lột trần cả tâm hồn mình trước sự xét đoán nghiêm khắc của chính mình (đã sáng suốt tất phải nghiêm khắc), thì, thật thế, sự kiện này chẳng giúp gì thêm cho đời sống vui vẻ, yên ổn của chúng ta.

May mắn là bên ngoài mặc cảm còn có hai trạng thái « thăng hoa » và « nén tâm »

có thể nói là giản dị hơn, rõ ràng hơn, vậy có thể cho phép những ai thích thú công việc phân tích tâm lý theo dõi và bàn luận.

Thăng hoa và *nén tâm* là hai trạng thái tâm lý thoát tiền giống nhau ở tính chất đẩy lui dồn gạt. Bản năng của một cá nhân có thể bị hoàn cảnh trái ngược vây bọc, không cho phát huy ra được, và gây thành dồn ép. Nhưng thường thường bản năng vẫn có thể tác động vào vô thức (hay tiềm thức), rồi sự dồn ép xảy ra sau đó, khiến cho cá nhân hoặc không thể có những phản ứng theo ý muốn, hoặc có những phản ứng trái hẳn lại với ý muốn. Cá nhân này có thể biết — nhưng thời thường là không biết — đến tình trạng mâu thuẫn trong tâm hồn mình (ví dụ : người không muốn nói dối mà hễ mở miệng ra là bịa đặt), nhưng nhất định phải chờ có một ngoại cảnh thuận lợi (hay ác liệt) mới giải quyết được tình trạng mâu thuẫn đó.

Ngoại cảnh sẽ xảy ra có thể ví được như mũi dao chọc vào cái bong bóng bơm quá căng. Người đang bị dồn ép gặp ngoại cảnh tốt thì được thăng hoa, sức mạnh chứa đựng trong quả bóng được dùng vào công việc hữu ích, thường thường là nghệ thuật. Trái lại, sức mạnh ấy có thể bị hướng vào những việc xấu : y sẽ trở thành một thứ trộm cướp, lưu manh có hạng. Và sau cùng, cái bong bóng có thể bị căng quá mà vỡ. Con người trở thành điên loạn.

Chúng ta có thể lấy một ví dụ : một người tên A., khi còn ít tuổi có trí thông minh hơn mực thường và có óc tưởng-tượng nảy nở một cách đặc biệt. A. lớn

lên, đi học thì bị chương trình quá dễ ngăn cản bước tiến (vì không cho A. cơ hội để cố gắng, chiến thắng) ngoài xã hội lại bị nền nếp đạo đức cũ bó buộc, khả năng của A. không bộc lộ được. Khi thành niên A. bị ghét bỏ một phần vì có tài, một phần vì có tưởng tượng phong phú nên hướng về một nếp sống bạo liệt, ngang tàng hơn nếp sống cũ, A. chống lại những lễ thói thông thường của xã hội. Đến một thời kỳ nào đó, A. bị coi là nguy hiểm, bị cô lập, trong khi chính A. cũng rút lui vào sự sống câm nín, nặng nề suy tư. Hành động của A. càng ngày càng chuệch choạc. Cho đến lúc A. gặp hoàn cảnh tốt, có điều kiện dung dưỡng và sự thông cảm, thì tất cả tài năng của A. đều được thể-hiện. A. trở thành một nghệ sĩ có tiếng tăm. Sự dồn ép trong tâm hồn A. đã được thăng hoa một phần lớn nhờ sự đền bù bằng sự kính trọng của người chung-quanh. Còn một phần tâm tư của A. chưa được giải quyết là phần tưởng tượng. Vì xã hội vẫn như cũ. *A. phải cúi xuống để chiến thắng.* Sự bất mãn tồn tại và cấu tạo thành trạng thái dồn ép thứ hai. Tham vọng cải tạo đời sống có thể lớn lao quá sức của A. nhiều. Nhưng trên lý thuyết, nếu gặp hoàn cảnh thuận tiện một lần nữa, A. có thể trở nên một nhà tu đắc đạo. Vào hoàn cảnh ngược lại, A. không điên rồ vì sức dồn ép không quá mạnh, nhưng tương quan với tâm-hồn yếu dần, sức dồn ép đó có thể làm cho A. hóa ra lẩn thẩn.

Ví dụ trên đây nói về một trường-hợp thăng hoa ít khi có. Sự dồn ép, trong con người bình thường, ít khi ra ngoài mấy tham vọng về quyền, lợi, và tình,

dục. Một người đàn bà đa dâm bị ngoại cảnh chế ngự, thì sự dồn ép sẽ đưa đến trạng thái *nén tâm* thường trực. Trạng-thái nén tâm này xui khiến cho người đàn bà trở nên độc ác, quay quắt *cả trong những lúc không động tình.* Một người ham lợi mà không làm được nên giấu có thì chắc chắn sẽ thành người đảo điên, gian dối. Trạng thái nén tâm trong người đó sẽ khiến cho y đảo điên, gian dối cả trong những vấn đề không dính líu gì đến tiền bạc.

*
* *

Đến đây, bạn đọc sẽ thấy sự phân tích về « nén - tâm » hay « thăng - hoa » cũng chẳng kém khó-khăn sự phân-tích các thứ mặc-cảm. Người ta có cả một nghìn linh một lý-lẽ để hiểu lầm người khác. Sự tìm kiếm càng đi sâu càng phức tạp hơn, và, có lẽ thế, ai đã hiểu thấu được tất-cả mọi dữ-kiện tâm-lý, người đó sẽ không dám tìm hiểu ngay chính tâm hồn mình.

Các bạn nghĩ như thế là đúng, đúng nhất. Nhưng bởi vì Thượng-đế, khi sinh ra con người, đã dặn nó rằng trong các thích-thú ở đời có sự tìm-hiểu những người ở chung - quanh nó là thích - thú nhất, cho nên, mặc - dù đã biết trước rằng tâm-hồn chúng ta càng bị đào càng sâu, càng mở rộng càng mênh-mông vô tận... cho nên mặc-dù đã biết trước việc tìm hiểu người chung-quanh càng cố gắng càng thất-bại (mà càng thất bại càng thêm thích-thú), chúng tôi vẫn cứ viết bài này, tặng các bạn một số phương-tiện để lột tằm áo - khoác-ở-ngoài-cùng che-đậy trên những tâm-hồn... tri-kỷ.

NGUYỄN-MẠNH-CÔN và
HOÀNG-VŨ

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

35 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

155, Đại lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charnier)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.727 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithet Preah Bat Norodom
(ex Dardart de Lagree)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P O Box no 763

La B. N. C. I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., E. F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Malta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

TỰ DO NGÔN LUẬN và BÁO CHÍ

● PHẠM-LƯƠNG-GIANG

SAU nhiều đoạn đường tranh đấu khó khăn và nguy hiểm, nhân loại dành được tự do. Mà nói đến tự do, tất nhiên phải kể tự do tín ngưỡng, mà quyền « tự do ngôn luận và báo chí » là bổ sung cần thiết. Vì tin tưởng mà không được nói hay viết, thì thực mâu thuẫn và khiếm khuyết.

Tuy nhiên, mặc dù ai nấy đồng lòng xác nhận tự do ngôn luận là cần thiết, là mực thước đo lường (một chánh thể có hay không dân chủ, một quốc gia hơn hay kém văn minh), nhưng quan niệm lại thật sai biệt tùy nhân tuyến và vị trí. Ta hãy xét qua về chế độ tự do ngôn luận và báo chí, theo quan niệm và phản ứng của chánh quyền, và theo quan niệm và phản ứng của chính người cầm bút. Sau hết, sẽ bàn tới tình trạng báo chí nước nhà trong giai đoạn hiện thời, cùng là ghi chép một vài

nhận xét của một số danh nhân quốc tế về nghề cầm bút.

A. — Chánh quyền và tự do ngôn luận.

Tại Pháp, đạo luật đầu tiên về kiểm duyệt, ngày 16 tháng 7 năm 1618, đã quy định các sách báo phải được nhà cầm quyền duyệt y trước khi in.

Ngày 16 tháng tư năm 1758, một đạo luật nữa ra đời : nhà bình bút hoặc xuất bản có thể bị tù tội, xử tử hay lãng trí, vì nói phạm đến tôn giáo, động đến triều uy, hay đôi khi chỉ vì một lý do hành chánh không rõ rệt.

Nhưng theo trào lưu tiến triển, đạo luật ngày 23 tháng 6 năm 1789 (nghĩa là trước cả cuộc cách mạng ngày 14 tháng 7 năm 1789), đã ra tay tế độ, cứu vớt báo giới

TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ BÁO CHÍ

Pháp khởi những đạo luật hà khắc và bất công kiểm chế.

Tuy vậy, báo giới Pháp được giải phóng thực sự, là kể từ đạo luật năm 1881, mà ông Churong-kinh kiêm ủy viên thuyết trình Eugène Lisbonne đã cho là một chế độ « tự do mà báo giới chưa từng được hưởng. »

12 năm sau, — năm 1893 —, vụ án « kênh Panama » làm dư luận hoàn cầu sôi nổi. Chế độ kiểm duyệt được tái lập, vì lý do quốc thể và hành chánh, và đồng thời cũng là để che đậy những thói nát nội bộ do một số « mũ cao áo trắng » thủ xướng nên.

Nhưng phương thế áp dụng năm 1893 chỉ là một hạ sách tạm thời, và các nhà cầm quyền sau đó đã sáng suốt nhận định thời cuộc, để công nhận quyền tự do ngôn luận và báo chí như một quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Ở Pháp, nếu tự xét bị một nhà báo phỉ báng, một cá nhân có thể chiếu chi pháp luật (về trường hợp này có hai đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1822 và ngày 9 tháng 9 năm 1835), để trả lời hay chất vấn trên mặt tờ báo đã phỉ báng mình. Hơn nữa, nếu xét cần, còn có thể đưa nhà báo ra trước pháp luật. Nhưng phải có bằng chứng xác đáng, chớ không thể buộc tội một cách hồ đồ.

Phức tạp hơn là trường hợp xảy ra giữa chánh phủ, (hay những nhân viên chánh phủ) với một tờ báo. Tùy trường hợp (1), nhà báo có thể bị đóng cửa và báo bị tịch thu, hoặc viên quản lý bị đem xử tại Tòa Án thường (2), tại Hành

chánh pháp viện (3), và nếu cần, tại Tham chánh viện (4). Nhưng trừ những lý do quốc thể, quốc phòng hay giao tế, còn thì trong bất cứ trường hợp nào cũng phải căn cứ vào những bằng chứng minh bạch, xử trí phân minh, chớ không thể kết tội vu vơ độc đoán. Vả chăng, một tờ báo bị đóng cửa một cách bất công, cũng có thể kiện lại chánh phủ như chánh phủ có thể kiện mình.

Nhiều nhà cầm quyền thường không muốn — và không thể tưởng tượng — một cơ quan ngôn luận tư nhân lại có khả năng giám sát những hành động của mình, và của các cơ quan do mình điều khiển và mong mỗi ngày thêm củng cố. Bởi vậy, các người đó lúc nào cũng chú ý đến tổ chức báo chí :

— Báo chí được tự do, khiến các nhà cầm quyền phải vô cùng thận trọng ; vì những lời phê phán của các tờ báo đứng đắn thường rất vô tư, một đôi khi nghiêm khắc ;

— Báo chí bị chi phối, khiến các nhà cầm quyền có thể dễ dàng thực hiện những chương trình thống trị và áp bức.

Có những nhân vật chính trị đa sầu đa cảm, thường dễ hờn giận vì những bài nhận xét chủ quan, hoặc những lời thơ bức họa, khôi hài chua chát. Thiển

(1). — Ở Pháp, những qui luật về báo chí có chưa rõ từng trường hợp, (Điều từ 23 đến 34)

(2). — Lễ dĩ nhiên với nguyên tắc phân quyền cần thiết. Bằng không, tư pháp chỉ là đàn cày của hành pháp.

(3). — Contentieux Administratif.

(4). — Conseil d'Etat.

nghe điều cốt yếu là phải phân tách các hành vi đó có ẩn ít hay nhiều ác ý, hay đó chỉ là một thái độ đùa cợt hồn nhiên, một vi phạm hạ tầng mà một đảng trưởng-phu quân tử không nên lưu ý. Đã làm chánh-trị, hãy hỏi có mấy ai tránh khỏi đối-phương xuyên tạc, hay khích bác ?

Ở Pháp, Tổng - thống De Gaulle thường bị các báo chí chế giễu. Sau lời tuyên bố của Tổng-thống về tình hình Algérie, — Pháp sẽ áp dụng một trong hai biện pháp « tự quyết » (5) hay « quốc tế hóa » (6) — : một ca sĩ hài hước (7) đã bắt chước như hệt giọng nói của vị Nguyên thủ Pháp trong hai bài hát « autocirculation » (8) và « dépigéonnisation » (9), làm ai nấy không thể nhịn cười... Chiếc đĩa hát ngoài có chụp hình người ca sĩ, dơ hai tay lên trời theo kiểu De Gaulle, đứng trên chiếc bục có choàng quốc kỳ, gần máy vi âm, thật chẳng khác De Gaulle đang « ban huấn từ » hay « hiệu triệu đồng bào thân mến »...

Tuy nhiên, hành vi không bị coi là phạm thượng ; và Tướng De Gaulle nhận được chiếc đĩa hát kính tặng, chỉ mỉm cười khâm phục tài năng người ca sĩ...

Bởi vậy, sau khi cân nhắc lợi hại, nhà bình bút Alexandre Israël trong cuốn « Quá khứ và Tương lai quyền Tự do ngôn luận và báo chí », đã chẳng nề hà kết thúc :

« Không thể xâm phạm đến quyền tự do ấy được ! »

Ý niệm của A. Israël không quá đáng, nếu ta nhớ lại trước đây, Raymond Poincaré hồi còn ở Hạ Nghị viện, cũng từng tuyên bố :

« Phải duy trì chế độ tự do báo chí trong một quốc gia tự do »

Và Alfred Fouillé, khi bàn luận về chế độ báo chí, cũng viết :

« Hoàn toàn tự do, nhưng hoàn toàn trách nhiệm ! ».

B. — Báo chí và tự do ngôn luận.

Như trên đã phân tách, tại một nước văn minh dân chủ, vai trò của báo chí thực quan trọng. Muốn ý dân được các nhà cầm quyền thấu xét, muốn các nhà đương cuộc không thể ỷ thế lạm quyền, thiết tưởng tự do báo chí là một điều cần lắm vậy.

Tuy nhiên, quyền đó chỉ có thể bất khả xâm phạm, nếu ở trong một giới hạn hữu định. Như vậy thực hợp lý, là vì người ta không thể có quyền mà không có bổn phận, hay có bổn phận mà không có quyền. Quyền và bổn phận là hai ý niệm đang đối, mà biên giới của bên này lại do bên kia hạn định.

Người ta nếu chỉ có quyền chứ không có bổn phận, thì xã hội sẽ trở nên vô chủ. Mà trái lại, chỉ có bổn phận chứ không có quyền, thì con người thực đã mất hết phẩm cách làm người.

Tại các nước, quy luật về báo chí đều chưa rõ những trường hợp phạm pháp mà người cầm bút có thể hữu ý hay vô tình sa ngã. Nhưng pháp luật chỉ có thể phân xử một khi có tang chứng rõ rệt, khiến người

(5). — autodétermination.

(6). — internationalisation.

(7). — chansonnier.

(8). — tự di chuyển.

(9). — trừ chim bồ câu tại trước Tòa Thị-sách Paris.

cầm bút biết tự trọng, không những phải tự kiểm chế để giữ gìn trước pháp luật, mà còn ngay đối với cả chính mình ! Nói tóm lại, người cầm bút chân chính, không vì một lẽ gì lại có thể coi rẻ danh dự nhà báo.

Một bài báo là một tài liệu có ảnh hưởng không biết đến bao nhiêu ngàn độc giả. Nhất là khi người cầm bút lại chỉ trích một hành động, một cá nhân : bài báo quả thực là một bản cáo trạng nghiêm khắc có thể đưa người bị chỉ trích đến chỗ tù chức hay tự sát.

Một nhà báo đứng đắn không thể mang đời tư của cá nhân làm đầu đề phỉ báng, để mong « đắt hàng » hay « câu khách » !.

Tại các nước văn-minh, Hiệp-hội các nhà văn nhà báo luôn luôn cố gắng, làm sao để báo-giới gột cho sạch cái quan-niệm tai hại « đắt hàng » hay « câu khách » đó ! Báo chí dẫu dặt độc-giả, đi trước quốc dân, chớ không chiều theo thị hiếu thấp kém trong dân chúng !

Trong lịch-sử làng báo nếu đã có những cây bút bị mua chuộc bởi tiền-tài danh vọng, thì ngược lại cũng có nhiều nhà viết báo khí-khải, có thể gọi là « khờ dại », cam tâm sống trong cảnh thanh-bần chớ không chịu vì lợi, vì danh, mà viết những điều trái với lòng mình tin-tưởng.

Một nhà giáo thiếu lương-tâm có ảnh-hưởng không hay đến dăm chục trẻ em ; một nhân viên hành chánh tham-nhũng, có thể hại cho đến toàn dân một hạt. Nhưng một nhà báo coi thường danh dự có thể làm phong-tục cả một dân-tộc suy-đổi, hay nếu gặp cơn binh hỏa dị-kỳ, còn có thể đưa cả dân-tộc đó đến chỗ suy-vong nữa !

C. — Tình-trạng báo-chí nước nhà trong giai-đoạn hiện-thời.

Từ thời Pháp-thuộc, trải qua Nhật-thuộc v.v... cho tới nay, mấy chục năm trời, báo chí Việt-Nam đã quá « quen » với kiểm duyệt. Không những kiểm-duyet, mà còn chỉ huy trực-tiếp, về nội dung cũng như hình-thức. Lăm phen, Bộ hay Nha Thông tin (10) gửi bài rồi chỉ-thị cho nhà báo có bốn phận đăng nguyên-văn, mà không được ghi xuất-xứ nên có khi : cùng một bài, giống nhau như hai giọt nước, không khác nhau một chữ đệm hay nét phẩy, được đăng trên ba bốn tờ báo khác nhau ! Tình-trạng đó đã ngăn cản đà tiến của nghề làm báo tại xứ ta, về nhiều phương diện...

Sau ngày 1 tháng 11, Tự-do ngôn-luận được ban-hành. Sau hơn một tháng trời « trắng mặt » giữa Chánh-phủ và Báo-chí, vết nứt rạn đầu tiên đã xuất hiện.

Sự sút mẻ này, có người đã tiên-tri tâm lý, dự đoán từ đầu. Nhà cầm-quyền chưa quen với thể chế mới, hay các nhà báo đã lạm quyền ngôn luận ?

Nhật báo Dư Luận đã lên tiếng trong đoạn « Lời Tòa-soạn », nhân bài tường thuật buổi họp báo ngày 10-12-1963 tại Hội-trường Diên-Hồng : Báo chí Việt Nam « vinh-dự khi nhận thấy sức mạnh của ngòi bút, của bài báo, đã được đánh giá rất cao. Nhưng trong niềm vinh dự ấy

(10) .- Các thông-tin viên quốc-tế không kêu Bộ hay Nha Thông-tin, là Ministère hay Direction de l'Information, mà là... de Déformation ! Một Tuy viên Báo-chí chao một kỹ giả không bằng chữ Confrère, mà khỏi hải dùng chữ Complice...

cũng pha một phần nào đau đớn ! Đau đớn vì những sơ xuất của nghề nghiệp đã được mở xẻ công khai, trước hàng trăm con mắt tò mò của những người ngoại quốc, dự buổi họp báo với tư cách khán giả. Giá như trước kia, thì chỉ một cú tê lê phôn là những bài báo ấy không thể xuất hiện được. Ngày nay, những bài báo ấy, mặc dầu là chánh quyền cho rằng khiếm khuyết đến thế nào đi nữa, vẫn được in lên và đem bán là chứng cớ hiển nhiên rằng chúng ta thành thực muốn có tự do. Một sự thai nghén nào mà không mang lại một chút đau đớn, huống hồ là sự thai nghén và khai sinh cho tự do ngôn luận ? »

Vì bị đè nén quá đáng và quá lâu, có thể báo chí một khi được cởi mở đã tận dụng tự do một cách quá mức !

Chúng ta có thể chắc chắn tin tưởng không bao lâu nữa, sẽ không còn những bài báo loan tin thất thiệt, hoặc mang đờn tư của những « anh hùng vị ngộ » để làm « cần câu độc giả ». Báo chí sẽ điếm tính khách quan, ôn hòa quảng đại để cùng rút những kinh nghiệm của lịch sử, cùng bắt tay vào đại sự, mà tổ chức hiện tại, và củng cố tương lai . . .

Chúng ta đã mất quá nhiều thì giờ từ hơn 10 năm qua. Đây là lúc ai nấy góp phần để cùng gỡ trang sử mới. Biết bao nhiêu vấn đề đang chờ đợi chúng ta, cần được đem ra luận bàn, so sánh. Nào giáo dục, kinh tế, ngoại giao, y tế, quân sự, văn vận... Những vấn đề đó đáng cho chúng ta lưu ý hơn là những câu chuyện quá khứ. Các vấn đề quan trọng trên đây chỉ có

thể giải quyết, nếu nhân tâm đoàn kết, không chia rẽ. . .

D. — Một vài nhận xét quốc tế về nghề cầm bút.

Nói tóm lại, Chánh phủ, Báo chí, Quốc dân, cần phải cộng tác chặt chẽ trong thông cảm, để đất nước có thể mạnh tiến trên con đường hồi sinh, kiến quốc.

Lệ luật về báo chí phải được qui định cho rõ ràng minh bạch. Chánh quyền và Báo chí phải là hai thẩm quyền bổ túc, hai hoạt động giám sát lẫn nhau, và nguyên tắc bất khả xâm phạm phải là tự do ngôn luận và báo chí.

Chính với quan niệm như vậy, sau khi đã thận trọng cân nhắc thiệt hơn, ngày 4 tháng IV năm 1948, nhân buổi họp về báo chí tại Genève, phái đoàn Mỹ đã dự thảo một quyết nghị, công nhận « quyền tự do ngôn luận là nền tảng tự do nhân loại và điều kiện căn bản cho hết thảy mọi quyền tự do khác. » Cũng như các luật gia thường liệt quyền tự do ngôn luận vào hàng thứ tư, sau ba quyền lập pháp, hành chánh và tư pháp.

Nhưng thiết tưởng ý niệm sau đây của luật sư Maurice Garçon, nhân viên Viện Hàn lâm Pháp, về tự do ngôn luận và báo chí là đầy đủ nhất :

« Tự do báo chí là nền tảng của chánh thể, và xâm phạm đến quyền đó tức là xâm phạm không phải chỉ riêng đến tư tưởng, mà còn đến cả một chế độ chánh trị ! »

TỰ DO NGÔN LUẬN VÀ BÁO CHÍ

« Giám sát hành vi chánh phủ và tố cáo những vụ nhùng lậm : tự do báo chí là một phương thể chắc chắn để tránh sự lạm quyền, và quyền tự do đó phải tương đương với quyền tự do của công dân. »

Rồi luật sư tiếp như sau :

« Một chế độ báo chí tự do trong một quốc gia tự do. Và lịch sử báo chí một nước, ấy chính là lịch sử nền tự do của nước đó vậy. »

Để kết luận, thiển nghĩ không gì hùng hồn bằng những danh ngôn cổ kim quốc tế về nghề cầm bút. Chúng tôi xin mạn phép ghi lại nơi đây, để các bạn xa gần cùng chiêm nghiệm :

NHÂN-DÂN QUYỀN TUYÊN-NGÔN THƯ, ĐIỀU 11 :

« Tự do tín ngưỡng và tư tưởng là một quyền bất khả xâm phạm của công-dân. Công dân có quyền tự do nói, viết và in những ý nghĩ của mình, với điều kiện là hoàn toàn trách nhiệm trong những trường hợp lạm quyền do pháp luật quy định ».

HIẾN - PHÁP PHÁP NĂM 1793, ĐIỀU 7 :

« Quyền tự do phát biểu tư tưởng bằng báo chí hay bất cứ một phương-tiện nào khác không thể bị cấm đoán ».

HIẾN - PHÁP PHÁP NĂM 1794 ĐIỀU 353 :

« Không ai có thể bị cấm đoán nói, viết và in những ý nghĩ của mình. Bài viết không thể bị kiểm duyệt trước khi in. Tác giả chỉ chịu trách nhiệm trong những trường hợp hữu định »

HIẾN - PHÁP PHÁP NĂM 1848, ĐIỀU 8 :

« Các công dân có quyền phát biểu ý-kiến của mình bằng báo chí hay bất cứ phương tiện nào khác. Dù trong trường-hợp nào đi nữa, báo chí cũng không thể bị kiểm duyệt trước khi in ».

HIẾN-CHƯƠNG PHÁP NĂM 1814, ĐIỀU 8 :

« Hết thảy mọi công dân đều có quyền xuất bản và in những tư tưởng của mình với điều kiện tuân hành quốc luật trừng trị những vụ lạm quyền ».

HIẾN-CHƯƠNG PHÁP NĂM 1830, ĐIỀU 7 :

« Hết thảy mọi công dân đều có quyền xuất bản và in những tư tưởng của mình, trong phạm vi pháp luật. Chế độ kiểm duyệt không thể được tái lập.

HIẾN-PHÁP HỢP CHUNG QUỐC.

XỨ MISSISSIPI : « Tự do báo chí là một công quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm »

XỨ OREGON : « Hết thảy mọi công dân đều có quyền nói, viết và in những tư tưởng của mình, miễn là chịu trách nhiệm trong những trường hợp lạm quyền do quốc luật định ».

XỨ VIRGINIE : « Tự do ngôn luận và báo chí là một bức thành bảo đảm tự do của công dân. Chỉ những chánh quyền độc đoán mới nghĩ đến chuyện thu hẹp bức thành kiên cố đó ».

HIẾN-PHÁP WEIMAR, ĐIỀU 118 :

« Trong phạm vi quốc luật, tất cả mọi

công dân Đức đều có quyền triệt để tự do phát biểu ý kiến và tư tưởng, bằng lời nói, bài viết, hình ảnh hay bất cứ phương tiện nào khác.

« Không có kiểm duyệt. Tuy nhiên, pháp luật sẽ bài trừ những ấn loát phẩm phương hại đến thuần phong mỹ tục ».

HIẾN-PHÁP NAM - TƯ LẬP - PHU,
ĐIỀU 27 :

« Người dân được bảo đảm về hai công quyền ngôn luận và tín ngưỡng ».

HIẾN-PHÁP I-PHA-NHO, NGÀY 9
THÁNG 12-1931, ĐIỀU 34 :

« Bất cứ ai cũng có quyền phát biểu ý kiến bằng đủ mọi cách mà không hề bị kiểm duyệt trước ».

HIẾN-PHÁP BAVIÈRE NĂM 1946,
ĐIỀU II

« Báo-chí có nhiệm-vụ thông-tin xác-thực và phụng-sự nền dân chủ... »

Chế-độ kiểm-duyệt bị cấm-ngặt. »

BENJAMIN CONSTANT : « Đối với công-dân, tự-do tín-ngưỡng và báo-chí cần-thiết cũng như ngôn-ngữ hàng ngày vậy ».

LASKI : « Tự-do ngôn-luận và tư tưởng là một bảo-vật bất-khả xâm-phạm ».

— « Chánh-quyền có bốn-phần thỏa-mãn nhu-cầu quốc-dân. Chánh-quyền cần phải hiểu thấu những nhu cầu ấy để làm tròn sứ mệnh. Như vậy thì dĩ nhiên công-dân phải được quyền tự-do ngôn-luận và báo chí, để đạo-đạt những thỉnh

nguyện lên chánh phủ ».

CORMENIN : « Một vụ lạm-quyền được tổ-cáo tức cũng như đã sửa chữa được một nửa. Đã đành dư-luận chẳng thể xóa bỏ điều lầm lẫn đã phạm, nhưng dư-luận khiến từ nay trở đi người ta phải thận trọng hơn ».

BRISSOT : « Một tờ báo là một chiến sĩ bảo vệ quyền lợi quốc dân ».

DEBRIGODE : « Báo-chí không tạo nên dư-luận. Dư-luận vốn có sẵn và báo chí chỉ việc ghi chép. Thục lầm lẫn nếu người ta tưởng-tượng khi cảm-đoán tự-do báo-chí là có thể thủ-tiêu được dư luận ».

MASARYK : « Quốc hội không thể họp bàn quanh năm. Như vậy thì tự-do ngôn luận và báo-chí thực cần thiết để giám-sát hành-động của các nhà cầm quyền. Đó là một phương sách rất khoa-học và dân-chủ ».

SPENDER : « Báo-chí tự-do là hình-thức sơ-dãng của một nghị-viện phổ-thông và tổng-quát mà các ký giả từ trước tới nay vẫn hằng mong ước ».

TOCQUEVILLE : « Nói về báo-chí, không thể hình dung trạng-thái trung-dung. Chỉ có hai chế-độ : tự do hay nô-lệ ».

NAPOLÉON : « Thả lỏng dây cương cho báo-chí tự-do ư ? Không được ! Tôi chắc chẳng thể giữ nổi chính quyền được thêm ba tháng nữa ! ... ».

PHẠM LƯƠNG GIANG

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

IM LÄNG

hay LÊN TIẾNG

MỘT nhà soạn kịch trẻ tuổi người Đức, Rolf Hochhuth, mới xuất bản một vở kịch nhan đề là : « Đấng Đại-Diện Chúa » (Der Stellvertreter). Vở kịch này đã được mấy rạp hát nổi tiếng ở Berlin, Bâle, Luân-Đôn v. v. ... đem ra diễn và hiện đang làm sôi nổi dư luận Âu-Châu. Người phản đối, người ca tụng đều nhiệt tình và quyết liệt. Nếu có hàng nghìn người vỗ tay trong rạp, thì cũng có hàng nghìn người xuống đường la ó và đe dọa đốt rạp hát. ... Ở Luân-Đôn, trên vỉa hè đưa tới rạp của đoàn Royal Shakespeare Company, người ta phát những quảng cáo cho vở kịch : « Bạn có biết đạo Công Giáo đã tìm cách ngăn cản việc trình diễn vở kịch này không ? »

Đó là một lời kêu gọi vượt quá ý hướng nghệ thuật, nhằm kích động những thiên kiến tôn giáo của những người không ưa đạo, chủ trương tự do tư

tưởng, đồng thời cũng kích động những thiên kiến của những người Công-giáo hẹp hòi. Nhưng đã hẳn thái độ thiên kiến đam mê này có thể làm cho cả người Công giáo và không Công giáo không thấy được ý nghĩa đích thực của vở kịch hay nhận ra vấn đề mà tác giả muốn nêu lên và đó là điều đáng tiếc dù vở kịch có lời cuốn được đông đảo khán giả.

* *

Khung cảnh của vở kịch là thế giới đại chiến lần thứ hai vừa qua. Tác giả muốn nhắc tới chính sách diệt chủng tàn bạo, dã man của Đức-Quốc Xã đối với người Do-Thái : nào là khủng bố, bắt đi đày ở các trại tập trung, nào là cưỡng bách lao động ; lò khí độc tàn sát đàn bà, trẻ con, hàng triệu người Do-Thái ở Đức và

(1) Bài này viết trước đảo chánh 1 - 11 - 1963 nhưng đã không thể đăng được.

các nước bị Đức chiếm đóng đã bị tiêu diệt trong những hoàn cảnh mà phim ảnh, báo chí đã phơi bày tính chất vô nhân đạo như ai nấy đều biết. Nhân vật chính của vở kịch là một Cha dòng-tên Ricardo-Fontana. Ngài biết rõ tất cả những sự kiện trên vì đã chính mắt thấy tai nghe, hơn nữa còn được một đảng trưởng S.S. là Kurt Gerstein một chiến sĩ Tin-Lành đã chống lại Đảng Quốc Xã, hồi đảng này mới cướp chính quyền, rồi bị đi đày ở một trại tập trung nhưng đã khéo xoay sở đến nỗi xin được làm nhân viên S.S. (lực lượng đàn áp đặc biệt của Hitler) và do đó bí-mật đưa tin tức, tài-liệu về các trại tập trung, lò sát sinh bằng khí độc cho các tổ-chức kháng-chiến chống Đức.

Đứng trước những chính sách tàn-bạo của Hitler, Cha Ricardo mong muốn giáo-hội lên tiếng kết án, và Ngài tin rằng sự lên tiếng của Giáo-Hoàng Piô XII sẽ gây một xúc động lớn lao trong toàn thế-giới trước cảnh tàn sát hàng ngày hàng nghìn người Do-Thái và do đó sẽ ngăn chặn được bàn tay đẫm máu của Hitler và đồng bọn. Thoạt tiên Cha Ricardo vận-động với Khâm-Sứ Tòa-Thánh ở Berlin, rồi đến Bề Trên chung của Dòng ở Rome, sau cùng Cha trực tiếp tiếp xúc với chính Đức Giáo Hoàng Piô XII để làm cho Ngài nhận lấy trách-nhiệm trước những sự kiện bất bớ rõ ràng, nhất là lúc đó, bọn Đức đã bắt đầu khủng bố tàn sát người Do-Thái ngay tại Rome. Nhưng Đức Giáo-Hoàng đã từ chối không lên tiếng vì cho rằng bọn Quốc Xã, dù có tàn bạo đến đâu đi nữa cũng không thể làm cho người Công-

Giáo quên rằng, họ cần thiết để bảo-vệ Rome trong một tương lai gần đây. Nói cách khác, lực lượng hùng mạnh của Đệ Tam Đế Quốc (III Reich) sẽ là một pháo lũy tương-lai kiên cố ngăn chặn làn sóng Cộng Sản và bảo vệ Đạo Công Giáo và do đó « Hỡi Cha, ta không thể kết án Hitler là một tên cướp. Chúng ta không có sự lựa chọn nào khác, Cha phải hiểu một lần chót rằng, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ».

Nhưng không phải Giáo-Hoàng tuyệt đối từ chối lên tiếng và giữ thái độ thụ động im lặng. Trong một màn tiếp, tác giả trình bày Piô XII nhận những tấm chi phiếu (chèque) do những Cha Dòng tên người Mỹ gửi. Đây là một số tiền khá lớn nhờ những khẩu phần của Nhà Dòng đầu tư vào kỹ nghệ chiến tranh « Số tiền này số dĩ to lớn như thế là vì những người dân có quyền-lợi nhiều trong bốn Nhà máy chế-tạo phi cơ phóng pháo. Phải hiểu rằng những Linh-Mục hưởng lợi tức là nhờ các máy bay phóng pháo nhưng chúng ta không nên nhìn sự việc như vậy. Máy bay là một sáng chế đáng được chúc phúc lành. Nếu ở thời đại đáng buồn này người ta dùng nó để chở bom thay vì chở hành khách, thì đâu có phải tại lỗi các Linh-Mục góp khẩu phần ».

Tiền này, Piô XII có thể dùng để cứu giúp những nạn nhân vì bom đạn và các người Do-Thái bị bắt bớ. Ngài nói với Cha Ricardo, chúng ta chỉ có thể giúp đỡ những kẻ lâm cơn hiểm nghèo bằng bác-ái trong những trường hợp cá nhân cụ-thể. Đó là thái độ của hội Hồng-Thập-

Tự Quốc-Tế. Quả thực như tác giả muốn nói, không thể phủ nhận những sự giúp đỡ của Vatican và Hội Hồng-Thập-Tự Quốc-Tế đã làm giảm bớt sự đau khổ của những nạn nhân chiến tranh, nhưng làm sao có thể bằng lòng coi « Đấng thay mặt Chúa » như những Nhân viên khả kính của hội Hồng-Thập-Tự, là những người chỉ sửa chữa tới một mức độ nào những hậu quả và im lặng trước cái cốt yếu : Tổ cáo nguyên nhân gây nên những hậu quả trên. Thực ra, cuối cùng, Piô XII cũng có ra một thông cáo ngăn phản đối việc đày ải người Do-Thái, nhưng lời lẽ thận trọng dần dần với một dụng ý không muốn mặc cho sự phản đối một tầm quan trọng như khi ra hẳn một thông điệp kết án chủ nghĩa Cộng-sản ; cho nên thông cáo đó không gây được vang dội gì và vô hiệu quả.

Thất vọng về thái độ « im lặng » của Piô XII, Cha Ricardo đành dâng cuộc đời mình làm minh chứng cho sự tố cáo phẩm kháng. Ngài đeo ngôi sao vàng, dấu hiệu của người Do-Thái, và theo họ trên con đường đi đến trại tập trung để cùng chết với họ : « Tôi sẽ mang ngôi sao này bao lâu Đức Giáo Hoàng chưa chịu lên án trước thế giới kẻ giết hại người Do-Thái Âu châu như đàn vật ».

Khi đến Auschwitz, một trong những trại tập trung có lò khí độc nổi tiếng, Cha Ricardo gặp một Bác-sĩ là một tên đao phủ muốn mang hết những kiến thức khoa học hiện đại để có thể giết nhiều người nhanh chóng và hiệu nghiệm. Bác-sĩ cho Cha biết mình đã hành động như thế cũng để đi tìm một giải đáp mà không bao giờ thấy : « Tôi thì đã khiêu khích

Thượng-Đế một cách thật quá đáng để buộc Ngài phải phản ứng... Nhưng Cha hãy nghe : tôi không hề thấy một lời than thở nào từ Trời xuống, không một lời than thở nào từ 15 tháng nay, từ khi mà tôi bắt đầu gửi những khách du lịch ở trại này lên Trời... » Rồi đến lượt Cha Ricardo cũng bước vào cuộc hành trình lên trời mà Piô XII vẫn im lặng. Qua thái độ của bác sĩ, tác giả như còn muốn cho người xem cảm thấy sự im lặng của « Đấng Thay mặt Chúa Kitô đưa tới sự im lặng của chính Chúa Kitô ! »

*
* *

Tác giả viết vở kịch « Đấng Thay mặt Chúa » để tưởng niệm hai Linh-Mục Công-giáo Cha Maximilien Kolbe, chết ở trại giam Auschwitz và Cha Bê Trén Lichtenberg, bị giam ở Berlin vì dám tuyên bố ở tòa giảng rằng những biện pháp diệt chủng của Đức Quốc Xã hoàn toàn trái ngược với Giáo Lý Công - giáo và sau cùng bị chết ở trại giam Dachau. Nhưng mỉa mai thay, vở kịch cũng là một phiên tòa mà bị cáo chính là Piô XII. Im lặng không lên tiếng tố cáo và kết án những hành động dã man của Đức Quốc Xã mà Ngài biết rõ, phải chăng Piô XII đã không đảm nhiệm đầy đủ sứ mệnh của « Đấng Thay mặt Chúa » ? không giúp đỡ người bị giết hại khi có thể làm được, phải chăng là đồng lõa với kẻ sát nhân ? Tác giả vở kịch đã kết án Piô XII là có tội trong thời kỳ đó vì tác giả tin rằng nếu Giáo Hoàng đã lên tiếng, một sự lên tiếng không nguy hiểm gì cho chính bản thân Giáo Hoàng và cho Giáo-Hội, thì chắc chắn đã có thể ngăn chặn được sự tiêu diệt dân Do-Thái.

IM LẶNG HAY LÊN TIẾNG

Và như để chuộc lại lầm lỗi đó, tác giả đã đặt vào miệng Cha Ricardo câu sau đây khi Cha bị Eichmann đánh đập : « Sự im lặng của Giáo-Hoàng có lợi cho những kẻ sát nhân đã đặt trên vai Giáo-Hội một lầm lỗi mà chúng tôi phải đền tội ».

*
*
*

Như đã nói ở trên, vở kịch của Hochhuth đã gây nhiều phản ứng, chống đối mãnh liệt. Người ta chỉ trích tác giả đã « xúc phạm » đến Đức Giáo-Hoàng khi không những tác giả phê phán mà còn kết án hành động của Đức Thánh Cha ! hoặc người ta cho rằng tác giả không có quyền được tức giận vì tác giả còn trẻ, không hề sống thời kỳ đó, cho nên không bị đau khổ gì, và đã viết vở kịch chỉ để tìm sự thành công về thương mại bằng cách kích động những đam mê thiên kiến.

Đồng ý là lời nói, hình thức diễn tả có thể thiếu tế nhị, xúc phạm, gây gương xấu nhưng không thể coi những « khó chịu » chính đáng đó như là những lý lẽ để xóa bỏ sự kiện hay vấn đề tác giả muốn nêu lên.

Cha Lieber, một người cộng tác rất gần gũi với Piô XII, tuy trách tác giả đã đem « xử » Piô XII, nhưng cũng công nhận là Piô XIII, không bao giờ long trọng và công khai lên tiếng phản đối, kết án việc đẩy ai và thủ tiêu người Do Thái. Tờ *Observatore Romano*, đã kích dử đội Hochhuth, cũng không chối cãi sự im lặng của Piô XII.

Phaolô VI khi còn là hồng y Montini, cũng đã phê phán vở kịch của Hochhuth :

« Giả thử Piô XII đã làm điều mà Hochhuth trách Ngài đã không làm, thì việc đó có thể gây thêm nhiều tàn phá trả thù đến nỗi chính Hochhuth sau chiến tranh được hiểu rõ hơn về phương diện lịch sử, chính trị, luân lý đã có thể viết một vở kịch khác, hiện thực và hay hơn vở kịch tác giả đã viết thật khéo nhưng rất ít sáng suốt, một vở kịch về « Đấng thay mặt Chúa » vì phô trương chính trị và cận thị về tâm lý, đã phạm sai lầm gây thêm những tai họa lớn lao cho những kẻ vô tội và cho chính mình trong một thế giới đã đầy tai họa ! »

Lời phê bình của Hồng-Y Montini có lẽ nêu đúng vấn đề mà vở kịch đã đặt ra cho lương tâm Công giáo, một vấn đề phản ánh bi kịch thường xuyên của người Công giáo trước những hoàn cảnh chính trị mà mình phải xác định một thái độ : duy trì, bảo vệ Giáo-hội như một tổ chức, chế lập (institution) tương đối còn được yên hàn nhưng có thể bị Hitler đang chiếm đóng cả Âu-Châu bắt bớ, tàn sát hay thực hiện sứ mệnh phải minh chứng cho Công chính bằng cách lên tiếng kết án tội ác nhân danh Chúa Kitô mà không cần xét tới hậu quả của sự lên tiếng đó ?

Trước một hành-động bất công, một chính sách tàn bạo của một chế độ chính trị, giáo-hội phải lên tiếng hay im lặng ? Và lên tiếng hay im lặng thì sẽ gây những hậu quả gì cho chính mình, cho Giáo-Hội và cho những nạn nhân của chính sách tàn-bạo trên ?

1. — **Trường-hợp lên tiếng.** Có thể đưa đến hai hậu quả :

a) Chính mình và Giáo-Hội bị khó khăn rắc rối, bắt bớ và làm tăng thêm những đau khổ của những nạn nhân mà mình muốn bênh vực. Khi các Giám Mục Hòa Lan phản kháng mãnh-liệt chính sách diệt chủng của Hitler, thì kết quả là những người Công-Giáo Hòa-Lan gốc Do Thái, như Edith Stein, bị bắt bớ tù đầy trong khi ở các nước Công Giáo khác, số phận họ tương đối còn được yên hàn. Cũng như có lẽ sự lên tiếng xin ân xá cho Grimaud gần đây, một đảng viên Cộng sản bị Franco kết án xử tử một cách bất công, của Hồng Y Montini cùng với những lên tiếng của Kroutchev, Chính phủ Mỹ và rất nhiều Giám Mục, Linh Mục trí thức khắp thế giới, đã chẳng làm cho Franco tha mà càng gay gắt duy trì án tử hình.

b) Nhưng ngược lại cũng có sự lên tiếng ngăn chặn hay làm giảm bớt được bàn tay đẫm máu của kẻ độc tài, chế độ tàn bạo. Như ở Slovaquie, những vụ đầy ải đã bị bãi bỏ, hay những dự án thủ tiêu hàng người bệnh hoạn đã được gác lại nhờ những can thiệp của các Giáo Hội...

2. — **Trường-hợp không lên tiếng.**
Chắc chắn chính mình và Giáo Hội sẽ vẫn được yên hàn, nhưng cũng chắc chắn những nạn nhân không thoát khỏi cảnh áp bức và có thể sự im lặng không tổ cáo còn trở thành một dung thứ, đồng lõa xúi dục kẻ tàn bạo tăng thêm áp bức, dã man...

Trước chính sách tàn-bạo của Hitler, Hồng Y Montini cho rằng sự lên tiếng của Piô XII sẽ chỉ làm cho người Do-

Thái bị cực khổ hơn và cả Giáo-Hội cũng bị đàn áp nữa ; còn Hochhuth lại nghĩ rằng nếu Piô lên tiếng, thì chẳng những sự lên tiếng đó chẳng nguy hiểm gì cho chính Ngài hay cho Giáo Hội mà còn ngăn chặn được chính sách dã man của Hitler. Ai đúng ai sai ? Người ta chỉ có thể trả lời bằng những giả thuyết :

Rất có thể sự lên tiếng của Piô XII sẽ làm cho Hitler sợ dư luận thế giới kết án, chấm dứt hay hàm bớt chính sách tiêu diệt Do-Thái, nhưng cũng rất có thể sự lên tiếng đó làm cho Hitler đang hùng mạnh và bất chấp dư luận thế giới, càng quyết liệt hơn trong việc thực hiện chính sách tiêu diệt Do-Thái và đàn áp Công-Giáo !

Sự thực Piô XII đã lựa chọn sự im lặng ; và khi chiến tranh kết liễu, phải nhận rằng đạo Công-Giáo ở Âu-Châu tương đối ít bị tổn hại sau những cơn bão táp, thử thách. Nhưng cũng phải nhận có hơn hai triệu người Do-Thái bị thủ tiêu trong những hoàn cảnh vô nhân đạo mà ai nấy đều biết !

Nên duy trì Giáo-Hội, bảo vệ Giáo-Hội trong cơn bão táp hay lớn tiếng đảm nhiệm sứ mệnh mình chứng ? Sự lựa chọn một thái độ thật khó khăn khi phải đứng trước những đòi hỏi chính đáng nhưng có vẻ mâu thuẫn nhau. Đó là một thứ bi kịch vì những đòi hỏi mâu thuẫn trên chia xẻ, dằng co lương tâm Công giáo. Tôi nghĩ rằng sự lựa chọn lên tiếng hay im lặng có lẽ đều chính đáng và do đó không thể phê phán nếu nó được qui định thực sự bởi những đòi hỏi trên trong một lương tâm Công giáo thực sự bị chia xẻ, ray rứt chỉ vì những đòi hỏi mâu thuẫn đó. Nhưng

IM LẶNG HAY LÊN TIẾNG

trong thực tế, rất có thể nhiều lựa chọn thái độ của người Công-Giáo không do những đòi hỏi trên qui định mà là do những yếu tố khác, tuy nhiên người Công-Giáo vẫn tưởng rằng sự lựa chọn của mình là do những đòi hỏi trên qui định.

Chẳng hạn, lựa chọn im lặng vì :

1) — Cho rằng không biết im lặng hay lên tiếng, lợi hại thế nào và vì không dứt khoát được thì chọn im lặng là hơn, hoặc nghĩ rằng mình không biết chắc chắn được sự thực như thế nào ? Hitler thực sự có đàn áp hay không ? Có trại tập trung, thủ tiêu người Do-Thái, người đối lập chính trị với chế độ hay không ? Vì không biết chắc, nên theo lẽ khôn ngoan im lặng là hơn.

2. — Có thiên kiến với Tôn-giáo bị áp bức, với Dân Tộc bị chà đạp. Chỉ có đạo Công-giáo là Chân-lý, mọi đạo khác là tà ; mong muốn cho đạo Công-giáo thắng, bá chủ và các đạo khác lu mờ hay bị tiêu diệt đi. Do đó dễ có thái độ dửng dưng với người theo Tôn-giáo khác khi họ bị đau khổ, và có thể còn thăm ước cho họ bị sự khốn khó hay lấy sự khốn khó đó làm mừng, nhất là khi khó chịu, ghét họ vì họ « hoạt động mạnh, cạnh tranh với Công-giáo », nay có bàn tay của kẻ khác trừ họ hộ mình, phải chăng là dịp làm cho đạo Công-giáo được cả sáng ? Một cách cụ thể, sự im lặng của người Công-Giáo trước những bắt bớ người Do-Thái, phải chăng vì một thái độ chống đối Do Thái, một tâm tình thường có ở nơi nhiều người Công-giáo (antisémitisme Chrétien) ».

Ngoài ra khi Hitler và đồng bọn tàn sát người Do-Thái, họ thường biện hộ

cho hành động của họ vì những lý do xã hội, chính trị chứ không phải vì lý do tôn-giáo. Và người Công-giáo « ghét đạo Do Thái » cũng dễ tin theo luận điệu của Hitler, dễ chấp nhận lập trường của Chính Phủ !

3. — Có một lựa chọn chính trị. Một số người Công-giáo (đặc biệt là Giáo phẩm) thường có quan niệm ủng hộ hay chống đối một chế độ theo tiêu chuẩn chế độ đó không phải có tôn trọng những giá trị nhân loại, có lo cho công ích, mà là có giúp đạo hay không. Thực sự, giúp đạo đây là giúp người Công-giáo, hoặc rõ hơn nữa, nâng đỡ quyền lợi của người Công-giáo (đạo đích thực, trong ý nghĩa thiêng liêng của nó làm gì có quyền lợi !). Nhưng người Công-giáo khi tìm những nâng đỡ về đạo, thực ra chỉ là nâng đỡ quyền lợi của người Công-giáo, mà vẫn tưởng đó là quyền lợi của đạo (mystification). Vậy người Công-giáo có quan niệm trên dễ im lặng khi một chế độ có vẻ nâng đỡ Công-giáo, mặc dầu nó bất công, tàn ác với người khác và thường thường chỉ lên tiếng khi một chế độ chống đạo (nhiều khi chỉ là chống quyền lợi của người Công-giáo, và là quyền lợi bất chính, nhưng người Công-giáo tưởng là chống đạo Công-giáo).

Sự im lặng của nhiều Giám-Mục Đức, hay Pháp thời Hitler ! Sự im lặng của Piô XII trước những tàn bạo của Đức-Quốc-Xã vì Piô XII cho rằng Đức-Quốc-Xã dù thế nào đi nữa cũng lợi ích vì là pháo lũy ngăn chặn Cộng sản. Đó là nền tảng đường lối chính trị của Vatican dưới đời Piô XII trong thời kỳ chiến

tranh cũng như sau chiến tranh. Có hiểu đường lối đó mới thấy tại sao Vatican ủng hộ, thỏa hiệp với những chính phủ phản động, những chính sách chính trị như C.E.D..., Liên-Hiệp Âu-Châu v.v... có tính chất chính trị thuần túy, và do đó cũng dễ hiểu tại sao Piô XII không thể kết án Hitler, tổ cáo thỏa hiệp (Concordat) mà chính Ngài đã ký với Nước Đức Quốc xã thay mặt Vatican hồi còn là Hồng - Y Pacelli. Đến thời Gioan XXIII và có lẽ bây giờ Phaolô VI, đã có một đường lối chính trị khác hẳn.

4) — Một quan niệm về đức tin. Ngay cả khi sự lựa chọn im lặng không phải vì hèn nhát, lười biếng tinh thần (*paresse-d'esprit*) vì thiên kiến tôn giáo hay lựa chọn chính trị, nhưng vì đức tin thì cũng vẫn có thể hỏi: đức tin người ta muốn bảo vệ đó là đức tin gì? Phải chăng đức tin là một của cải người Công giáo « có » như một vật quý cần phải che giấu kỹ trong những khuôn khổ vững chắc, cần phải bảo vệ trong nhà kính ấm áp, để nó khỏi bị mưa gió, bão táp, thú rừng có thể làm hại? hay Đức Tin là một dẫn thân, một đương đầu, và do đó dĩ nhiên là chấp nhận những nguy hiểm đe dọa? Nếu coi Đức Tin là một dẫn thân, một đương đầu (*affrontement*) tôi có cảm tưởng không có bí kịch vì sự mâu thuẫn giữa nhiệm vụ bảo vệ đức tin và minh chứng đức tin. Sở dĩ có mâu thuẫn là mâu thuẫn giữa một quan niệm coi đức tin như một cái « có » phải bảo vệ với nhiệm vụ minh chứng. Trái lại, nếu coi Đức tin như một dẫn thân, đương đầu thì toàn thể Giáo-Hội phải ở trong *tình trạng minh chứng thường xuyên* và minh chứng bằng cách dẫn thân vào đời, vào

những giá trị trần gian: lên tiếng, hoạt động tranh đấu chống bất công, đàn áp bất cứ ở đâu và từ đâu đến và bất cứ với ai, do ai gây ra.

Nếu Grimaud thực sự bị giết oan, một cách bất công bởi bàn tay Franco và sự can thiệp của Hồng-Y Montini đã chỉ làm cho Franco nhất quyết hơn trong thái độ dã man của ông ta thì sự can thiệp có vẻ vô ích đó có phải là một lý do để Phaolô VI đã không lên tiếng không?

Người Công giáo coi sự sống là một giá trị, nhưng không coi sự sống là một giá trị tuyệt đối và độc nhất. Khi một chế độ xây dựng trên sự khinh bỉ con người, không đếm xỉa gì đến quyền sống của con người, thì chính thái độ coi thường cái chết mới là cách tôn trọng giá trị đích thực sự sống và buộc kẻ khinh bỉ tôn trọng quyền sống con người. Grimaud bị kết án tử hình vì chống đối một chế độ độc tài và đó là một lựa chọn nhằm bảo vệ giá trị của sự sống bằng cách coi thường sự sống của chính mình. Do đó, sự can thiệp của Phaolô VI không phải chỉ nhằm bảo vệ sự sống của Grimaud, nhưng là bảo vệ quyền sống của con người như một giá trị luân lý mà cái chết của Grimaud là một sự xúc phạm tới quyền sống đó. Trong viễn tượng trên, sự minh chứng của Phaolô VI đâu có vô ích. Nó lay động thức tỉnh lương tâm nhân loại về những giá trị mà nhân loại phải bảo vệ nó vang dội sâu xa trong lòng người không công giáo, gây nên niềm cảm phục vì thấy người Công giáo không lãnh đạm trước những bất công áp bức và tha thiết với những giá trị nhân loại. Và giả sử sự can thiệp của Phaolô VI có làm cho

IM LẶNG HAY LÊN TIẾNG

Franco gây khó khăn với Giáo - Hội Tây - Ban - Nha đi nữa thì đó có phải là một sự thiệt hại thực sự không ; hay ngược lại có thể ích lợi nếu còn phải dùng những danh từ nhân loại để nói tới huyền nhiệm của Giáo Hội. Sự can thiệp của Phaolô VI đó là một minh chứng tôn giáo, và sự minh chứng đó có thể đặt người không có đức tin trên con đường đưa tới đức tin. Không có cách minh chứng nào khác vì giữa người Công giáo và không công giáo chỉ có một đất đứng chung để đối thoại, thông cảm là cuộc đời này, chỉ có một con đường đưa người chưa đi đến ngưỡng cửa Đức Tin là những giá trị nhân loại (1).

Trái lại, nếu người Công Giáo lãnh đạm trước sự đau khổ của người khác, im lặng trước cảnh đàn áp những người khác thì vì bất cứ một lý do nào phải chăng thái độ im lặng cũng bị coi như là một thiếu sót, một bất trung với sứ mệnh minh chứng và đối với người không công giáo, bị coi như là một đồng lõa, một thỏa hiệp với kẻ đàn áp ? kết quả là làm cho những người không Công giáo xa đạo và có thể oán ghét đạo Công giáo, nhất là khi họ là những người tha thiết với những giá trị nhân loại, yêu tự do và công chính. Điều làm cho họ phản uất hơn cả không phải *hắn* là sự xấu xa của kẻ dữ cho bằng sự nguội lạnh của kẻ lành trước sự xấu xa đó ; không phải *hắn* là sự tàn bạo của đứa bất nhân cho bằng sự đứng đưng vô ý thức của những bậc « lãnh đạo tinh thần, bảo vệ đạo đức » ! Và có thể họ còn phản uất hơn nữa khi đứng trước một thái độ « ba phải » không lên tiếng phản

đối *hắn*, cũng không hoàn toàn im lặng : một thái độ phản kháng mà hình như vẫn chấp nhận, một chấp nhận mà hình như có phản kháng ! Phản kháng mà không muốn cho người bị phản kháng tin rằng mình thật sự phản kháng đồng thời cũng muốn cho người mình nhân danh để phản kháng tin rằng mình có phản kháng. Khi xem vở kịch của Hochhuth, có lẽ người không Công Giáo khó chịu nhất lúc Piô XII ký bản thông cáo phản đối việc tù đầy các người Do Thái gốc ở Rome. Và họ thậm nghĩ thà rằng Piô XII im lặng *hắn* cho xong ; hoặc phản kháng thực sự hoặc ủng hộ công khai đảng nào thì dứt khoát đảng ấy hơn là lừng chừng ở giữa.

Trong khi vở kịch của Hochhuth được luân chuyển trình diễn ở các thủ đô lớn bên Âu Châu có thể làm cho những người không Công Giáo chán chường thất vọng về đạo Công Giáo, với thái độ của Vatican thì Công đồng Vatican II đang họp, và Công giáo hiện nay đã có Gioan XXIII, Phaolô VI.. Toàn thể Giáo Hội công giáo đang vươn mình vào một sự thay đổi lớn lao. Đã có những cử chỉ đẹp, những thái độ gây cảm phục giao lại trong lòng mọi người Công Giáo cũng như không Công Giáo một niềm tin và hy vọng ở Giáo Hội, ở đạo Công Giáo !

NGUYỄN VĂN TRUNG

(1) Xem bài : « Trách nhiệm hiệ tượng của người Công-Giáo » trong « Lương tâm Công-Giáo và công bằng xã hội » của tác giả, trang 199.

Hai hội nghị về

KHẢO CỨU KHÔNG GIAN

● VÕ - QUANG - YẾN

Đã lâu người ta ít nghe nói về các vệ tinh, phi thuyền cùng các nhà phi hành ra không gian vũ trụ. Nhưng không phải vì vậy mà cuộc khảo cứu không gian ngừng tiến. Các nhà bác học, chuyên môn vẫn tiếp tục học hỏi, tìm kiếm. Và tùy mỗi nước thường giữ bí mật những khám phá của mình, thỉnh thoảng các cuộc hội đàm cũng được tổ chức để các chuyên gia có dịp trao đổi ý kiến cùng bàn bạc về các chi tiết kỹ thuật. Sau đây là bản tường thuật sơ lược hai hội nghị vừa mới nhóm.

● Hội Nghị Quốc - Tế Về Hàng Không trong Không Gian

Từ ngày 25-9 đến 1 - 10 - 63. Hội nghị Quốc tế về Hàng không trong Không gian kỳ thứ 14 đã nhóm tại Paris. Đây là lần thứ hai kinh đô nước Pháp có dịp tiếp đón những nhà bác học khảo cứu về vũ trụ. Năm nay có

mặt gần cả 1000 nhà bác học cùng chuyên môn đại diện 34 nước, trong số ấy có người được đặc biệt chú ý là nhà phi hành vũ trụ đầu tiên: Yuri Gagarin.

Trong suốt 5 ngày, 96 bản thuyết minh lựa chọn đã được đưa ra trình bày và bàn cãi. Lễ tất nhiên Hội nghị vừa mới bề mặt, chưa thể nào đặt được một nhận định tổng quát vì mỗi một thuyết trình còn cần phải được phân giải sâu rộng, số lớn các thuyết minh lại càng làm tốn nhiều thì giờ. Tuy nhiên, giờ đây ta có thể đưa ra những điểm chính đã được xem xét trong Hội nghị, những ý chung của các công tác khảo cứu để có một quan niệm về tiền triển của môn hàng không không gian qua năm thứ 7 kỷ nguyên không gian.

Một trong những điều đã được bàn cãi nhiều năm trong ngành sinh vật

KHẢO CỨU KHÔNG GIAN

học. Những nhà bác học của Nga lẫn Mỹ đều nhiều lần lên tiếng đề tỏ bày ý kiến. Đặc biệt một tối đã dành cho thuyết trình của Yuri Gagarin. Từ bây giờ người ta tin chắc một cuộc tập dượt kỹ càng có thể đưa nhà phi hành đạt mục đích chịu đựng được cuộc bay trong luôn vài ngày. Cuộc tập dượt này đã được hoàn hảo thêm sau những vụ bay của các nhà phi hành đầu tiên. Người ta còn nhớ nhà phi hành không gian thứ hai của Nga đã bị thác loạn tiến đình luôn trong 12 phút, nhưng những nhà phi hành bản sau không còn bị chút nào. Tuy nhiên một vấn đề chưa được giải quyết là có nên hay không gây ra một trọng lực nhân tạo dù yếu nhỏ trong các vệ tinh sẽ bay quá một tuần lễ. Khác khác như tuồng các lực gia tộc, tuy yếu nhưng kéo lâu dài, cũng có ảnh hưởng lên con người. Sau cùng, các nhà bác học Nga và Pháp không đồng ý về tác dụng của các bức xạ vũ trụ. Phái Nga cho rằng những bức xạ yếu chỉ kích thích cơ thể, còn các chuyên gia Pháp thì tin là tất cả các quang tuyến đều nguy hiểm. Các khảo cứu viên Liên-Xô đã đưa ra những thí nghiệm thực hiện ở Viện khảo cứu nguyên tử Doubno, cho tác dụng nhiều bức xạ lên chuột và nhận thấy nhiều hóa chất như cysteamin, cerotin, tryptamin tiêm vào cơ thể từ 15 đến 30 phút trước lúc bức xạ tác dụng vào có thể che chở được cơ thể.

Bên phương diện kiểm tra phi thuyền, người ta đã đạt được tiến

triển lớn : hiện nay người biết điều khiển được chính xác các vệ tinh. Nhưng tiến triển còn đang lên mạnh và rồi đây còn tăng lên gấp bội. Những máy tính điện tử ngày mai sẽ là những bộ máy vô cùng hữu ích. Nhưng những bức xạ vũ trụ cùng các thay đổi trọng lực có ảnh hưởng lên quỹ đạo các phi thuyền nên dù sao khoảng không gian cần phải được khảo cứu, hiểu biết thêm.

Các nhà toán học và cơ học về các thiên thể chứng minh có thể lựa chọn những quỹ đạo vô cùng phức tạp để gởi những vệ tinh lên khảo sát cung trăng, chạy sát nhiều lần vào vệ tinh của quả đất mà chẳng phải cần tốn thêm năng lượng. Một buổi nhóm đặc biệt dành riêng về năng lượng cho thấy năng suất các phi thuyền chẳng tăng lên được bao lắm. Bây giờ đây, năng lượng một vài watt hay một vài chục watt không còn đủ nữa mà phải nói đến hàng ngàn watt cần dùng trong vệ tinh. Nhiều thuyết trình đã đưa ra những nguồn năng lượng khác hơn các pin hóa học hay các pin mặt trời. Người ta cũng đã bàn cãi nhiều về cách phân phối điện trong vệ tinh và các hệ thống chuyển dịch sức nóng ra điện lực. Phương pháp đẩy vệ tinh bằng điện cũng là đề tài của nhiều công tác nhưng phương pháp chỉ được ứng dụng khi nào nguồn điện trở nên phong phú. Người ta tin một ngày gần đây nhờ năng lượng nguyên tử, phương pháp dùng điện cho chạy phi thuyền lại được chú ý đến.

Một số thuyết trình đã đề cập đến

vấn đề các vệ tinh thông tin. Người ta đã bàn cãi nhiều về các hệ thống khác nhau nhưng chẳng đưa lại được một kết luận nào. Ông Fred Singer, Giám đốc Nha khí tượng Hoa-Kì đã trình bày một công tác đặc sắc về các vệ tinh Tiros và Nimbus. Nhưng ông cũng nhấn mạnh đến nay các vệ tinh Tiros còn đang là những vệ tinh khảo cứu hơn là các nhân viên báo trước khí hậu của ngày mai. Tuy nhiên ông rất lạc quan về các vệ tinh khí tượng nhất là khi thấy các vệ tinh này hữu ích nhất trong số các vệ tinh, phi thuyền đến nay đã được gửi về vũ trụ.

Hội nghị quốc tế về Hàng không trong Không gian năm nay đã được Liên bang quốc tế và Hội Hàng không trong Không gian Pháp khéo tổ chức những điều kiện làm việc đã được đầy đủ chu đáo. Tuy không có một khám phá nào nổi trội lên, Hội nghị đã giúp người ta biết được tình hình hiện nay của môn hàng không trong không gian. Hội nghị lại là một cuộc gặp gỡ tất cả các nhà bác học, khảo cứu viên, kỹ sư, thầy thuốc, chuyên viên đủ mọi ngành, kể cả các nhà luật học, vì bên lề Hội nghị, một Hội đàm về Pháp luật Không gian đã được tổ chức hai ngày 26 và 27-9-63.

● Hội Nghị Quốc - tế Về Vô Tuyến Truyền Tin trong Không Gian

Vấn đề vô tuyến truyền tin trong không gian vô cùng bao la và phức tạp nên Hội nghị do Liên Hiệp Quốc

tê Viên thông tổ chức tại Genève phải kéo dài đến 5 tuần lễ, từ 7-10 đến 8-11-63. 400 đại biểu của 70 nước đã lại tham dự Hội nghị, không kể những quan sát viên của các tổ chức khoa học có danh tiếng ít nhiều đến vấn đề truyền tin trong vũ trụ. Đây là lần đầu tiên nhiều chính phủ các nước đã chịu hợp lực để bàn cãi về hoạt động của con người ngoài phạm vi quả đất. Người ta phỏng đoán rồi đây kết quả của Hội nghị sẽ có ảnh hưởng lớn đến tiền triển trong môn khảo cứu không gian đủ mọi ngành, ít nhất cũng trong khoảng 15-20 năm sắp đến.

Hội nghị Vô tuyến truyền tin đến đúng lúc, khi các nhà chuyên môn nhận thấy cuộc truyền tin bằng vô-tuyến điện đã làm tăng gấp bội các cuộc phát thanh lên khắp luồng sóng điện. Vào năm thứ 7 kỷ nguyên không gian, cuộc tăng gia này là kết quả của cuộc khảo cứu không gian cùng các phương cách ứng dụng.

Một vấn đề đã được đề cập từ lâu, ngay trước Hội nghị, là sự phân chia các tần số trong cuộc truyền tin trong không gian. Từ năm 1958-1959, Liên hiệp quốc tế Viên thông cùng Hội nghị Viên thông Genève đã lấy nhiều quyết định liên quan đến cách phân chia các tần số cho các tổ chức khảo cứu không gian hay các đài vô tuyến thiên văn. Nhưng công chuyện trở nên khó khăn vì tổng số các dây cần dùng vượt khỏi hẳn các quang phổ hiện có. Các tần số từ 1000 đến 10.000 Mhz chẳng hạn hợp đúng với các dây

để truyền tin trong không gian nhưng từ năm 1959 đã được phân phát cho các đài vô tuyến điện cổ điển. Hội nghị định đoạt ra sao, ta phải đợi lúc bề mặt mới biết được, nhưng từ đây người ta đã có thể phát họa sơ qua những đề nghị của các phái đoàn.

Trong ngành khảo cứu không gian các vệ tinh hoặc đặt lên những quỹ đạo quanh quả đất, hoặc gởi lên khoảng vũ trụ xa xăm, đều cần dùng các tần số trong các cuộc điều khiển, đo lường và truyền tin. Vậy một số quang phổ cần phải dành riêng cho ngành khảo cứu. Dựa trên tình hình hiện nay về kỹ thuật vô tuyến truyền tin và giới hạn của cuộc truyền tin trong không gian, người ta đã đề nghị những tần số giữa 100 Mhz và 20 Ghz.

Theo phái đoàn Hoa-Kỳ, cần phải dành nhiều dãy nhất cho cuộc Viễn thông bằng vệ tinh. Các nhà chuyên môn Mỹ tính đến 1980 tất cả các cuộc truyền tin khắp thế giới sẽ do vệ tinh đảm nhận, còn những hệ thống dây cáp và vô tuyến điện cổ điển sẽ cần dùng vào những công chuyện khác. Họ đề nghị quang phổ tuyến điện dành cho viễn thông phải nằm giữa 3700 và 8400 Mhz. Phái đoàn Liên-Xô đồng ý về điểm này.

Hoa-Kỳ hiện đang khảo cứu về một hệ thống hàng hải dùng vệ tinh điều khiển tàu bè, đề nghị dành cho ngành này những dãy 149,90-150,05 và 399,90-400,50 Mhz. Theo các nhà chuyên môn, theo hệ thống này trên mặt đất, độ chính xác sẽ xê xích trong vòng 500 thước.

Ai cũng đã nhận thấy những năm

sau này máy bay đã tiên hóa cực kỳ nhanh chóng về mặt tốc độ cũng như bên phía cao độ. Nhưng ta cũng nên biết những phi cơ di chuyển giữa 25 và 30 cây số cần phải luôn luôn liên lạc với mặt đất. Các cuộc bay này có thể được một máy tính và một hệ thống truyền tin đặc biệt luôn luôn kiểm soát. Vì vậy Cơ-quan lưu động về Hàng không xin được dùng những phương pháp vô tuyến viễn thông trong không-gian. Điểm này chắc sẽ được bàn cãi sôi nổi.

Ngành thiên văn học cũng đòi một số quang phổ. Những đài thiên văn áp dụng các phương pháp vô tuyến điện trong cuộc khảo sát vũ trụ đã thường dùng dãy 606-614 Mhz. Vì vậy phái đoàn Thụy-Điển đề nghị dành riêng dãy này cho ngành vô tuyến thiên văn. Phái đoàn Nga thì đề nghị xét kỹ lại luật lệ về cách dùng các tần số trong những lúc tàu bè đâm đuổi hay phi cơ bị nạn.

Một điều sau cùng được đưa ra là vấn đề dùng vệ tinh làm trạm thông, tin tuyến truyền. Nếu Nga và Mỹ đều đồng ý với nhau, phái đoàn Pháp hết sức phản đối, không những về mặt kỹ thuật vì choán nhiều quang phổ, mà còn về phương diện chính trị.

Bên cạnh cuộc phân chia tần số, Hội nghị còn có bàn về những cách hoàn hảo các phương pháp viễn thông hiện đang được dùng. Xem chừng Hội nghị đã gặp nhiều khó khăn và những cuộc rắc rối chỉ có thể giải quyết được nhờ sự cố gắng của tất cả các phái đoàn.

VÔ-QUANG-YẾN

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50 000 000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Dạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU —

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

LUÂN - ĐÔN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhấi

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

CHI-NHANH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Án khảo chứng tích

★ NGUYỄN-PHƯƠNG

Xin xem Bách Khoa từ số 167

A— Khảo chứng ngoại.

B.— KHẢO CHỨNG NỘI.

Giả sử, sử gia ngày nay cũng chép sử theo đường lối của các sử gia nho học thời trước, thì họ đã có thể dừng lại sau khi làm xong công việc khảo chứng ngoại. Đối với những người, như Ngô Sĩ Liên chẳng hạn, chép lại và chép cho đúng như những tác giả đã chép trước mình, đã là một thành công to tát lắm rồi. Bởi vì, một đằng, hình như các vị đó quan niệm rằng sự kiện lịch sử không được tách rời ra khỏi hình thức văn tự đã truyền chuyển sự kiện đó lại, và, đằng khác, các vị đó không ngần ngại nói « chuyện xưa có sử là sách đáng tin », nên không còn cần phải suy xét cân nhắc hư thực gì nữa. Để làm chứng hai điểm vừa nói chúng ta thử đọc vào chuyện Sĩ Nhiếp của *Toàn thư* thì đủ rõ. Về điểm

trước, hãy lấy ví dụ năm Canh dần (210), năm đó, *Toàn thư* chép : « Hán Kiền an thập ngũ niên, Ngô vương Tôn Quyền khiến Bộ Chật vi Giao châu thứ sử. Chật đáo, vương xuất huynh đệ phụng thừa tiết độ. Ngô vương gia vương Tả tướng quân. Hậu vương khiến tử Hâm nhập chạt ư Ngô, Ngô vương dĩ vi Võ xương thái thú ». Cũng vào năm đó, chúng ta thấy *Ngô chí* chép : « Kiền an thập ngũ niên, Tôn Quyền khiến Bộ Chật vi Giao châu thứ sử. Chật đáo, Nhiếp suất huynh đệ phụng thừa tiết độ... Quyền gia Nhiếp vi Tả tướng quân. Kiền an mạt niên, Nhiếp khiến tử Hâm nhập chạt, Quyền dĩ vi Võ xương thái thú » (q. 3, 1042/1). Và về điểm sau, chúng ta có ví dụ về cái chết của Sĩ Nhiếp. *Toàn thư* viết về năm Bình ngô (226) rằng :

Năm thứ tư hiệu Kiến hưng, triều Hậu chúa Thiện nhà Hán, và năm thứ 5 hiệu Hoàng vũ triều Tôn Quyền nhà Ngô, vương mất. Trước vương bị bệnh đã chết đi ba ngày. Bấy giờ có tiên tên là Đồng Phụng cho một liều thuốc, ngâm nước mà uống, bỗng đầu lay động, một lúc mắt mở ra, tay chân cử động, sắc mặt trở lại dần dần. Hôm sau vương ngồi dậy. Sau bốn ngày vương nói rõ, rồi mọi sự như thường ». Và *Toàn thư* chú rằng: « Phụng, tự là Xương Bị, quê ở Hấu quan. Chuyện này thấy ở *Liệt tiên truyện*. Hấu quan là huyện của Phúc châu » (q.3, tờ 11e). Thật là lẫn lộn chuyện tiên với chuyện sử, vì bất kể chuyện gì, hễ « chuyện xưa có sử là sách đáng tin ».

Đôi với sử gia ngày nay, thiết tưởng không có gì tai hại cho nền sử học cho bằng lẫn lộn chuyện tiên với chuyện sử như trong trường hợp vừa kể. Tiền bộ của sử học hiện thời chính là ở chỗ có thể phân biệt được giữa hư với thực, giữa chuyện tiên với chuyện sử, giữa câu văn của sử liệu với sự kiện do câu văn đó chuyển đến và giữa sử liệu do người này để lại với sử liệu do người khác để lại. Điều sau hết này đã được nói đến dài dòng trong mục khảo chứng ngoại, nay đến lượt phải xét về những điều kia. Chẳng những sử gia, sau khi đã biết chắc sử liệu là thuộc về ai, không được có thái độ nô lệ câu văn của sử liệu đó, mà còn phải đánh vỡ nó ra để mong gặp được trong đó chứng tích của thời xưa. Thế chưa đủ. Sử gia còn phải nổi chứng tích tìm được

với chứng nhân, nổi không phải chỉ dựa vào những liên lạc bên ngoài như quyền tác giả, mà phải nổi lại bằng những tương quan nội dung như bản chất của sự kiện với khả năng hiểu biết và quan sát của người chứng. Và cuối cùng, nếu như sử gia không tin tưởng một cách vô điều kiện bất cứ vào lời nói nào của người đồng thời, thì sử gia cũng không được cho rằng bất cứ người chứng nào trong quá khứ cũng đều đáng tin. Dò xét những điều như vừa nói là thuộc phạm vi của việc khảo chứng nội, nghĩa là án khảo nội dung của chứng tích. Xem đó, nếu công việc khảo chứng ngoại chỉ cần phải làm bao giờ có dấu khả nghi, thì trái lại công việc của khảo chứng nội là một công việc phải thi hành đối với tất cả các sử liệu mà sử gia cần phải dùng đến, và nếu công việc trước đã là một công tác quan trọng, thì công việc sau càng là một công tác quan trọng gấp mấy lần.

Quả thế, khảo chứng nội chính là khoa dẫn sử gia trở lại với ý nghĩa thứ nhất của tiếng lịch sử. Chính nó sẽ đào gọt những gì chủ quan nơi sử liệu để đem sử gia đến gần với sự kiện khách quan, bao nhiêu hay bấy nhiêu, chính nó sẽ giảm bớt phần tương đối nơi chứng tích để mang lại cho sử gia hy vọng gặp được cái tuyệt đối, nghĩa là chân lý lịch sử. Nó chưa phải bước đường cuối cùng của sử học, vì sử học còn bất sử gia phải làm nhiều việc nữa mới nói được là xong. Nó cũng không phải là tất

cả sử học, vì sử học bao hàm tất cả những gì đã đến trong các chương mục trước và sẽ được nói đến sau này. Nhưng, nếu trong các phần của phương pháp sử học, người ta muốn đan cử ra một phần cần nhất, điển hình nhất, quan hệ nhất, thì người ta phải nghĩ đến ngay phần khảo chứng nội. Hỏi một sử liệu có thể đem dùng làm sao được nếu người ta hiểu không đúng nghĩa hay là nếu lời thuật của sử liệu không đúng với sự thật đã xảy ra, hay là nếu chính người thuật lại, lại có ý nói dối? Bởi đó khoa khảo chứng nội sẽ vạch đường cho sử gia.

— hiểu nghĩa của sử liệu,

— thấy khả năng quan sát của người chứng,

— xác nhận tính ngay thật của người đó,

và quyết định giá trị của chứng tích.

1. — Nghĩa của sử liệu.

Thiết tưởng trong các việc vừa kể của khoa khảo chứng nội nên đặt việc hiểu nghĩa sử liệu lên đầu vì một khi người ta thấy rõ được sử liệu nói gì, bấy giờ người ta mới có thể xét xem tác giả có đủ khả năng để nói điều đó hay không, và điều đó sử gia nói ra với lòng thành thực hay là với một cách xảo trá. Nhưng cũng nên ghi nhận nữa rằng, hiểu nghĩa sử liệu ở đây không phải chỉ là tìm cho biết tác giả muốn nói gì, mà còn là xác định vị trí của sự kiện này đối với sự kiện

khác, nêu lên tầm quan trọng của nó trong tương quan nhân quả và đối với các biến cố lịch sử khác. Như vậy hiểu nghĩa sử liệu cũng không khác gì giải thích sử liệu, và việc giải thích sử liệu chẳng những là một phần của việc khảo chứng nội ở đây, lại còn rất cần thiết cho công việc tổng hợp sau này.

Hiểu nghĩa sử liệu như vừa nói trên là đi sâu vào tư tưởng xác thực của tác giả nên phải trải qua nhiều công tác phân tích. Đại khái chúng ta phải làm bốn việc, tức là a) hiểu nghĩa văn, b) hiểu bộ loại văn chương tác giả dùng, c) hiểu tâm lý tác giả khi viết ra sự kiện, và cuối cùng d) hiểu chính sự kiện được tác giả thuật lại.

a) *Hiểu nghĩa văn.*— Muốn đạt đến ý nghĩa của một sử liệu, trước hết phải tìm hiểu nghĩa từng tiếng hay từng hội tiếng, và muốn thế, sử gia phải thông thạo thứ tiếng được dùng trong sử liệu. Nói rằng biết ngôn ngữ trong trường hợp này, không phải chỉ là nói phải quen biết một cách tổng quát, mà còn phải biết rõ nó trong chính trình độ phát triển của nó như thấy được ở trong sử liệu. Nói cách khác, sử gia phải chú ý tìm xem trong thời sử liệu ra đời, tiếng ấy, thành ngữ kia có nghĩa gì, và hơn nữa, phải coi chừng kéo tác giả có thói quen dùng những tiếng, những thành ngữ như vậy để chỉ một ý nghĩa nào riêng chẳng. Nhưng nghĩa văn không phải chỉ có thế, nó còn được định đoạt bởi văn phạm tức là tương quan giữa tiếng này với tiếng khác trong một

của tác giả : Căn bản này, sử gia biết rõ bao nhiêu, càng hiểu sâu sử liệu bấy nhiêu.

— Tư cách cũng là một khía cạnh quan trọng sử gia cần phải chú ý đến, vì nếu sử gia giải thích một sử liệu theo một chiều hướng trái ngược với tư cách của tác giả, lời giải thích đó sẽ không có giá trị trừ ra khi có những chứng cứ hiển nhiên về thái độ bất thường sử gia gặp được, nơi tác giả.

— Chủ đích của tác giả khi viết ra sử liệu còn là một điểm nữa không được bỏ qua. Vấn đề chủ đích đi đôi với vấn đề bộ loại nói trên, và cò nhiên là rất quan trọng.

d) *Hiệu sự kiện.*— Hiệu nghĩa văn, hiệu bộ loại của sử liệu, hiệu tâm lý của tác giả khi viết ra sử liệu, tất cả đó chỉ là cốt để hiệu sử kiện nằm trong sử liệu. Sự kiện này chưa chắc là sự kiện xác thực, vì ở giai đoạn này của công việc án khảo, sự thật lịch sử chưa được hiển hiện trước mắt sử gia, nhưng sự kiện này là sự

kiện mà tác giả muốn nói ra. Nói cách khác hiệu sự kiện là tìm hiểu *nghĩa thật* của tác giả, nó tương đương với công việc khảo chứng ngoại, tức là tìm cho được *chữ thật* của tác giả. Chúng ta nên nhớ, một bản văn do một tác giả chép ra, chẳng những có nghĩa đen, có nghĩa bóng, mà còn có nghĩa thực, nó là chính ý của tác giả diễn ra bằng văn tự. Người ta rất có thể nói một đằng hiệu một đằng, và vì vậy, tìm cho được nghĩa thật nhiều khi là cả một vấn đề. Muốn hiệu cho được nghĩa thật đó, chẳng những sử gia phải nhớ lại tất cả những điều đã nói trong mục tìm hiểu ý nghĩa của sử liệu này, mà còn phải nhờ đến các điều sẽ được bàn đến trong các mục khả năng quan sát và ý chí thành thật của tác giả sau đây nữa.

NGUYỄN PHƯƠNG

Kỳ tới : Khả năng quan sát của tác giả và Tính cách đáng tin của người chứng.

Sửa lại cho đúng

Trong bài « Xây dựng đại học » của Ô. Nguyễn-Văn-Trung (BK số 167) chúng tôi có đề những lỗi sau, mong bạn đọc sửa giùm :

— Trang 8, dòng 32 : « *dâng kiến nghị nó cũng*, xin sửa : *dâng kiến nghị tự nó cũng*.

— Trang 10 dòng 28 : « *Lên tiếng can thiệp phản kháng kiểu đó không phải là phản kháng nhưng muốn cho người bị phản kháng* ; xin sửa : « *Lên tiếng can thiệp phản kháng nhưng muốn cho người bị phản kháng hiểu đó không phải là phản kháng*.

— Trang 15 dòng 28 : cho *trường khoa* xin sửa : cho *từng khoa*.

thơ Triều Sao Đại

tôi có quyền

nghĩ về Alabama

Hãy nhìn Alabama như nhìn tình nhân nằm trong cơn đau đớn

Quần quai và bẻ bông như loài sâu đêm

Hãy nhìn Alabama như nhìn ngực mình đầy vết chém

Đêm thì dài ý thức thì vô biên

Và vết chém lớn dần rồi lún xuống

Đen

Anh có thể nghĩ gì và viết gì cho em

Khi ở đó tự do không ngoài một cực hình

Sự chồi dậy ngay tầm viên đạn

Và tình thương ở ngoài tầm cánh chim mùa xuân

Ồi mùa xuân mùa xuân

Đó chỉ là lớp phấn son nguy trang bằng bàn tay khéo léo

Cách biệt và chiến tranh

Đen



Từ khi đi ra bởi mình người mẹ và da màu đồng lõa với SATAN

Đừng bắt chúng tôi nghĩ thế

Đừng bắt chúng tôi nhìn chiến tranh là súng đạn

(Cuộc chiến nay không thảm khốc hơn sao)

Đừng bắt chúng tôi đi bằng đôi chân ảo tưởng, bởi nó đã què đã bị
bầm dập đã tan

Đừng bắt chúng tôi ôm khoảng không như một niềm ân ái

Mù điếc và câm

Đừng bắt chúng tôi nhào lộn bởi vô lý và bất công đọa đầy và lừa
phỉnh sự cô đơn như tóc mọc trên đầu

Hỡi Alabama yêu dấu

Những người đã gục xuống và những người đứng lên

Tranh đấu cho tình bằng hữu

Ngày trăng đêm đen

Những kẻ đầu cơ thân phận huyênh hoang ngoài đường phố

Những kẻ nhìn đời giống mình chui luồn như súc vật

La hét thất thanh

Đen

●

Hãy cho anh gối đầu trên ngực em

Ôi hơi thở chỉ một lần chỉ một lần tắt tức

Ở mỗi người đều có một trái tim

Tại sao để máu thành nguồn để xương thành núi

Lúc chết chẳng trời trần

Hãy cho anh ủ hồn trong tay em

Xin giọng nói nhục nhằn nhưng tình thương thê thiết

Alabama ơi em chết đi khi cuộc chiến đang tiếp diễn

Trầm trọng và bi đát như ngực em

Đường cong dấu đạn

Hãy cho anh hy vọng bằng thân em

Biểu dương lịch sử miếng ăn tiếng mẹ

Một người gục xuống là một rừng cây phần nộ vươn lên

Đêm đen đầy lời ca tưởng niệm

Hãy cho anh chỗi dậy bằng chân em

Đôi chân không còn là ảo tưởng

Nó sẽ lớn dần dần khi dòng máu mỗi người trong chúng tôi

Chảy phăng phăng với nhiều kỳ vọng

Hãy cho anh tan biến cùng xương thịt em

Nhiệt thành và quả cảm

Xương thịt của Ông Bà Cố Bác chúng ta

Đấu tranh cho tình bằng hữu

Alabama ! Alabama.

TRIỀU SAO ĐẠI

ĐỌC « Văn Hóa và Chính trị » tập I, của Nguyễn-văn-Trung

« **CHÍNH TRỊ** » là triệu chứng của thời đại : chỗ nào chúng ta cũng thấy nói chính trị, hoạt động chính-trị, lập đảng chính trị, ra báo chính-trị. Cả đàn nam nữ học sinh cũng cấp cấp sách đi làm chính trị và làm ngay tại trường, tại lớp. « Bi kịch của thời đại mới là chính trị » Lời nói ấy của Nã-Phá-Luân vào đầu thế kỷ thứ 19 là một lời tiên tri đối với Việt-Nam ta ngày nay.

Giữa phong trào chính trị như vậy, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung soạn một bộ sách mang cái nhan đề rất hợp thời, hợp « một » : « *Văn học và chính trị* » Bộ này do nhà Nam-Sơn Saigon xuất bản, gồm ba tập, ngoài cái tên chung mỗi tập mang thêm một tên riêng :

Tập I : Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-Nam : thực chất và huyền thoại.

Tập I : Huyền thoại Phạm-Quỳnh.

Tập III : Quan điểm về cuộc tranh

luận Phạm-Quỳnh, Ngô-Đức-Kê qua truyện Kiều.

Tập I : đã in xong, gồm 320 trang. Toàn bộ chủ trương rằng muốn phê-bình văn học một cách đứng đắn, phê bình gia phải đứng trên lập trường chính trị ; để chứng minh thuyết của mình, soạn giả đã dẫn ra hai bằng chứng : *chính sách văn hóa Pháp ở Việt-Nam và công tác văn hóa của nhóm Nam-Phong*.

Phải chăng vì nhiễm phải cái bệnh « *chính trị* » của thời đại mà soạn giả chủ trương như vậy hay tại soạn giả muốn mang lại một quan niệm mới về văn học sử và đưa ra một phương-pháp đi sát với chân lý lịch sử hơn các phê-bình gia trước đây ?

Để trả lời câu hỏi trên, chúng ta trước hết hãy xét xem soạn giả đã « *thai nghén* » bộ sách trong trường hợp nào, lập luận ra sao, những bằng chứng đưa ra có giá trị gì rồi, sau

đây, ta hãy trao đổi vài cảm nghĩ với soạn giả.

Trước hết ta hãy xét trường hợp « thai nghén » của bộ sách, mặc dầu hơn dài dòng tựa như có vẻ lạc đề. Trong vòng mấy chục năm gần đây, những danh từ, từ bốn phương thổi lại, trút xuống như mưa trên bán đảo chữ S : *phong trào duy tân, quốc hồn, khai hóa* (của thực dân Pháp) *Đại - Đông - Á* (của Phát xít Nhật), *giải cấp tranh đấu* (thời kháng chiến) *cộng đồng nhân vị* (thời Ngô-đình-Diệm) v.v... Trước những « trận mưa danh từ » ấy người bình dân Việt-Nam không hề bị huyền hoặc, óc họ cụ thể, họ nhìn việc để xét người. Ví dụ : thời Pháp thuộc, họ chẳng lý luận gì về chế độ thực dân, họ chỉ theo các cụ Phan đuổi giặc Pháp, coi người Tây là một « tên Tây đoan về bắt rợ », coi Nhật là kẻ hà hiếp dân để bắt trồng đay và cướp thóc gạo. Họ cũng chẳng biết Pháp - Việt để huế là cái quái gì, họ chỉ nhớ trong các sò « quan Tây » ác kệt tiếng có bốn tên đại gian ác họ gọi là tứ hung và đặt ra một câu vè để truyền tụng :

*Nhật đạc (Darles), nhì Ke (Ecker),
tam Be (De Galambert) tứ Bít (Bride)*

(Bride ngồi ghế chủ tịch, lên án chém 13 nhà cách mạng Việt-nam quốc dân đảng, Darles đã đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa Yên Bái). Quan - niệm về sự của bình dân thật là giản dị và minh bạch.

Nhưng một số nhỏ trí thức thành thị thời đó trong số ấy có Phạm Quỳnh không quan niệm như vậy.

Các ông tân học này cho rằng việc mất nước là một sự đã rồi, trong lịch sử, chỉ nên bỏ quên mọi tàn ác bóc lột của thực dân đi, kết anh em với Pháp, khua chuông gõ mõ chính sách « Pháp Việt để huế », « Đại Pháp khai hóa », « Đông Tây dung hòa v.v. » Trong tạp chí Nam phong, bên cạnh những bài khảo cứu biên soạn có giá trị, Phạm Quỳnh lại còn dịch những bài diễn thuyết của các toàn quyền Sarraut, Merlin, Pasquier. Người bình dân và một số lớn nhà Nho ái quốc thấy thế bực mình và chê giễu Phạm Quỳnh bằng một cái tên mà chắc nhiều người còn nhớ : « Phạm hót tiên sinh » (hót đây là nịnh hót Tây). Rồi đến khi phong trào cách mạng lên cao (Phạm Hồng Thái, Việt nam quốc dân đảng) thì nhà văn Phạm Quỳnh lại leo lên ghế thượng thư đứng hẳn về phe người Pháp định kéo lùi nước Việt Nam về hiệp ước 1884 ; từ đây tạp chí Nam Phong mất hết tín nhiệm và tới ngày mà « Cụ thượng Phạm » bị án tử hình (1945), dân chúng ai cũng cho rằng thế là hết đời « vua quan » và cái loa « Nam Phong » cũng lặng tiếng theo.

Không một số giáo sư, hoặc hữu tình hoặc thiếu ý thức chính trị bỏ quên hẳn cái chủ trương « Pháp Việt để huế » của Phạm-Quỳnh rồi cứ soạn sách giáo khoa, đề cao mãi lên vai trò của nhóm Nam Phong. Một số sách văn học sử và luận đề nhai đi, nhai lại những ý-kiến phê bình từ thời Pháp thuộc : nào Phạm

Quỳnh đã là « người hướng đạo cho toàn thanh niên » (Thiều-Sơn), nào cho Phạm Quỳnh « giữ vai trò mở phạm văn chương cho cả một thế hệ » (Vũ Ngọc Phan). Sau 1954 theo cái đà cũ, người ta còn đi xa hơn nữa, người ta tôn Phạm Quỳnh làm ông tổ văn học cận đại, lấy văn nghiệp của nhà báo ấy làm một cái mốc phân chia các thời kỳ văn học, mệnh danh cái mốc là « Thế hệ Phạm Quỳnh » (mà đáng lý phải gọi là thế hệ Đông-Kinh nghĩa thực hay thế hệ Phan bội Châu). Hơn nữa vừa đây người ta bỏ ra rất nhiều tiền in lại bộ « Thượng Chi văn tập »

Trước cái đà tôn cao liên tiếp một cách quá đáng ông chủ bút báo Nam Phong, giáo sư Nguyễn văn Trung có thành ý muốn chữa lại cái sai lầm đó : ông muốn đặt Phạm Quỳnh vào đúng chỗ ngồi trong văn học sử. Trong một bài diễn thuyết ở Saigon vào tháng 10 năm 1962 Ô. Trung đưa ra ý kiến xét lại « trường hợp » Phạm Quỳnh, và đề nghị phê bình văn nghiệp Phạm Quỳnh qua thái độ *chính trị* của nhà văn ấy. Ý kiến mới này đã gây ra nhiều phản ứng ở Saigon (báo Tự-Do, báo Văn Học). Linh-Mục Thanh-Lãng, giáo sư tại Đại-học Văn-Khoa Saigon, cũng lên tiếng bất đồng ý kiến với giáo sư Trung. Lại có người chụp mũ lên đầu diễn giả, cho diễn giả là một cán bộ nằm vùng nữa !

Trước cơn sóng gió như vậy, ông Nguyễn-Văn-Trung đã im lặng, một thứ im lặng trầm ngâm, phong phú và nay đã có kết quả cụ thể tức là

bộ sách « Văn hóa và chính trị ». Trong im lặng, ông Trung xếp sắp những ý kiến sai biệt rồi ông đã tìm ra căn nguyên của sự bất đồng giữa ông và các người bút chiến với ông : Ông Trung đứng ở *lập trường chính trị* mà phê bình Phạm-Quỳnh còn một số phê bình gia và sử gia chỉ nhìn con số khá hơn, 210 số Nam-Phong rồi phê phán Phạm-Quỳnh về một phương diện thuần túy văn học.

Vậy mục đích trong bộ sách của Nguyễn-Văn-Trung không phải là công kích nhà văn Phạm-Quỳnh, như nhiều người tưởng nhầm mà chính là để trả lời các người đã hiểu sai Phạm-Quỳnh hay đã chụp mũ lên đầu soạn giả. Soạn giả muốn mời độc giả cùng đứng trên *lập trường chính trị* với soạn giả rồi sẽ thấy rõ ràng rằng sự thật lịch sử như sau :

Thực dân Pháp xâm lăng là để bóc lột. Nhưng khi sang bóc lột Việt-Nam, chúng thấy nhóm « Đông Kinh nghĩa-thực » hô hào « Duy-Tân » để chống lại chúng. Để che lấp cái dã tâm, cái *thực chất* của chúng, chúng bắt buộc phải đưa ra một số khẩu hiệu, một số danh từ hùng hồn, hồng đánh lừa dân ta : những danh từ ấy giáo sư Trung gọi là *huyền thoại*. Ông đã dành cả chương II, từ trang 83 đến trang 181, định nghĩa, giải thích danh từ « *huyền thoại* » : thực là một trang triết học khúc chiết, mạch lạc.

Như vậy, chính sách văn hóa của thực dân là biện hộ cho sự áp bức mà chúng không dám để phơi bày lộ

liều, sợ các báo chí hay đảng phái cấp tiến và các nhà cách mạng công kích. Do đó có sự mâu thuẫn giữa thực chất dã man và chính sách văn hóa giả tạo của thực dân, mâu thuẫn đưa đến chỗ sụp đổ năm 1945 và trước khi tan rã, cũng chẳng lừa bịp được ai. (đã nói ở trên) Duy có một thiếu sót trí thức như Nguyễn-Văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh sống xa quần chúng, là đứng lên làm « tay sai văn hóa của Pháp » (trang 203) Tạp - chí Nam - Phong có thể coi như một cái « loa » của thực dân và « không bài nào của Phạm - Quỳnh viết không nhằm một dụng ý chính trị từ việc giới thiệu Descartes đến việc phê bình thơ Tản-Đà hay cuộc Du-ký Nam-Kỳ ».

Trên đây tôi đã lược qua cái lực-tuyến (ligne de force) tạm làm kim chỉ nam cho các bạn thanh niên hiếu học khi đọc bộ sách của giáo sư Trung. Thật tình ra cái « sai lầm lịch sử » về Phạm-Quỳnh ở đây rất nhỏ bé vì thu hẹp trên ghế nhà trường, không ảnh hưởng gì tới quảng đại quần chúng. Cái sai lầm kể ra cũng không đáng để cho một vị giáo sư đại học đọc tới gần 100 quyển tài liệu để sửa chữa nó, rồi đây trong những bộ văn học sử tương lai, nhờ ý kiến trên đây của ông Trung và các sử gia khác, Phạm Quỳnh và tạp chí Nam Phong sẽ có một chỗ ngồi vừa phải đúng với mức của nó.

Giáo sư chỉ mượn « cái sai lầm lịch sử » kia làm cái cớ để đặt ra nhiều vấn đề văn học, chính trị, triết học, lịch sử ví dụ t vai trò quan trọng của Đông

Kinh nghĩa thực ; Phan Chu Trinh chỉ là cái lương, điều kiện cần thiết của một đảng chính trị, sở phận của các đảng quốc gia, vấn đề tha hóa con người (aliénation) và chính sách thuộc địa, chủ nghĩa nhân bản và xã hội chủ nghĩa mở rộng (socialisme ouvert) huyền thoại và phá huyền thoại v. v. ... Thật là phong phú, vấn đề nào ông cũng đưa ra một cách gọn gàng và cá m đồ, giai thoại nào cũng chọn lựa tài tình và có sức chứng minh hùng hồn cho lập trường của ông.

Nhưng cũng vì đưa ra nhiều vấn đề quá, trong số độc giả vội vàng hay còn trẻ tuổi, có người sẽ khó bề nhận định rõ cái nhất trí của bộ sách : người này sẽ mãi ngắm một cây tươi đẹp để quên nhìn bao quát cả một khu rừng.

Khu rừng mà tôi muốn ám chỉ đây là mây danh từ để làm mê hoặc độc giả : chính trị dự phóng sự văn hóa.

Chính trị thật là cả một khu rừng, nhất là trong khi mọi người đang muốn làm chính trị ! Có nhiều thứ chính trị, tả, hữu, trung lập, chủ nghĩa xã hội, phát xít v.v... Vậy khi ông Trung nói chính trị và văn hóa đi đôi với nhau là ông nói thứ chính trị nào ? Ở lời tựa trang IV, tác giả đã trình bày rõ ràng : muốn xét một chế độ, một nhà văn, phải tra hỏi dự phóng (projet) nền tảng của chế độ của người ấy, nhiên hậu mới phê phán được. Ví dụ, dự phóng (hay dự định) của thực dân là cướp bóc, thì dù thực dân có khôn ngoan nguy trang

đền đầu, lừa bịp đền đầu, một người dân lành mạnh vẫn lột được mặt nạ của bọn chúng. Ví dụ khác: dự phóng của Phạm Quỳnh đã là đầu hàng thực dân, chấp nhận sự đã rồi của định mệnh lịch sử thì dù ông biên khảo về Descartes hay về J. J. Rousseau, đọc giả cũng biết trước là ông chủ bút Nam Phong sẽ « lờ » cái phần tư tưởng cách mệnh của hai văn hào Pháp. Đã tra ra được dự phóng tất xác định ngay được trách nhiệm lịch sử.

Vậy thì chính trị trong bộ sách của ông Trung là phương pháp tâm phân cá sinh (psychanalyse existentielle) pha lẫn với duy vật biện chứng. Trong bộ Critique de la raison dialectique, tập I triết gia Sartre đã cho rằng triết học của thời đại này là biện chứng, nhưng chê bọn mác-xít đã lãng quên mặt đời sống của cá nhân: Sartre chủ trương rằng phê bình Flaubert tìm hiểu giai cấp của nhà văn như nhóm mác-xít chưa đủ, còn phải phân tích đời sống cá sinh của Flaubert nữa. Ông Trung còn đi sâu hơn: trong tâm lý cá nhân, còn tra ra cho kỳ được cái dự phóng của một người nào hay một chế độ nào.

Sau khi đã hiểu như trên rồi, bây giờ ta có thể trả lời câu hỏi đặt ở đầu bài này. Giáo sư Trung không nhẽim phải cái bệnh « chính trị » của thời đại. Không, trái lại ông có lập trường hẳn hoi và phương pháp tân kỳ, đưa một quan niệm mới vào triết học lịch sử và văn học sử.

Nhưng có một điều sơ xuất nhỏ cần nêu ra ở đây: giáo sư Trung

đã thu thập được rất nhiều tài liệu kể cả những tài liệu bí mật của sở mật thám Phủ Toàn Quyền thời xưa: 5 tập (tomes) « Contribution à L'histoire des mouvements politiques de l'Indochine française » do L. Marty soạn. Nhưng giáo sư Trung cho rằng sự biên soạn của 5 tập « có vẻ khó xác thực » (trang 191). Ở đây ông quên cái dự phóng của L. Marty. Khi biên soạn bộ ấy vào hồi 1933, dự phóng của L. Marty là để cao Cộng sản quốc tế ở Á-Châu vì thực dân Pháp muốn thúc chính-quốc lập một liên minh chống Cộng ở Đông Nam Á với mấy nước Nhật, Hòa Lan và mấy ông « trùm » thực dân hy vọng chiếm những chức vị to hơn chức toàn Quyền Đông Pháp, nghĩa là chức cao Ủy ở Thái Bình Dương (Commissaire de l'Océan Pacifique).

Hơn nữa, trong khi phê bình một chế độ hay một nhà văn chỉ xét riêng về Dự phóng nền tảng (projet fondamental) để ấn định cái phần trách nhiệm, phần tội lỗi thiết tưởng chưa được công bằng. Ta còn đem sla tới cái công của chế độ hay nhà văn ấy. Như thế mới khách quan. Ta có thể nói tuy chế độ thực dân đã chà đạp lên dân tộc Việt Nam nhưng chế độ ấy đã có một cái công nhỏ là phá vỡ một phần nào nền kinh tế phong kiến, nền văn hóa cổ truyền và đã tạo ra một số trí thức ngày nay còn đứng trong hàng ngũ lãnh đạo ở Saigon, ở Hanoi với những đức tính hay những thói xấu thoát thai từ Tây học sang. Cũng như xét

về cái tội của Phạm Quỳnh, chúng ta không thể nào không nhắc tới công đóng góp của tạp chí Nam Phong trong việc đẩy mạnh phong trào quốc gia ngôn ngữ (nationalisme linguistique) do Đông Kinh Nghĩa Thục đề xướng. Cũng như khi chê bai các đảng cách mệnh quốc gia thiếu chương trình, thiếu chiến lược đến nỗi bị mất đất đứng ở ngoài Bắc, giáo sư Trung quên không nhắc tới công của các đảng ấy, từ hiệp định Genève (1954) đến nay, và từ 17 vĩ tuyến trở vào Nam.

Ở đây tôi muốn đề nghị rằng, trong việc phê bình văn học, sau khi tra hỏi dự phóng, tìm hiểu thành phần xã hội, rồi, cũng cần xét tới công dụng hay hậu quả của một tác phẩm, một biên cở. Theo tôi, đứng về lịch sử, chính trị, hậu quả cũng là một yếu tố để xác định vai trò của một biên cở và chỗ đứng của một nhà văn hay một văn phái trong sử hay văn học sử.

Văn hóa! Danh từ này nghĩa cũng khá rộng, và ta cũng cần hạn định cho được minh bạch hơn. Về văn học hoặc về văn chương, nếu phê bình thì người đọc có nhiều thái độ, không phải chỉ đứng riêng trên quan điểm chính trị: phê bình ấn tượng, phê bình căn cứ vào đời tác giả kiểu Sie Beuve, hay căn cứ vào tác phẩm, kiểu Richard v. v. Nhưng về văn học lịch sử, thì ta đồng ý với ông Trung, nên đứng về chính trị. Ở nước ta, hai môn này còn mới quá các nhà soạn sách giáo khoa cứ lẫn lộn thể phê bình với loại văn học sử; còn như ông Trung vì du học về, tưởng

nước nhà đa số độc giả cũng nhận định được biên giới và đối tượng của chúng rồi nên ông không cần nhắc lại. Thực ra, khi ông bàn về P. Quỳnh thì ông rất có lý khi nêu ra nguyên tắc chính trị để đặt Nam-Phong cho đúng chỗ, trong bộ văn học sử tương lai; còn về văn đề thưởng thức văn Phạm-Quỳnh, tôi chắc Ô. Trung, sẽ nhận rằng nên để có nhiều phản ứng, hay cách thưởng thức khác nhau.

Vậy khi đọc bộ « Văn hóa và chính trị », mỗi khi đến các trang bàn về công tác văn học của Phạm Quỳnh, ta nên nhớ đây là việc ấn định một chỗ ngồi cho nhà văn ấy trong bộ văn học sử tương lai. Có hiểu như vậy, thì ta sẽ đỡ lẫn việc phê phán lịch sử (jugement historique) khác với phê phán nghệ thuật. Cái sai lầm lịch sử về Phạm-Quỳnh nói trên cũng bắt nguồn từ chỗ lẫn lộn hai lối nhìn thực ra khác nhau.

Một điểm nữa: toàn bộ đều mang danh « Văn học và chính trị » mà ở tập I, chúng ta chưa từng thấy ông Trung dành ra vài trang hay một thiên đặt mối tương quan tương hỗ giữa « Văn học » và « chính trị »; Ông mới nói tới huyền thoại, mà trong số huyền thoại, ông cũng quên, không phân ra loại huyền thoại chính trị khác với huyền thoại văn chương hay triết học.

Dù sao, mấy ý kiến trên này chưa hẳn bước sang việc phê bình bộ sách của ông Trung. Muốn phê bình đúng đắn, ta phải chờ đọc tập II và tập III hiện chưa ra đời.

Chấp nhận hay không chấp nhận *lập trường chính trị* của soạn giả, tôi chắc sau khi đọc tập I, các sử gia và giáo sư sẽ suy xét lại mấy vấn đề lịch sử do ông Trung đã nêu ra; và các học sinh cùng sinh viên cũng khao khát tìm hiểu thêm những vấn đề triết lý và chính trị hiện đặt ra trong tập I.

Tôi có cảm tưởng như đứng trước một chiếc nhà bé nhỏ « Việt-Nam văn hóa sử hiện đại » mới dựng lên được chừng 20 năm nay, bây giờ ông Nguyễn Văn Trung từ xa về, lấy ánh sáng triết thuyết mới chỉ cho biết cái tường này giả tạo, cái cửa sổ kia cần đục thêm ra, ở trong nhà chỗ này phải giả lại cho « Đông Kinh nghĩa thực » chỗ kia phải thu hẹp lại cho Phan

Chu Trinh, cho Phạm Quỳnh v. v. .

Người ta thường nói bông đùa rằng : sử gia làm công tác xây dựng còn triết gia đi soi mói. Soạn giả của tập I « Văn hóa và chính trị » không những soi mói mà ông còn đục khoét tới nền tảng, tra cứu tới căn nguyên như tra dự phóng của chế độ thực dân và của Phạm Quỳnh. Soi mói mà vẫn kiên thiết. Ông mượn hai bằng cứ lịch sử để mời độc giả bước lên đường cùng ông đàm thoại và tìm hiểu những tư tưởng chính trị và văn hóa đương đặt ra ở trước mắt chúng ta. Soạn giả đã thành công thể hiện được ý nghĩa câu Hán văn mà tác giả nêu ra ở đầu bài tựa : « Ôn cồ nhi tri tân ».

Bùi-Hữu-Sùng

HIỆN TẠI

Hiện tại giữa bàn tay
Ngày xưa ven sóng mắt
Và tương lai ai hay ?
Đêm ba mươi đen đặc !

Cơm đời chan cay đắng
Tháng năm rồi bao nhiêu ?
Con đường tôi cháy nắng
Chao ôi ! Khát gió chiều ?

TRẦN-HUIỀN-ÂN

Mùa-hai-mươi sang đâu ?
Mà đây hoang vắng quá !
Ai cười rung thiên nhiên
Ai lúm hồng đôi má

Tôi làm con ốc nhỏ
Nép trong vũng nước bùn
Tắm nhìn che ngọn cỏ
Nghe hoài giọng dề giun

Ngày xưa thôi sóng mắt
Tương lai mờ xa xôi
Vâng, chỉ còn hiện tại ;
Bàn tay gầy đơn côi

T. H. A.

SÁCH THỜI MỚI ĐÃ ẮN HÀNH

- ư nhà của VÕ-PHIẾN — 30 \$ (sắp hết)
- Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà của STEFAN ZWEIG, do TRẦN-THIÊN dịch (đang in lại)
- Guồng máy của J. P. Sartre, do TRẦN-PHONG-GIAO dịch (hết)
- Tiểu thuyết hiện đại của TRẦN-THIÊN 42 \$
- Thơ trắng của ĐỖ - TẤN 30 \$
- Người tù của VÕ-PHIẾN 36 \$
- Cái chết của I - Văng I - Lich của LÉON TOLSTOI, do VŨ-ĐÌNH-LƯU (Cổ Liêu) dịch 32 \$
- Anh của VÕ - HỒNG 48 \$

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIỂM

17 - 29, Đại lộ Hàm-Nghí — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tơ-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Vai trò báo chí kinh tế trong việc khuyến khích xuất cảng

● DƯƠNG-CHÍ-SANH

L.T.S. Chúng tôi xin đăng nguyên văn bài thuyết trình của Ông Dương-Chí-Sanh, Chủ-nhiệm nhật báo « Việt-Nam Thời-Báo » đọc tại khóa hội thảo quốc-tế thứ 14 của Tổ-chức Đức-quốc viện-trợ các quốc-gia đang tiền. Do lời của Tòa Đại-sứ Đức tại Việt-Nam Cộng-Hòa, Ông Dương-Chí-Sanh cùng Ông Từ-Ngọc-Đình, công cán ủy viên Bộ Kinh-Tế đại-diện cho Việt-Nam Cộng-Hòa đã cùng 30 đại-biểu của 15 quốc-gia Á-Châu dự khóa hội thảo trong thời gian gần một tháng từ 19-10-63 đến ngày 17-11-63 tại Villa Borsig (Bá-Linh) và trong nhiều thành phố lớn của Cộng-Hòa Liên-bang Đức-quốc.

Thưa quý-vị,

Với đề tài trên, trước tiên chúng tôi xin dẫn dắt quý vị vào hiện trạng của Miền Nam Việt-Nam sau 9 năm thu hồi độc lập chánh trị, quân sự và lý tài, một quốc gia độc lập được tương đối an ninh trong 4 năm và đang bị chiến tranh phá hoại của Cộng-sản miền Bắc từ 5 năm nay.

Hơn nữa, nền kinh tế của Miền

Nam Việt-Nam trẻ trung đã bị ảnh-hưởng rất lớn bởi các chế độ đô hộ cũ và bởi sự chia đôi đất nước do Hiệp - định Genève 1954. Văn - đề thương mại trước kia được xem là một ngành chuyên môn của người ngoại quốc, người dân trong xứ thường chỉ biết sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy mà số vốn và lợi tức về thương mại đã nằm gần hết trong tay ngoại kiều.

VAI TRÒ BÁO CHÍ KINH TẾ...

PHẦN I.

Trạng thái kinh tế và báo chí trong một nước chậm tiến.

Khi Miền Nam Việt-Nam thu hồi chủ quyền độc lập rồi, người Việt-Nam mới bắt đầu nhận thấy sự cần thiết trong việc nắm giữ các giếng mỏ kinh tế và bắt đầu từ đây, những danh từ như « phát triển, chấn hưng kinh tế » mới được dư luận nói đến. Nhưng nói chung, dân chúng Việt-Nam vẫn chưa lưu tâm đến thương mại, đến báo chí cũng cho đó là một đề tài xa lạ và khô khan.

Để cập đến thái độ báo chí trong hiện trạng của một quốc gia vừa chậm tiến vừa bị phá hoại liên tục bởi Cộng-sản, chúng ta có thể trách móc và quy trách nhiệm cho báo chí không biết khích động quần chúng và hướng dẫn dư luận trong việc phát huy kinh tế. Sự đổ lỗi ấy có thể đúng một phần nào, và cũng có thể bảo chữa được phần nào. Vì sao ?

Báo chí — trong tình trạng chậm tiến cũng như các ngành khác — không thể đi ra ngoài định luật chung của nghề làm báo là phục vụ thị hiếu cấp thời của quần chúng : vì vậy — như đã nói trên là đa số không mấy quan tâm về kinh tế — các loại bài xây dựng kinh tế không phải là món ăn đòi hỏi của khách hàng quần chúng. Mặt khác nếu muốn đề cập đến kinh tế, các ký giả tự thấy mình kém khả năng trên phạm vi này, cho nên rất e ngại và lẩn tránh các đề tài có liên quan đến vấn đề kinh tế. Và lại, bao nhiêu văn

để chính trị, xã hội, chiến sự dồn dập tới tấp mà với phạm vi nhỏ hẹp của một tờ báo 4 trang, không cho phép các báo hằng ngày — 15 nhựt báo — còn lưu tâm tới nữa.

Nói như vậy không phải là phủ nhận hẳn rằng ở Miền Nam Việt-Nam không có tờ báo hoặc tạp chí nào về kinh tế hoặc không chủ trương phát triển kinh tế. Các tạp chí có chiều hướng kinh tế như : Bách-Khoa, Chấn-Hưng Kinh-Tế, Mai và Quê-Hương là những tạp chí do những nhà kinh tế gia hoặc chuyên viên hành chánh chủ trương. Các tờ tạp san như : Phòng Thương-Mại, Tin Tức Nghiệp-Đoàn, Tin Tức Tổng Đoàn Kỹ-Nghệ, thường là những uội san có tánh cách nội bộ để đăng các thông cáo hoặc thông kê chánh thức về kinh tế, thỉnh thoảng cũng có nêu vài nguyện vọng của ngành chuyên môn với tánh cách yêu khẩn hơn là tranh đấu.

Vai trò của báo chí nói chung và báo chí kinh tế nói riêng, không phải chỉ đăng các thông cáo hay thông kê hoặc chương trình của nhà cầm quyền mà có thể coi là « vai trò » hay nhiệm vụ của báo chí được. Hơn nữa, vì số phát hành rất ít trong phạm vi chuyên môn đấu với cố gắng nào các tạp chí và tạp san không thể khích động đại chúng lưu ý tới bất luận là một vấn đề nào, nhứt là vấn đề kinh tế.

Như vậy « vai trò » đây cần phải gán nhiều nhứt cho các nhựt báo, nhờ những lời phê bình thực tiễn hoặc lời điều tra, hoặc phóng sự linh động với

sự nghiên cứu thiết thật qua việc tiếp xúc thẳng với các giới đối tượng.

Trước đây 2 năm, dường như không có một nhật báo nào có một chủ trương phát huy kinh tế và có hằng loạt bài về thương trường, về tài chánh. Nhật báo Thời - Báo (do chính tác giả bài thuyết trình này làm Chủ nhiệm) - ra đời đến nay vừa đúng 2 năm (16-10-61) — không hẳn là một tờ báo kinh tế, nhưng có những chủ trương kinh tế vững mạnh. Các loại bài : Tiền bạc đi đâu + Vai trò của thương giới + Tự do thương mại + Châm dứt các hình thức độc quyền + Hướng tiền của ngành xuất nhập cảng + Kinh tế nông nghiệp v. v . . . được các giới kinh doanh công nhận có giá trị. Các đề tài và luận cứ về kinh tế của Thời-Báo đã được nhiều Đại-biểu Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia và Dân-biểu Quốc-hội Lập-pháp tán đồng trên diễn đàn chánh thức. Nhưng thử tìm hiểu tại sao lại có quá ít báo chí nhận lãnh vai trò trên ?

Ấu cũng do những khó khăn mà báo chí thường vấp phải ở 2 điểm sau đây : Phần nhà báo, có khi muốn tìm hiểu các nguyên nhân để tìm lối thoát cho một tình trạng nào đó, thì vừa gặp trở ngại ở ngay chính sự kém hiểu biết của mình và sau đó là ở sự « kín tiếng » của các cơ quan liên hệ. Phần các cơ quan liên hệ, luôn luôn người ta không muốn việc làm ấy được đem ra phân tách trên mặt báo, họ chỉ muốn giải quyết mọi việc nơi phòng kín mà thôi. Cung cách

ấy dễ làm nản lòng những nhà báo có thiện chí.

Thật ra, không bắt buộc ký giả về kinh tế là nhà chuyên môn có một trình độ hiểu biết sâu rộng rất cả những vấn đề kinh tế, và lại cũng không có nhà kinh tế học nào lại tình nguyện làm nghề ký giả. Việc loan tin tức cũng như nêu ra lập trường về đường lối kinh tế chỉ cần những cây bút có kinh nghiệm « sòng » trên thương trường và hiểu biết những lý thuyết căn bản về kinh tế. Vai trò của nhật báo là khám phá, thông tin, theo dõi các hoạt động kinh tế lý tài, phản ánh xác thực được dư luận quần chúng đối với việc áp dụng chánh sách kinh tế trên mọi phương diện, tức là phô bày cho cơ quan hữu trách những « sự thật » nhờ ở sự thông tin đứng đắn của nhà báo.

Ai cũng rõ, báo chí trong những quốc gia dân chủ có năng lực phổ biến và tác động vô cùng cần thiết, Cũng như vấn đề chánh trị và xã hội việc phát huy kinh tế là một mục tiêu trọng yếu của bất cứ một quốc gia nào muốn tự lập, tự cường, mà trong lãnh vực này cũng như 2 lãnh vực trên, báo chí có thể là động cơ thúc đẩy rất kiên hiệu. Kinh nghiệm tại Việt-Nam cho thấy rằng : trong sự động viên tinh thần dân chúng, vấn đề nào được báo chí đề cập đến có tác dụng mạnh mẽ hơn hẳn những thông cáo chánh thức hay những bản dân giải do chánh quyền đưa ra. Vì thế, khóa hội thảo năm nay, khi nói đến đề tài « vai trò » của báo chí, quả nhà tổ

VAI TRÒ BÁO CHÍ KINH TẾ...

chức đã quan niệm đúng mức về sự cần thiết báo chí trong lãnh vực thúc đẩy phát huy kinh tế.

Thật ra, những ngày gần đây, nhân dân Việt Nam đã hướng về lãnh vực kinh tế để tìm hiểu và cò gắng từng bước đi một, cho nên ai nấy đều nghĩ rằng nếu báo chí ý thức được việc tham gia thông tin hoặc chỉ trích phê bình các chủ trương kinh tế và tài chánh, sẽ lỗi cuốn đũa sỏ dân chúng theo dõi vấn đề, nhờ đó mà các cơ quan liên hệ có nhiều tài liệu thực tế để sửa chữa các sơ xuất, hoặc có cơ hội để minh xác lập trường của mình trong những trường hợp cần thiết.

Sự cởi mở trong phạm vi phê bình chỉ trích các kế hoạch kinh tế đem ra áp dụng hoặc những sai lệch trong việc thực thi các kế hoạch ấy, sẽ đem đến nhiều kết quả tốt là, dù muốn dù không, người dân (độc giả) cũng phải lưu ý đến chủ trương của nhà cầm quyền. *Lỗi lầm phổ biến bằng chỉ trích, hẳn là một nguyên tắc thông tin hữu hiệu của các quốc gia dân chủ vậy.*

Căn cứ vào các sự kiện do hoàn cảnh tạo ra chúng ta có thể tìm một lối thoát cho sự định đoạt về vai trò của báo chí, trong hoàn cảnh chậm tiến, trước một vấn đề hệ trọng : *phát huy xuất cảng để tự lập, tự cường.*

..

PHẦN II

Trên những khía cạnh và dưới hình thức nào báo chí thủ đúng vai trò của mình ?

Như ta đã rõ, dường như không có một quốc gia nào trên thế giới có thể tự túc hoàn toàn, dù là tài nguyên, tài lực của các quốc gia ấy sang mãn và tiên bộ đến mức nào đi nữa. Một lý do dễ hiểu là họ không thể có đủ nguyên liệu để cung cấp cho các nhu cầu của họ. Vì vậy mà quốc gia nào càng có nhiều kỹ nghệ lại càng cần phải nhập cảng rất nhiều nguyên liệu. Như vậy khi họ nhập cảng thì chính là người xuất cảng vậy.

Tình trạng chung của các nước chậm tiến là mua nhiều mà bán ít. Tại Miền Nam Việt - Nam với hoàn cảnh đặc biệt là kiện thiết trong chiến tranh, là đối phó với giặc bên trong lẫn âm mưu phá hoại từ bên ngoài. Chính phủ đã để xướng chủ trương kinh tế tự túc để đi đến tự lập tự cường, lấy nông thôn làm cục bộ sản xuất căn bản. Vai trò của báo chí rất cần thiết để động viên tư tưởng và tinh thần của toàn dân hướng về nền tảng sản xuất. Làm thế nào :

— khuyến khích nhân dân hướng ứng đầu tư,

— hướng dẫn và phổ biến kế hoạch nông nghiệp và chăn nuôi,

— động viên năng xuất của nông dân đang còn khiếm việc,

— chiến lược hóa và khoa học hóa các cơ quan chánh quyền để làm hậu thuẫn đắc lực cho hoạt động phát triển kinh tế.

— chiến lược và khoa học hóa các ngành sản xuất.

— Tạo một tinh thần mới, trong hoàn cảnh mới để hướng sự nỗ lực của toàn dân vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế.

Sau khi động viên toàn lực sản xuất thì phải phát huy và thúc đẩy một phong trào xuất cảng rộng lớn trên thị trường quốc ngoại, tức là cổ xúy ngoại thương. Bởi vì, đã tiêu thụ ít nữa phải đi song song với đã sản xuất, bằng không sẽ đi đến phá sản và đổ vỡ.

Miền Nam Việt-Nam — đầu ở hoàn cảnh bị chiến tranh phá hoại — có nhiều điều kiện thuận tiện nhờ tài nguyên thiên nhiên và năng lực sản xuất (của người dân ham làm lụng, thích mở mang). Xét về các khả năng sản xuất từ rừng núi đến đồng bằng, đồng ruộng và cả một duyên hải phong phú với sự khiêm việc ước lượng 300 triệu ngày công mỗi năm, Việt-Nam Cộng-Hòa có thể xuất cảng ra ngoài nhiều loại lâm sản, nông sản, nguyên liệu, súc vật và các loại hải sản : nếu số vốn đầu tư được hưởng ứng đáng kể đi đôi với một chánh sách xuất cảng cởi mở.

Đối với thị trường quốc nội, nhân dân Việt-Nam lại thích chi tiêu và có một chiều hướng xa xỉ. Nhưng phải hướng dẫn dân chúng về ý thức chi tiêu và xa xỉ thế nào mà hoàn cảnh quốc gia cho phép, để có đủ hàng hóa xuất cảng ra ngoài và dành số vốn vào đầu tư sanh lợi. Về ngoại

thương, Việt-Nam Cộng-Hòa nằm kề cận nhiều quốc gia tiêu thụ như Hồng-Kong và Singapore có thể mua bất cứ sản phẩm tầm thường nào, nhất là các loại thực phẩm. Đó là chưa nói đến các món hàng xuất cảng chánh và thường xuyên từ nhiều năm qua về lúa gạo, cao su, quế, trà v.v . . . Vì lý do nào hoàn cảnh rất thuận tiện về mọi mặt của Việt-Nam Cộng-Hòa chưa được nhân dân khai thác đúng mức ? Đó, chúng tôi tưởng báo chí cần phải đóng vai trò tìm ra nguyên do của sự chậm trễ kia vậy.

Đề quốc-gia thi hành và thành tựu các mục tiêu vừa phác họa, báo chí cần phải vạch rõ những « cái khó » mà người dân vấp phải khi lao mình vào kế hoạch trên. Sự dị đồng bao giờ cũng sẵn có trong tư tưởng và quan niệm của cơ quan cầm quyền và lớp người sản xuất. Sự dị đồng quan điểm ấy lại thường xảy ra nhiều ở các xứ chậm tiến, khó được đa thông nếu báo chí không muốn hay không được đề cập đến.

Với vai trò trên, báo chí còn có nhiệm vụ làm thế nào cho nhà cầm quyền đứng quan niệm giới doanh nhân là : bọn ăn xin, bọn tham lam mà chính một số báo chí lại gán cho cái tên nguy hại : bọn gian thương. Thật ra, khó mà lý tưởng hóa hay lạnh mạnh hóa được hết các ngành trong một thời gian ngắn ngủi ; trong việc kinh doanh trên đầu mỗi chót lưỡi, ai cũng nói làm thứ nầy thứ nọ để xây dựng nền kinh tế quốc gia v.v... nhưng mục đích chánh là để

thử lợi trước nhứt ; bởi vì không có cá nhân nào chịu hy sinh số vốn riêng của mình để làm lợi cho quốc gia, nếu số vốn ấy có thể bị hao mòn và tan mất. Nhưng dầu với mục đích tư lợi, các sinh hoạt kinh tế của tư nhân vẫn đem lại lợi ích chung cho nền kinh tế của cả một nước. Đó là định luật về ảnh hưởng dây chuyền.

Vì quá đánh nhẹ phẩm giá của thương giới, người công chức tại các quốc gia kém mở mang thường hay gắt gao hoặc làm thình trướng các yêu cầu của giới kinh doanh.

Mặt khác ta không thể xua doanh nhân lao mình vào những phiêu lưu sản xuất, khi nhà hữu trách kinh tế lại áp dụng những chánh sách khắt khe, kiểm soát ngặt nghèo, làm cho việc xuất cảng trở thành khó khăn và nguy hiểm. Vậy nếu quốc gia nào gặp phải tình trạng nhà cầm quyền tự mâu thuẫn như vậy — nghĩa là muốn mở mang kinh tế mà lại khắt khe với vấn đề xuất cảng — thì vai trò của báo chí là phải đánh đổ các quan niệm hoặc hành động sai lầm ấy cho việc xuất cảng được nổi rộng.

Ở các quốc gia chậm tiến, nếu có sản phẩm để xuất cảng thì thường là những nguyên liệu và nông sản chưa biến chế. (Tình trạng này có thể nói là trái ngược với các quốc gia tiên bộ thường hay xuất cảng những hàng hóa đã biến chế). Sự xuất cảng nguyên liệu và nông sản chưa biến chế thật là khó khăn và đòi hỏi nhiều kỹ thuật hơn là việc xuất cảng các món hàng

đã hoàn thành. Để khuyến khích làm một việc « khó » thì phải dễ dãi trên phương diện thủ tục và qui chế, họa may mới gây được một phong trào hưởng ứng lớn mạnh. Tại Việt - Nam, việc xuất cảng rất được khuyến khích bằng cách trợ giúp xuất cảng cho những món hàng mà giá bán trong xứ cao hơn ở xứ ngoài. Nhưng dầu sao còn nhiều thủ tục và quan niệm khắt khe phải được sửa chữa, nhất là về phương diện kỹ thuật, khi việc xuất cảng phần lớn nhắm vào nông phẩm (hay hư thú) hoặc gia súc (hay mật cần hoặc chét chóc). Những quan niệm khắt khe ấy là những gì ?

Chỗ dị đồng của nhà cầm quyền và nhà xuất cảng thường xảy ra ở chỗ ý thức của đôi bên : một bên thì muốn thâu được nhiều ngoại tệ vào nhiều chừng nào hay chừng ấy, vì thế mà việc kiểm soát thành ra gắt gao, hao tổn nhiều thì giờ, đến khi chấp thuận thì món hàng ấy hoặc bị sút kém ở quốc nội, hoặc đã mất giá ở thị trường hải ngoại, một bên thì không thể bỏ ra hàng trăm ngàn hay hàng triệu bạc để « phiêu lưu » rước lấy thất bại vào mình, mà chỉ hành nghề khi phần chắc đã nắm trong tay. Một phần vì chỗ dằng co giữa đôi bên mà việc xuất cảng không thể tiến đến mức độ mong mỏi được. Vai trò của báo chí là phải làm sao cho đôi bên được hòa hợp và hiểu rõ nhau hơn. Một đảng phải quan niệm : « có ít còn hơn không có », và để doanh nhân kiếm lời dễ dàng hầu kích thích khuyến khích trương, một đảng đừng quá tham lam, quá

lưu tâm về việc gian lận ngoại tệ hay giá cả.

Nói tóm lại, vai trò của báo chí hướng về kinh tế để phát huy ngành xuất cảng cần phải nhắm vào 2 đối tượng; một bên là nhà cầm quyền và một bên là dân chúng (sản xuất và thương gia sản xuất). Nếu chỉ kêu gào tăng gia sản xuất để xuất cảng một cách giản dị và thông thường có lẽ sẽ là tiếng kêu trong sa-mạc; nếu trong thực tế bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu trở ngại vẫn còn trước mắt giới doanh nhân như bức tường ngăn cản họ tiến bước.

Tìm hiểu đứng đắn được các lý do ấy rồi, báo chí cần tự động và cần được khích lệ thêm để dùng cái « thể dư luận » san bằng các trở ngại và lệch lạc từ tư tưởng đến hành vi như trên đã nói, được vậy thì quốc gia càng mau tiến đến kỷ nguyên mới; tự lập, tự cường,

Có bạn sẽ hỏi rằng: còn vấn đề quảng cáo thương mại không cần thiết cho việc khuyến khích xuất cảng hay sao. Về điểm này chúng tôi có ý kiến như sau:

Khác với báo chí và tạp chí của các quốc gia tiên bộ, với ngôn ngữ phổ thông, con số phát hành đến hàng triệu số mỗi ngày, và được phân phối trên hầu hết các quốc gia tự do khắp thế giới báo chí ở các nước chậm tiến — với tiếng địa phương — con số phát hành rất nhỏ và ít được nước ngoài mua đọc, thì việc quảng cáo sản phẩm chỉ dựa vào các công văn

liên lạc giữa Phòng thương mại địa phương và Phòng thương mại quốc tế hoặc nhờ trung gian các tòa Đại sứ, lãnh sự ở hải ngoại mà thôi. Ít khi nhà kinh doanh dùng hình thức quảng cáo thương mại để giới thiệu hàng hóa của họ — nhất là các sản phẩm chưa biến chế — cho thế giới nhờ trung gian của báo chí ngoại quốc. Cho nên quan niệm về quảng cáo thương mại ở hải ngoại đối với hàng hóa còn thô sơ của các quốc gia chậm tiến là một việc khó làm.

Vì vậy vai trò của báo chí địa phương trong địa hạt thúc đẩy sản xuất và xuất cảng, chỉ có tác dụng trong xứ, nhưng không phải vì đó mà không xuất cảng được hàng hóa, một khi món hàng ấy có sẵn và chánh sách xuất cảng được nâng đỡ đặc biệt.

PHẦN KẾT LUẬN

Xuyên qua các khía cạnh về hoàn cảnh chậm tiến và quan niệm dị đồng vừa phác họa trên, chúng ta đã thấy rõ những trở ngại không cho phép báo chí (nhứt báo) hăng say với các tin tức và đề tài thuộc phạm vi kinh tế, không cho phép các tạp chí kinh tế do các nhà chuyên môn phụ trách đóng đúng vai trò của mình với số phát hành quá thiếu hụt.

Để thúc đẩy báo chí — nhứt là những nhứt báo — đồ xô vào việc phát huy kinh tế, trước hết chúng tôi nghĩ rằng: nhà cầm quyền

VAI TRÒ BÁO CHÍ KINH TẾ...

cũng như các tổ chức kinh tế (Phòng thương mại nghiệp đoàn) cần phải năng tổ chức họp báo để đưa ra những kế hoạch mới hoặc những yêu sách về kinh tế. Thiết ra, đến giờ, các cuộc họp báo như vậy dường như không có (nếu có thì không quá 2, 3 lần trong vòng 7, 8 năm nay). Sở dĩ người ta không muốn làm như vậy, hoặc vì khinh bỉ báo chí, hoặc vì ngại sợ báo chí. Về phần giới doanh nhân thì thích đưa ra những cái khó cho báo chí khai thác, nhưng vì tự ti mặc cảm, hoặc vì nề nang sợ đụng chạm, thành ra phải im tiếng để giải quyết mọi việc trong không kín, như vậy vẫn để chỉ đem lợi ích cho riêng giới của họ, mà việc cô xúy trên phương diện rộng lớn lại thiếu sót.

kinh tế do các tổ chức chuyên môn đưa ra cho báo chí càng phải được lưu ý, nhiều khi người ta còn cho đó là đồ «mật» không nên phổ thông ra ngoài. Ví dụ: tin có một quốc gia muốn mua một món thổ sản (như bắp chẳng hạn) được phổ biến trên nhật báo, thì những người xuất cảng lại sợ món hàng ấy bị lên giá đầu cơ v.v...

Sau hết cần phải lưu ý cho báo chí được tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về kinh tế tài chánh v.v... để cho báo chí trong nước có thể đóng đúng vai trò của mình trong việc phát huy kinh tế nói chung và xuất cảng nói riêng. Được vậy, dầu muốn dầu không, chánh sách sẽ được phổ biến sâu rộng mà gặt hái kết quả là một lẽ đương nhiên vậy.

Ngoài ra, sự trao đổi tin tức về

DƯƠNG CHÍ SANH

ĐÃ IN XONG :

tập thơ **HÒA - ÂM** của **ĐOÀN-THÊM**

- NAM CHI TÙNG THƯ xuất bản
- KIM LAI ẨN QUÁN ấn hành



Bản thường giấy vergé : 40đ

Bản đặc biệt giấy kim ngân : 100đ

Có bán tại các nhà sách lớn đô thành và các tỉnh.

Bản đặc biệt xin hỏi tại : Kim - Lai Ẩn - Quán số 3 đường
Nguyễn Siêu — Saigon.

HẬU-PHƯƠNG

lữ - quỳnh

thư anh gửi về thơm mùi cỏ lá
em từng đêm úp mặt ngủ yên lành
giấc mơ đẹp cũng len vào lúc đó
em mơ màng thấy mắt của anh xanh

Ban-mê-thuật nơi rừng xa anh ở
nghe mùa này mưa trắng cả không gian
em thường khóc khi tìm tin chiến sự
dù tên anh không thể có bao giờ

Quê hương lạnh vì mùa thu đã hết
em đến trường trong cảm giác bơ vơ
mỗi buổi học về, tay lau nước mắt
nhớ làm sao anh — vô bến vô bờ

Thư anh hẹn sang thu thì trở lại
mà bây giờ áo rét đã đan xong
Sao nữ để cho em chờ đợi mãi?
Qua một ngày thêm một... nhớ mong

tin mặt trận đưa về... Em sợ lắm
nên từng đêm ngồi thấp nền nguyện cầu
bởi con gái, nên chỉ còn biết khóc
em mơ hồ thấy Thượng Đế trên cao...

LỮ QUỲNH

ĐOÀN-THÊM

Kiều - bạc đã tan về nghiệp-đi

Mặt trời treo

soi khắp mùa thay lá

Loài chim thoát bóng chờ lên tiếng

Các hương trầm-tur sắp loạn ca

Đón khuya mừng gió đổ

một thời đá tảng nặng màu đêm

với những cuộc đời đương mắt nghĩa

Thế cờ gọn sáng

Giữa lạc lăm nghe rặng thảng năm

Núi chuyền

cho đường qua bước nghẽn

Điều tối

hèn ai đưa nỗi lẻ

Góc rừng mọc giấu

bởi ngày mai vẫn đòi cây tích nhựa

Kín sương dành sức nắng

Rút trắng-sen ra khỏi vũng hương ngầu

Quen sớm quen bờ dễ ngủ
nhìn buông trôi viễn-vọng
Mấy độ ngàn dâu thay biếc
dã - tràng dã - tràng
theo cánh âu ngoài khơi
dặm xe cầu thoáng
vượt cơn giông tìm nhật ánh sao rơi

Đáy lặng tung triều reo nhạc biển
Sóng cười chưa tắt giọng kêu thương
Mây sẽ dịu khi lòng không ác nữa
Thơ ngâm yêu tình mở
ngát biên-cương

Giọt mắt quên lời nói dối
trở về sự thật kiễm trần-châu
Trả sách cũ các danh-từ vang rỗng
Lại ra đi
trót hẹn với ngày sau

Đ.T.

TRẦM - KHÚC II

HỎI SÚNG

thư nhật phương

Rừng đêm ngủ lúa bấp bồng e ngại
Đám mây đầu sương nặng bóng chênh vênh
Mắt cúi xuống nghe tiếng giun để gọi
Tiếng thở dài ai buồn sao buồn tênh

Lũng sâu tiếp rồi đèo cao sừng sững
Nhịp quán hành rồi rạc bổng bơ vơ
Chiều mưa núi qua ngày mai đồi nắng
Thời gian đi tiếng gọi bạn mơ hồ

Bỗng dừng lại đêm nay ta chợt khóc
Ánh lửa mờ, đồng bạn cũng xa xăm
Mẹ già đo tay run càn gậy trúc
Tìm đàn con yếu nào thấy hơi tâm

Gối đầu súng, bạn tùy thân bé nhỏ
Hàng thép xanh lấp lánh giọt sương rừng
Đám que củi không đủ nhen màu đỏ
Sao người buồn mà nước mắt rừng rưng

Đạn xé vang và kinh hãi ngã gục
Tay buông xuôi mà hồn vẫn không đành
Mắt cố nhướng cầu hỏi tròn thâm khốc
Tiếng trả lời lòng đất vẫn u minh

Trước mỗi tử thi ta cúi đầu chịu tội
Đàn kèn kèn tung cánh nước hồn đi
Dấu giày đinh đất hồ nghi náu lại
Nhưng toa tàu theo máy tội tình chi

Một tiếng nấc nghẹn ngào như dấu thán !
Rồi mệnh mang lúa nhạt rừng im hơi
Ta cúi đầu mơ ngày mai trời sáng
Cầu hỏi từng đêm biến mất trên đời

T.N.P

Bóng mát trên đường

★ NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

LỘC - Ninh có những buổi chiều bình thản. Phố xá quận lỵ nằm dưới trũng thấp. Xung quanh trũng là rừng cao su trũng điệp che mắt chân trời khoáng đạt.

Thơ yêu biển hơn rừng. Rừng giới hạn tầm mắt của Thơ. Màu xanh của cây cối không dịu mắt bằng màu lục của biển và màu lơ của nền trời. Hơn nữa, vào lúc sáng, biển có màu hồng tươi của mặt trời mọc và vẻ lộng lẫy của những vệt mây sáng chói.

Nhưng Thơ về Lộc-Ninh đã hai tuần rồi. Thơ gặp mãi những buổi chiều không buồn không vui. Suốt tuần lễ sau, Thơ ngơ ngác trước cuộc sống vô vị kéo dài. Chung quanh nắng: màu xanh đen của lá cao su, từng áng bụi đỏ trong cơn gió thốc, và cái ngất ngây uể oải chiếm trọn buổi chiều. Thượng tuần tháng bảy này ít có ngày mưa. Nàng nhớ Vĩnh-Long, nhưng hình ảnh nơi đó như lùi xa lắm, trong một cái quá khứ sâu thẳm. Suốt ngày,

nàng ở trong tình trạng lười biếng, uể oải và nhớ tiếc vu vơ.

Lười biếng, uể oải, nhớ tiếc vu vơ lần lượt đến Thơ, trôi đi rồi trở lại trong cái vòng lẩn quẩn. Thơ thường đi thơ thẩn trên đồi cao su, nhìn xuống thung lũng sau buổi cơm chiều. Những tia nắng lúc bây giờ còn sót trên những dây đồi xanh. Những phố xá quanh chợ lịm dần theo ánh trời chiều. Giòng suối đục ngầu không mấy sạch sẽ chảy róc rách quanh chợ, mang những chiếc lá rừng đi không trở lại. Các tiệm buôn thưa khách dần. Đứng nơi đây, Thơ có thể thấy từng nóc nhà lồng chợ. Cứ vào buổi chiều, khi nắng tắt thì người mua kẻ bán cũng chuẩn bị ra về. Thơ có cảm tưởng đời nàng như buổi chợ chiều nơi đây.

Ngày nào Thơ cũng chờ một bức thư, bất kỳ thư của người bạn nào. Thơ không thể vui đầu đọc sách, thêu thùa, tưới kiểng tỉa hoa. Cuộc đời nàng trống quá, cần lấp

BÓNG MÁT TRÊN ĐƯỜNG

cho đầy. Nàng muốn thưởng thức thời giờ chứ không thể giết thời giờ bằng những cuộc tiền khiển tao nhã ấy.

Thor trở về nhà, dở quyển Bao Công kỳ án ra đọc lại. Một phong bì xếp làm đôi nằm trong sách. Nàng liền hỏi ba nàng.

— Ba nhận thư này hồi nào ?

— Hồi sáng. Ba quên nói lại với con.

Ở bao thư không có đề tên người gửi. Nàng run rẩy xé ra. Hai tờ giấy xanh mỏng ngan ngát mùi nước qua rế tiền. Thư của cô Nghiêm, bạn Thor.

Sài Gòn ngày. . .

Thor mến,

Mình vừa sanh một bé trai. Mẹ con mình vẫn khoẻ mạnh. Định viết thư cho Thor từ lâu, nhưng không biết viết gì. Hôm qua, đi mua sắm vặt ở chợ Bến Thành, mình gặp vợ chồng anh Bạch Hồ, Thor ạ. Chị ấy cũng vừa sanh một chún trai. Trời ! chỉ có hai năm mà anh ấy và mình đều có gia đình và trách nhiệm riêng. Chị ấy mời mình đi ăn kem.

Chúng tôi, trừ chị ấy, nhắc lại những kỷ niệm xưa ở dưới mái nhà của Thor. Mình không nhắc nhớ gì tới Tổ Quyên. Anh Hồ cũng không đã động gì tới cô ta cả. Vợ chồng anh Hồ có vẻ đầm ấm lắm. Mình thì có nỗi khổ tâm riêng. Khi anh ấy hỏi thăm về đức lang quân của mình, mình giả vờ đánh trống lảng.

Thor, tết này mình sẽ về thăm Thor. Mong rằng anh Hồ cũng đưa chị ấy về với mình. Chúng ta sẽ sống lại những ngày vui cũ. Ngày đó chúng mình hạnh phúc quá. Bao giờ Thor cũng là nhân chứng cuộc đời tình

cảm của anh Hồ, của mình. Mái nhà của Thor sẽ mãi mãi là một bóng mát trên đoạn đường mà mình phải đi.

Mình về sẽ nói lại vang bóng ngày xưa. Mình nhớ Thor lạ lùng, vì chiều nay mình cảm thấy cô độc quá, mình sẽ. . .

. . . Nhớ Thor mãi mãi.
Nghiêm

*
*
*

Ngôi nhà cổ của Thor nằm bên dòng rạch Long Hồ. Phía trước nhà là con đường làng trải đá xanh. Đứng ngoài nhìn vào, người ta có cảm tưởng là một ngôi chùa nằm lặng lẽ. Một cái sân lót gạch tàu ngăn một dãy lẫm lúa đầu mặt qua hông nhà. Mái nhà cong, những miếng ngói màu xanh xám vì bị rong bám. Kèo nhà chạm trổ hình rồng phụng ngậm trái châu. Tất cả đều sơn son thếp vàng.

Ba má Thor đi làm ăn xa. Chỉ còn một mình nàng thui thủi ở căn nhà này. Thor nhiều lúc có cảm tưởng mình là một ông từ giữ nhang khói cho một cái chùa ít được thiện nam tín nữ lui tới.

Nghiêm là bạn cũ hồi học ở tiểu học của Thor. Thời cuộc đã chia rẽ đôi bạn suốt mười mấy năm trời. Nghiêm và cô em gái là con của một điền chủ gặp buổi suy sụp vì chiến tranh. Chị em cô ta sau khi học hết ban tiểu học ở trong làng Cái Nhum (một làng cách xa tỉnh Vĩnh-Long), dắt díu nhau ra học ở Vĩnh-Long để theo ban Trung-học. Trước khi sống với Thor, chị em Nghiêm thuê cho một căn nhà lá lụp xụp ở một khu lao động rồi chở gạo thóc, củi đuốc, vật dụng từ nhà ra. Chị em cô ta xúm xít nấu nướng sau

những buổi tan học. Được ba năm, bà chủ nhà trọ đòi lại. Chị em Nghiêm bối rối, đi kiếm nhà thuê cho vừa với số tiền ít ỏi của mình. Tình cờ, Nghiêm và Thor lại tái ngộ nhau. Thor rủ chị em Nghiêm về ở chung. Từ đó, nhà Thor bớt đi không khí buồn tênh. Thỉnh thoảng người ta nghe trong nhà vang những tiếng cười giòn-dã. Nghiêm đã đem lại cho Thor những giây phút an ủi sau giờ tan sở.

Nghiêm cao lớn nhưng rất gầy. Vui tính, đa cảm, cô ta đang bỗng bột yêu đời. Nghiêm sẵn sàng đón nhận ái tình hoặc vun vãi tình cảm. Vốn ít nói, Trang, em gái của Nghiêm, chỉ thích cười. Còn nhỏ, Trang bình dị, ít suy nghĩ. Cuộc đời của cô ta quá trơn nhẵn và trong suốt. Còn Thor, sau một trận phiêu lưu tình cảm, nàng đâm ra ngờ ngẩn. Ba cô gái có ba cuộc sống riêng biệt nhau. Không ai xen vào những tâm tình của kẻ khác. Tuy vậy, họ vẫn thêm mật, vui vẻ. Trong thời gian này, Thor cặm cụi viết quyển tiểu thuyết đầu tiên dày ba trăm trang giấy gạch vuông. Sau khi đọc lại, nàng ngạc nhiên sao nhân vật của mình « mít ướt » đến thế.

Rồi một hôm, Hổ đi xa trở về thăm nhà. Hổ là bạn láng giềng của Thor. Hổ vui tính, tử tế, nhưng đôi khi lại gàn dở. Chàng đến thăm Thor và được Thor giới thiệu với hai cô bạn. Vốn lịch thiệp, không bao lâu Hổ đã làm thân với Nghiêm và Trang. Đôi khi họ có cảm tưởng Hổ là cô bạn gái. Sống từ bé với Hổ, Thor đã hiểu chàng từ tánh tốt lẫn những tật gàn dở của chàng nên tình yêu không thể nảy sinh giữa hai người được.

Đời Thor mệt mỏi trống trải lắm, cần dựa vào tình bạn hơn tình yêu. Thor tưởng chừng Nghiêm và Hổ chỉ là hai cái bóng thân mật nhưng lu mờ, lảng vảng trong cuộc sống tình cảm của nàng rồi sẽ trôi qua, không một âm vang nào.

Trong khoảng thời gian Hổ ở Vĩnh-Long, chiều nào chàng cũng tìm Thor và Nghiêm. Cả ba thường ngồi bên bờ sông lơ đãng nhìn dòng nước trôi. Hổ kể chuyện rừng núi miền Trung mà chàng đã qua trong thời kỳ đeo đuổi học thực tập Địa dư. Thor không thích những chuyện đó. Nàng mơ màng nhìn những vì sao. Trời đêm trong và lạnh vì nhằm mùa khô. Tâm trí Thor để tận đâu đâu. Nhưng sự hiện diện của Hổ không phải là vô bổ. Câu chuyện của chàng tuy nhạt nhưng thỉnh thoảng vẫn lấp đầy cái trống của hai người bạn gái. Nhờ đó họ bớt suy ngẫm quảng xiển trong những buổi chiều nhàn rỗi. Thỉnh thoảng Thor mời Hổ uống trà. Nàng đọc cho Hổ nghe vài đoạn trong tác phẩm của nàng. Vốn không ưa văn chương, Hổ ngồi nghe với vẻ mặt bức bối.

Đối với Nghiêm, Thor không hề tâm sự về những chuyện quá khứ của nàng. Thor chỉ sợ về sau nếu có đôi chuyện lung củng xảy ra trong tình bạn, nàng sẽ hối tiếc việc trút hết tâm sự của mình. Nàng không cần đến một lời an ủi của ai cả. Mỗi người phải chịu trách nhiệm đời sống của mình. Nghiêm cũng không đòi hỏi gì nhiều ở bạn. Cô ta cũng rất sợ khi nhắc tới chuyện suy sụp ở gia đình mình. Cô ta không muốn khóc với Thor khi bươi móc chuyện xưa, chỉ muốn

dùng nước mắt để làm một mảnh khóc đối với phái mạnh, trừ Hồ.

• •

Sau nửa tiếng đồng hồ, họ đã đến một căn nhà gạch nằm trên đồi thông quay mặt ra hồ Xuân-Hương. Hồ từ trong nhà chạy bổ ra kêu lên mừng rỡ. Chàng mời Nghiêm và Thor vào nhà.

Căn nhà quét vôi trắng. Một bộ xa-long nệm đặt giữa. Bên trong, một chiếc giường sắt kê sát góc tường. Một tấm màn đỏ kéo ngang qua tạo thành một tấm vách phòng giả tạo. Hồ đưa hai người bạn gái đi quan sát cùng khắp cái tiểu giang sơn của chàng. Nghiêm sẽ nắm lấy tay Thor như thăm bảo :

— Có nên ở lại đây với Hồ trong thời gian lui mình đến thăm Dalat không ?

Hiếu nguyện vọng của Nghiêm và Thor, Hồ vội lên tiếng :

— Hai cô ở lại đây nghỉ ngơi.

Mặt Nghiêm sáng lên như thăm cảm ơn Hồ.

Chàng bảo Thor và Nghiêm đi tắm cho khỏe. Sau khi tắm gội xong, Hồ chỉ cho họ giường đã dọn sẵn và ba ly sữa nóng đặt trên mâm bánh ngọt. Thor kêu lên :

— Chúng tôi làm rộn anh quá.

Hồ tươi cười đáp :

— Đừng khách sáo. Các cô đến chơi trong lúc sống xa nhà dù có cực chút ít tôi vẫn lấy làm thích lắm. Các cô đừng ngại ngùng và cứ tự nhiên.

Nghiêm và Thor vui vẻ ngồi vào bàn uống sữa, bánh ngọt và kể chuyện Vĩnh

Long cho Hồ nghe. Đôi bạn gái cảm thấy ấm áp trong căn nhà bé nhỏ nhưng đầy sự sẵn đón của chủ nhân nó. Nghiêm mở cửa sổ nhìn ra hồ. Mặt hồ lúc này phẳng lặng dưới ánh chiều nhọt nhạt. Hàng thông im lìm rủ bóng xuống ven hồ. Bỗng một luồng gió lạnh buốt ủa vào mặt Nghiêm. Nghiêm từ từ khép cửa kính lại. Thor có vẻ mệt mỏi và xin phép đi nghỉ sớm. Trong khi Hồ và Nghiêm chuyện vãn dưới ánh đèn, Thor lăn trở trên giường. Mệt, nhưng nàng không sao ngủ được. Cuộc đi du lịch kéo dài trong ba ngày làm nàng gầy thêm nhiều. Đêm càng sâu, thời tiết càng lạnh. Bên ngoài phòng khách, thỉnh thoảng tiếng cười trong trẻo của Nghiêm nổi lên. Trong mền ấm, Thor chìm chìm trong một cảm giác uể oải.

Cứ mỗi độ hè, Thor muốn ớn lạnh khi nghĩ đến những chiếc giường sắt trải nệm drap trắng toát, những bộ mặt sưng hum húp của những người ở trại đau mũi tại nhà thương Chợ-Rẫy. Thor thường đến viếng nơi này trong một mùa hè. Nhưng mùa hè năm ấy Thor được Nghiêm đề nghị đi nghỉ mát ở Nha-Trang, Đà-Lạt. Nghiêm bảo Thor :

— Đây, ông Xã mình là trưởng ban tổ chức đấy.

Thor được nghe nhiều chuyện về Phu, người yêu của Nghiêm. Có lần Nghiêm đưa Phu đến chơi nhà Thor. Phu là bạn cùng học chung trường với Nghiêm. Thor biết Phu nhiều nhưng chưa có dịp quen chàng. Họ dễ cảm thông nhau qua chuyện vật vãnh trong tình lý nhỏ bé này. Sau một tuần lễ Thor, Nghiêm, Phu và thêm bốn chục người cả nam lẫn nữ lên hai

chiếc xe cam nhông đưa nhau ra Nha Trang.

Xương, anh cả của Nghiêm cũng theo Nghiêm đi du lịch. Xương đã biết Phu là tình nhân của em mình nên quyết theo giữ sát Nghiêm. Là một thanh niên suốt đời làm ruộng rẫy, Xương ưa nói chuyện văn hoa nhưng những danh từ mà chàng dùng đôi khi lại sai bét. Chàng đã ăn chay ròng rã suốt mười hai năm, kể từ chàng được mười tám tuổi. Lúc ra tỉnh thăm em, chàng cũng ăn diện rất hợp thời trang nhưng không che dấu vẻ quê mùa của chàng được. Dầu thích coi tiểu thuyết ca tụng mỗi tình đẹp đẻ của các cô thôn nữ, Xương thường mơ mộng đến các nàng nữ sinh thành thị hơn.

Trong cuộc du lịch, Xương theo sát Nghiêm làm cho Nghiêm đâm bực. Đoàn người đã qua Phan-Thiết, Phan-Rang, Phan-Rí, Nha-Trang. Mỗi nơi họ dừng lại vài tiếng đồng hồ. Rồi một buổi chiều nọ, họ đến Đà-Lạt. Phu đã đưa họ đến một căn nhà vừa đủ chỗ cho bốn chục người nằm sát bên nhau, không giường chiếu. Sở dĩ họ phải sống cực như thế là vì số tiền đóng góp cho ban tổ chức cuộc du lịch không cho phép họ thuê khách sạn. Đa số là học sinh nghèo nhưng thích du ngoạn. Với số tiền ít, họ lại đi nhiều nơi. Họ dùng những mẩu bánh mì để thay vào những bữa cơm trong ngày. Tất cả hầu như mệt mỏi vì thiếu tiện nghi. Đà-Lạt dạo ấy khá lạnh đối với những người chưa đến đây lần nào. Gian phòng chật hẹp làm mọi người ngột ngạt hơn là ấm áp. Thor không quen sống tập thể. Nàng nghĩ ngay đến việc đi tìm Hồ vì trong thời gian này Hồ về Đà-Lạt làm

thực tập Nghiêm tán thành. Cả hai mò theo cái địa chỉ mà Hồ đã cho Thor từ mấy năm trước. Họ đã gặp Hồ trong một căn nhà xinh xắn, đầy đủ tiện nghi. Hồ mừng rỡ được gặp hai cô bạn đồng hương tình cờ. Chàng đưa họ đi dạo sơ một vòng quanh thành phố Đà-Lạt. Đến mỗi nơi, Hồ giải thích tỉ mỉ từng chi tiết. Qau đó chàng đưa họ đi ăn cơm chiều. Thor và Nghiêm từ giả Hồ để đi xin phép Phu để tách đoàn trong lúc không đi viếng thắng cảnh. Hồ xin về nhà trước.

Trời bảy giờ tối hẳn. Gió lạnh buốt. Thor giục Nghiêm về nhà Hồ. Thor lạnh cóng, khúm núm đi sát bên bạn trong khi đó Nghiêm sắp chương trình du ngoạn ngày mai.

Giờ đây trong chần ảm, Thor nhớ lại những ngày ở Nha Trang. Đoàn du lịch của Phu đến Nha Trang vào buổi chiều tắt nắng. Họ ra ngay bãi biển. Nhưng vì sao đầu tiên đã trở về với vũ trụ. Gió biển lộng. Sóng biển ào ạt bất tuyệt. Tiếng gió quẩn vào tiếng sóng lúc xa, lúc gần như tiếng huyền não ở từ cái thế giới bí mật của trùng dương. Nóc những túp lều vải đánh phập phồng như hơi thở nhịp nhàng trên lồng ngực. Thor chui vào lều, kê đầu lên chiếc cặp da, rồi trùm mền kín mít. Thor mơ màng gần lịm trong sự mệt mỏi. Nghiêm đến níu lấy chân Thor gọi giật.

— Thor không đi ngắm bể sao ?

Thor lắc đầu :

— Chị đi đi, em mệt quá. Để sáng đã, vội gì !

BÓNG MẮT TRÊN ĐƯỜNG

Nghiêm kể tai Thơ thì thầm :

— Chán quá ! Anh Xương cứ trao tráo mắt trông chừng mình mãi. Thơ giúp mình đi.

Thơ mỉm cười gật đầu, rồi nhắm mắt lại. Tiếng cười của các bạn nàng quá rõ rệt. Thơ thiếp đi không biết bao lâu. Bỗng có tiếng gọi khẽ :

— Cô Thơ ! Sao cô không đi chơi ?

Thơ vờ không nghe tiếng Xương gọi.

Xương cứ tiếp tục gọi. Thơ cứ giả vờ ngủ, nằm không cựa cựa. Nhưng sự nhớ đến Nghiêm, nàng tức mền ngồi dậy.

— À, anh Xương, sao anh không đi ngắm trăng trên bãi biển. Hình như có lần anh bảo rằng anh yêu trăng lắm.

Xương cười có vẻ cảm động. Có lẽ chàng tưởng Thơ không cảm chàng. Chàng mền Thơ từ ngày hai chàng về sống với Thơ. Thơ thừa hiểu chàng nhưng nàng cố tảng lờ. Nghiêm lợi dụng Xương yêu Thơ, yêu cầu bạn giữ Xương lại nói chuyện để mình có thể tự do theo Phu ra ngồi dưới hàng dương để ngắm biển.

Xương cố pha trò để làm vui lòng Thơ. Ngồi cố ngồi im để nghe những mẩu chuyện nhạt như nước ốc. Thơ rung mình vì gió. Rồi đó, Thơ xin phép ngủ sớm. Vừa nói xong, nàng kéo mền trùm kín người và thoát nạn. Xương vẫn ngồi thừ ra đó, nói lẩm bẩm một mình. Chàng quên phắt đến chuyện giữ Nghiêm. Lặng lẽ, Xương ngồi nhìn Thơ ngủ.

Bây giờ, sự có mặt của Hồ trong

khung cảnh Đà Lạt này làm Thơ yên tâm hơn. Nghiêm có thể mượn cơ đi chơi với Hồ để hò hẹn cùng Phu. Riêng về phần Thơ, nàng sẽ tìm cách lánh mặt Xương và Hồ sẽ kéo nàng ra tình trạng khó xử ấy. Từ mấy tháng nay, Thơ mang máng rằng cuộc giao du giữa Xương và nàng không còn ở trên bình diện bạn bè nữa. Thơ biết Xương đau khổ lắm. Nàng cần phải dứt khoát xua đuổi những mơ ước bắt đầu nhen nhúm trong lòng Xương.

Rồi đó, sự yên tâm đem giấc ngủ thanh thản đến nàng. Thơ tỉnh dậy bởi tiếng đồng hồ reo trên bàn đêm. Trời còn tối, nhưng đèn ở phòng khách vẫn thấp sáng. Hồ ngồi viết thư bên ngọn đèn có cái tán xanh phớt. Vừa thấy Thơ, Hồ bảo :

— Tôi đã nấu nước nóng. Cô hãy pha nước rửa mặt.

Thơ vào buồng gọi Nghiêm đi rửa mặt. Rồi đó gọn ghẽ trong bộ đồ đi chơi núi, hai người bạn gái bước vào phòng ăn. Mâm điểm tâm gồm có cà phê nóng, bánh mì, và các món ăn nguội. Hồ bảo :

— Dầu sao hai cô cũng phải ăn no. Đi leo núi, chúng ta sẽ chóng đói.

Chàng nhìn hai chiếc áo sơ mi dài tay màu đỏ của Nghiêm và Thơ rồi gật gù :

— Trời buổi sáng lúc này thường u ám luôn, mặc áo màu nóng sẽ nổi lắm.

Nghiêm vờ hỏi :

— Chúng tôi có cần đánh phấn hồng không anh ?

Hổ nhún vai :

— Không cần, thời tiết Đà Lạt sẽ nhuộm hồng đôi má hai cô. Cứ tin tôi đi.

* *

Thor không ngờ cuộc yêu đương giữa Nghiênm và Phu chấm dứt sau chuyến đi Dalat. Đối với Phu, Nghiênm là một thiếu nữ có cái duyên rực rỡ trong mùa hè. Mùa hè lại trôi qua, nàng không còn rực rỡ trong tâm hồn Phu nữa. Điều đáng buồn hơn, Nghiênm đã khám phá ra chàng có gia đình dù trong thời kỳ chàng chưa vượt khỏi bậc trung học đệ nhị cấp. Vợ chồng Phu đã có một đứa con gái. Phu khai bút tuổi trong khai sanh để tiếp tục học. Kỳ bãi trường này, Phu muốn phieu lưu vào chuyện tình ái. Chàng tán Nghiênm vào lúc bãi trường, chiếm được trái tim Nghiênm vào đầu cuộc khởi hành du lịch và bỏ rơi Nghiênm trong lúc trở về Vĩnh-Long.

Thế rồi Nghiênm lên Saigon học y-tá. Nghiênm lạc lõng giữa rừng người hoàn toàn xa lạ đối với nàng. Với chiếc áo dài nội hóa, với mái tóc kẹp sau ót và dài tận lưng, Nghiênm lọt vào một người đàn ông khá điển trai. Chàng ta gần bốn mươi tuổi, lão luyện về khoa tán gái. Mỗi ngày chuyển ô-tô buýt Saigon — Cholon đã đưa hai người đi về. Nhìn Nghiênm, Dụng biết ngay nàng là một thiếu nữ lục tỉnh thực thụ. Chưa đầy một tháng, Dụng mở chiến dịch tấn công Nghiênm.

Dụng đã có vợ con hồi chưa di cư vào Nam. Thor chỉ nghe thiên hạ đồn một cách mơ hồ về cuộc sống chung của Dụng và Nghiênm. Nàng nghĩ rằng nàng đã mất

Nghiênm Bây giờ, Thor vụt thấy Nghiênm có giá trị đến cuộc sống tình cảm của nàng. Sự hiện diện của Nghiênm ở cái thế giới nội tâm phức tạp đó, không ngờ bên ngoài nó có vẻ tầm thường, thế mà thiếu nó, Thor cảm thấy mình mất mát một cái gì cần thiết lắm. Bẵng đi hai năm, Thor nhận được một bức thư của Nghiênm. Nàng không bao giờ quên đoạn : *Thor ơi ! không ngờ mình đã lấy nhầm một người đã có nhiều vợ không chính thức. Mình không dám trở về Vĩnh Long. Chuyện chồng con không được đang hoàng làm mình có nhiều mặc cảm. Vẫn nhớ đến Thor, muốn giữ mãi những hình ảnh thôn quê của những ngày chung sống với Thor để mỗi khi buồn chán, mình có thể gọi ra....*

Bây giờ Thor sợ mất luôn Hổ. Nàng muốn buộc Hổ vào sợi dây liên lạc của gia đình nàng. Vắng Nghiênm, ngôi nhà chìm lại không khí buồn thui ngày trước. Thor rủ Tổ Quyên, một người cô họ của nàng về ở chung cho vui. Cứ mỗi độ Tết đến, Hổ về quê thăm nhà. Chàng thường sang thăm nhà Thor luôn. Hổ gặp Tổ Quyên do Thor giới thiệu. Tổ Quyên cô độc, thiếu cả tình thương của cha mẹ. Thor liền nảy ra ý nghĩ kết liền hai tâm hồn mà Thor có nhiều thiện cảm hơn hết. Tổ Quyên có ít nhiều ngổ ngẩn, lơ lửng. Quá cực mịch quê mùa, dù nàng sống nhiều năm ở Saigon. Thor nói rõ ý định mình cho Tổ Quyên nghe. Thoạt đầu Tổ Quyên phản đối lấy lệ. Thor tập Tổ Quyên trang điểm, làm dáng mỗi khi có Hổ sang chơi. Biết Hổ hay cảm động vật nên Thor thêm thắt hoàn cảnh đáng thương của Tổ Quyên. Hổ có vẻ giữ gìn không thân mật như đối với Thor và Nghiênm. Tình yêu (Thor không rõ đó có phải là tình yêu hay không nhưng nàng cũng

BÓNG MẮT TRÊN ĐƯỜNG

dùng tạm danh từ ấy) hình như nẩy nở giữa Tổ Quyên và Hồ.

Tổ Quyên có một quan niệm quái gở. Nàng muốn người nàng yêu phải tinh khiết từ đầu đến chân, từ ngoài da đến gan ruột bên trong. Ngớ ngẩn nhất là cô ta muốn lục lạo cái quá khứ của Hồ, muốn tìm cho được một dấu vết bẩn thỉu trong đời chàng. Hồ cũng vụng về lắm. Chàng quá chú ý đến những chi tiết hơi thô lịch trên mình máy trên mặt mũi của Tổ Quyên.

Năm ấy, trong khi thiên hạ thức để chuẩn bị đón giao thừa, Thor tổ chức cho Hồ và Tổ Quyên một cuộc gặp gỡ đầu tiên. Hồ được Thor mời đến để cùng đón giao thừa với gia đình nàng. Hồ bước vào nhà Thor với bộ đồ keng nhất và hai gói quà Xuân. Thor nháy mắt Tổ Quyên. Nhanh nhẹ, Tổ Quyên pha trà, bóc cam, bày bánh mứt ra mời Hồ. Mọi người rút xuống nhà sau Chỉ còn lại ba người trong phòng khách. Hồ trao cho Thor và Tổ Quyên mỗi người một gói quà. Thor vờ kiểm chuyện đi ra nhà sau. Hồ và Tổ Quyên ngồi tâm sự với nhau dưới ánh đèn « măng sông ». Đợi cho hai người ngơ mình rút lui phải lúc, Thor bỏ guốc đi nhẹ nhẹ về phía góc nhà, núp sau kệ tủ để nghe lóm câu chuyện của Hồ và Tổ Quyên.

— Em mập quá. Ăn ngủ nhiều nên bụng bự ghê !

— Anh kỳ quá. Mắt anh chỉ nhìn có bấy nhiêu đó sao ?

— Sao em không cắt móng tay hẳn đi...

— Em quên anh à. Ở này, em nghe Thor nói hồi xưa anh mẹ con...

Không còn nhìn được cơn tức cười sôi sục trong cổ họng, Thor vội vàng rút lui khỏi chỗ ẩn trú, chạy một mạch vào buồng, úp mặt xuống gối cười sặc sụa.

Pháo giao thừa bên hàng xóm bắt đầu nổ. Hồ đứng dậy cáo biệt. Tổ Quyên vào phòng kể lại chuyện xảy ra cho Thor nghe rồi hai người cười khúc khích. Cô ta không lộ vẻ gì hờn giận về những lời Hồ hỏi cô.

Ba ngày Tết trôi qua. Hồ thường sang nhà Thor để ngắm Tổ Quyên lay quay làm bếp. Chẳng độ mười phút, Tổ Quyên lại thay một sắc áo. Thor cố nhìn cười. Nàng có cảm tưởng người cô họ của nàng như một cô đào hát Quảng. Cả nhà Thor cố gắng không chú ý đến chuyện chưng diện quái gở của Quyên. Hồ nói cười luôn. Hình như chàng đã tìm một luồng gió mới trong cuộc đời tình cảm của chàng.

Qua ngày mừng ba, cả nhà Thor đi chơi Hà-Tiên, chỉ trừ Tổ Quyên. Có lẽ Tổ Quyên thích ở lại hơn. Khi Thor trở lại, cô ta cho hay là giữa Hồ và cô ta không còn sự liên lạc gì đáng kể nữa. Thor gạn hỏi Quyên mãi, nhưng cô ta chỉ rung rung nước mắt. Thor bèn đi tìm Hồ và được chàng cho biết là Tổ Quyên trả quà mà chàng tặng vào đêm giao thừa:

— Tôi đã xé tạc cái khăn xanh, còn chai nước hoa và cục xà bông thơm tôi đã liệng xuống sông rồi.

Hồ lại buồn buồn :

— Cô Thor, chắc Thor không trách tôi chứ. Tôi không có ý đùa cợt.

Từ đó, Thor hơi ngượng khi gặp mặt với Hồ. Tình bạn trong trẻo giữa hai

người sau chuyện đó như phảng phất một vết mây mờ. Tổ Quyên trở về Sài-Gòn rồi xin vào khóa bán quân sự đầu tiên. Hồ trở về Đà-Lạt.

Chỉ còn lại Thơ trong căn nhà cổ kính đó. Lúc đầu Thơ cảm thấy các việc xảy ra chung quanh Nghiêm và Hồ như những lớp tường nửa bị nửa hài. Nàng chỉ là một khán giả hơi hợt đa cảm.

Nỗi cô đơn đè nặng Thơ. Nàng viết một tập gồm mười lăm truyện ngắn để giết thời giờ sau buổi ăn chiều. Vào mùa tạnh ráo, đêm xanh mênh mông. Những vật sương cuộn cuộn bay là đà trên sóng như những bóng khói huyền ảo. Qua cửa sổ, Thơ có thể ngắm những ngôi sao rắc trên nền trời xanh thẫm như những mảnh vụn pha lê văng tung tóe. Thỉnh thoảng, Thơ lắng tai nghe. Tiếng sông cứ thao thức thâu đêm,

Nàng tưởng chừng căn nhà này sẽ giữ chặt lấy nàng. Và nàng sẽ là một kẻ không quá khứ, không tương lai giữa lúc vắng vẻ này.

Hồ gửi tặng Thơ một tập dán đầy hoa ép khô. Những bông hoa dính vào trang giấy vẫn còn giữ lại đôi chút màu tươi. Sau đó chàng gửi Thơ những xác bướm rực rỡ và dạn nàng dán lên mặt nhung đen rồi lồng khung. Thơ treo khung bướm đó trong phòng đọc sách của nàng. Muốn văn phòng vui mắt hơn, nàng treo đầy tranh hoạt họa và cắm rất nhiều hoa. Đêm đêm, Thơ mở cửa sổ đón gió mát. Gặp lúc điện bị cúp, Thơ Thơ đốt nến viết nốt những mẩu chuyện bỏ dở.

Thơ thường nhận được thư của Nghiêm đều đặn. Qua những bức thư ấy, nàng

biết Nghiêm được Dụng biến thành một thiếu phụ chung điện theo lối mới. Sau hai lần sanh nở Nghiêm đẹp hơn hồi con gái nhiều.

Nghiêm lần quần kể chuyện chồng con, nhắc lại quá khứ và gửi gắm Trang cho nàng. Trang học gạo cho kỳ thi trung học. Cô này ưa sống riêng biệt. Giữa Thơ và Trang có một sự cách biệt mệnh mông dầu cả hai cùng sống chung dưới một mái nhà. Thỉnh thoảng thấy Trang rồi việc, Thơ lân la gọi chuyện, nhưng Trang vốn khó khăn ít nói, nên câu chuyện hết sức tẻ nhạt.

★

Lạc Ninh ngày. . . .

Chị Nghiêm thân mến

Rất tiếc Tết này em không về được. Em sẽ đi xa, nhưng em sẽ nghĩ nhiều về chị.

Ở bức thư này, em có thể tâm sự với chị. Mỗi khi em tâm sự với ai, em ồ cảm tưởng là em nói với người ấy lần chót. Chắc chị không tin. Em sợ dĩ vãng chị ạ, dù dĩ vãng đó đẹp đến đâu. Em không thể dùng những hình ảnh thời qua để tạo thành một cái vỏ dày mà em có thể ẩn núp trong đó trước cuộc đời sôi nổi hiện tại. Đời em bây giờ rỗng lắm. Quá khứ em đêm không lấp cho đầy được. Em lại mệt mỏi nữa. Mỗi khi gọi tới chuyện xưa, em cảm thấy mất mát một cái gì quý báu lắm. Mọi việc ở dĩ vãng bao giờ chẳng đẹp mặc dù thuở đó mình xem nó tầm thường biết bao.

Suốt đời em, em từng hoảng hốt muốn níu lại cái gì em cảm thấy sắp mất. Em cũng từng chán những cái mà em bắt được. Hồi ở Vĩnh Long, em nghĩ rằng cái tình lý già

BÓNG MÁT TRÊN ĐƯỜNG

nua ấy giam giữ em suốt đời. Thế giới chật hẹp ấy sẽ biến em thành một cô gái sầu muộn, cần cỗi. Và rồi em ra đi, muốn tìm một không khí mới để rồi nhớ tiếc cô hương. Trọn đời, em đuổi bắt mọi sự để rồi nhàm chán hoặc từ bỏ cái gì để rồi tiếc rẻ cái đó.

Chị, em mệt quá, không muốn gì hơn. Em muốn sống cho trọn cái hiện tại. Bức thư của chị làm em bồi hồi không ít. Em lại nghĩ: nếu tết này anh Hồ và chị về chơi, chúng ta không thể làm sống lại hoàn toàn ngày xưa được.

Em đã mơ ước một cuộc đi xa, muốn lặn vào một cuộc sống lam lũ để tìm một sự quân bình cho tâm hồn. Em sợ kỷ niệm. Em không muốn giết thì giờ bằng kỷ niệm.

Em có được thư của anh chị Hồ và ảnh của cháu bé. Hồ có tâm hồn bình dị, ít đào sâu vấn đề. Anh ấy sẽ hạnh phúc mãi mãi. Em nghĩ mà thương chị. Cuộc sống bên trong của chúng ta không thể giống nhau. Chị có nhiều chuyện không vui trong gia đình. Chị có thể giữ lại hình ảnh ngày xưa. Mỗi khi buồn, chị có thể gọi ra để quên cái hiện tại cân thăng. Riêng em, đời em chỉ là suốt một quãng đường trống mà kỷ niệm không thể là một bóng mát được.

Có nhiều đêm em bị quá khứ quấy rộn em. Phải uống thuốc an thần em mới tìm được một giấc ngủ suông sẻ. Em phải nói một điều này cho chị rõ: Tết năm ngoái anh Hồ có dẫn vợ về nhà em. Hoàn cảnh đã đổi anh ấy thành một anh Hồ mới: nghiêm trang và dè dặt khác khi xưa. Em nghĩ rằng nếu em gặp chị, em cũng sẽ gặp một chị Nghiêm khác, Chị Nghiêm này mất hết cái hồn nhiên cũ, sầu muộn uơ thơ thẩn nói: « Ngày xưa, chúng mình... » Trời! em sợ lắm, chị Nghiêm ạ.

Trong đời em, em có hai hình ảnh thân mến. Hình ảnh của anh Hồ và hình ảnh của chị. Nhưng hai cái đó phải lồng vào khung cảnh gì, nếu sai đôi chút chi tiết, em cũng xem như chúng thành xa lạ rồi.

Lắm quá, chúng ta không gặp nhau. Em sắp đi xa. Chị hãy cho em giữ cái hình ảnh cũ của chị. Em đã mất cái hình ảnh thân mật của anh Hồ kể từ Tết năm ngoái. Em chỉ còn cái hình ảnh thời con gái của chị.

Em,

Thơ

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Thu 63

Mời các bạn xem

Thuốc TRƯỜNG SANH

Tiểu thuyết của HỒ-HỮU-TƯỜNG viết trong ngục thất Côn-Đảo

● Một quyển tiểu thuyết rất lạ lùng, mà ba năm về trước mới vừa đăng trên một tờ nhật báo thì bị chánh quyền Diệm - Nhu cấm tức khắc.

Vừa khởi đăng trên nhật báo « Người Việt Tự Do » do MẶC-THU chủ trương.

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phung

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thế thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

- Mua dài hạn Bách-Khoa
- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

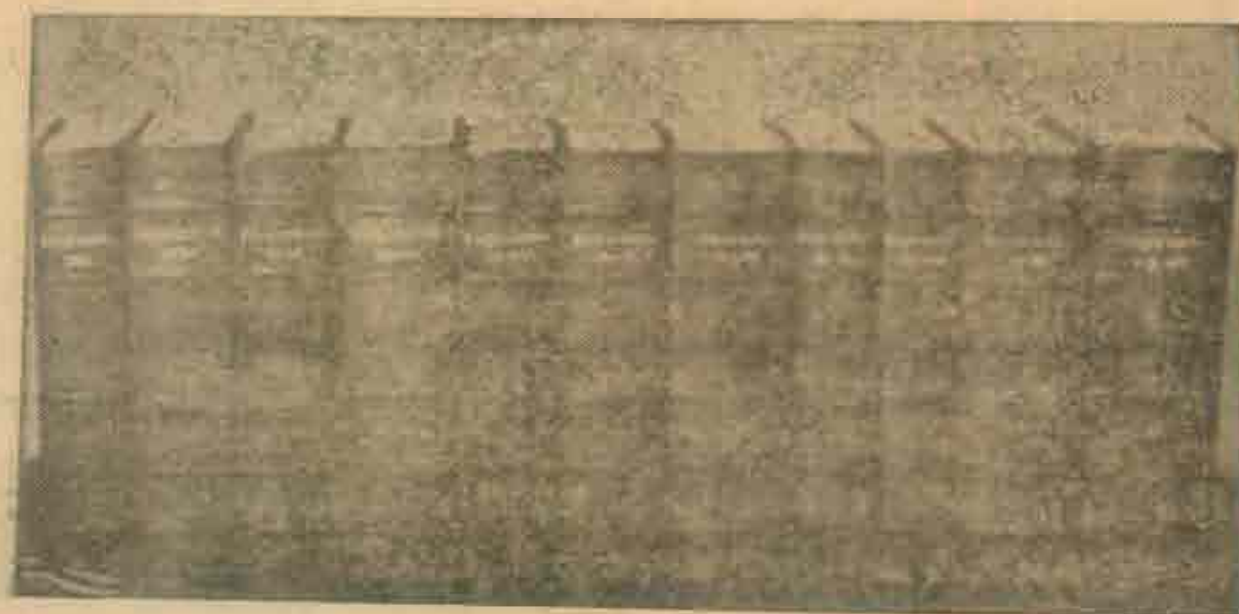
● Mua dài hạn Bách-Khoa đề gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

QUÀ TRANG NHÀ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA
ĐÔNG TẬP

6 NĂM : 16 TẬP
(144 SỐ)

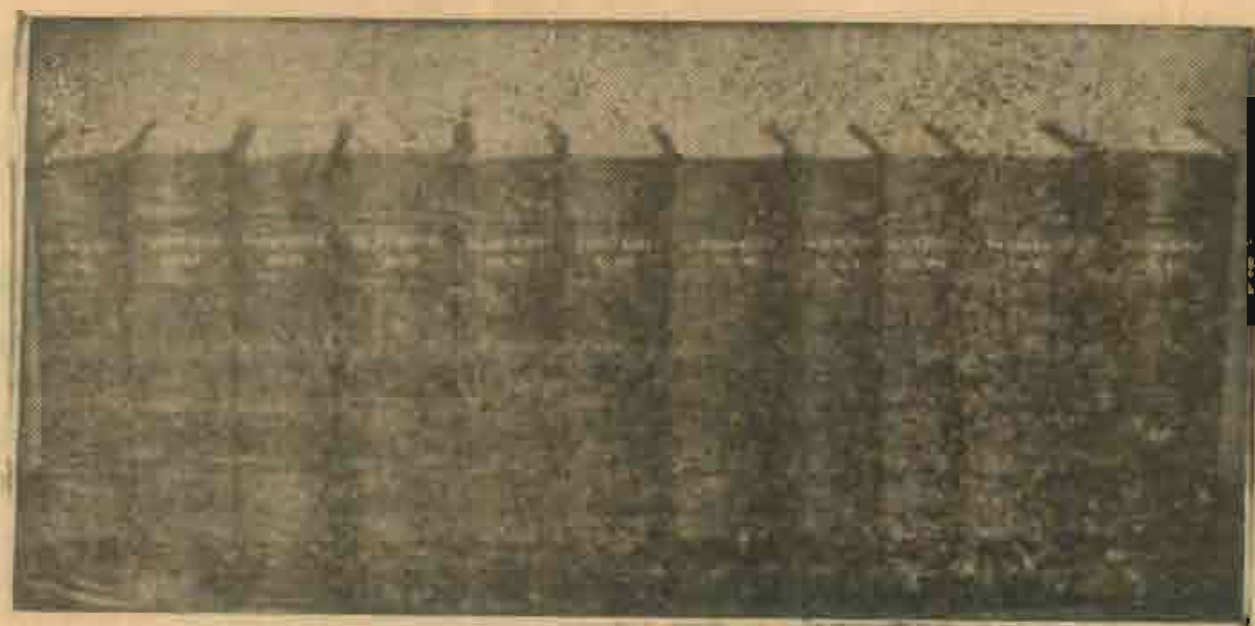
8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

8 TẬP (1961 — 62) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU Ề MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1500 BÀI ĐIỀN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHÒNG VĂN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN
BÁCH-KHOA 160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON

Bách-Khoa *phòng văn giới nhạc sĩ*

XVI

★ THANH-SƠN

Tên thật Lê-Văn-Thiện.

Sanh ngày 1-5-1938 tại tỉnh lỵ Sóc-Trăng (bây giờ thuộc tỉnh Ba-Xuyên, Nam-Việt).

Cộng tác với các ban văn nghệ : Thông tin Đó thành, Bảo an, Dân về ... và các ban văn nghệ ở đài phát thanh : ban Nguyễn-Hiền — Lê-Dinh, ban Hoàng Lang và ban Nguyễn-Hữu-Thiết (Sài-gòn) ở đài Sài-gòn và ban Phong-Lan ở đài Quân đội.

Đã xuất bản :

Đôi mươi (1959 chung với Song-Ngọc). Người ấy là ai (1960), Chiều nhớ nhung, Một mối sầu, Người nữ thế sao ? Tình học sinh, Lá thư học sinh (1961) Mùa hoa anh đào, Tìm hoa bốn mùa (1962) Lưu bút ngày xanh (1963) v. v ...



• Chúng tôi có cái mong chung này, xét chẳng có gì là quá đáng, mà sao tôi thấy nó khó thực hiện. Đó là sự đoàn kết giữa anh em trong giới. Làm sao có một đoàn thể để giúp đỡ nhau trong kiếp sống cũng như trong nghệ thuật. Sự đoàn kết rất cần thiết ấy, không biết bao giờ mới thấy ! Cho nên sự chia rẽ trong giới càng ngày càng trầm trọng : người ta chia rẽ từng bè, từng phái, từng nhóm, đóng cửa chơi riêng, mà nói xấu nhau, dèm pha nhau, làm cho lớp trẻ không được nâng đỡ như lòng mong muốn, do đó mất phần khởi một phần lớn trên đường tiến thủ ...

Cuộc phỏng vấn gần kết thúc, có bạn nhắc tôi đừng quên hỏi vài nhạc sĩ trong vòng hai mươi tuổi mà đã có ít nhiều tiếng tăm : kinh nghiệm các bậc đàn anh đáng quý, thì mong muốn hoặc đòi hỏi của lớp đàn em hăng hái cũng đáng trọng. Tôi bèn tìm các bạn nhạc sĩ tuổi ba mươi để hỏi dò, cho chắc ý. Và hai nhạc sĩ trẻ này được ân cần giới thiệu :

Thanh-Sơn và Song-Ngọc.

Tôi tìm thăm Thanh-Sơn trước . . .

Chúng tôi vừa bắt đầu câu chuyện, thì hai nhạc sĩ trẻ đến nhờ anh kẻ gấp mấy bản nhạc để đưa đi kiểm duyệt. Anh xin lỗi tôi để tiếp khách mới, rồi sau đó, anh mỉm cười, phân trần :

— Lúc một thân một mình, thì sao cũng được, nhưng nay một vợ hai con, thì phải thêm nghề phụ này mới đủ sống,

— Thế « khách hàng » có nhiều không ?

Nụ cười nhỏ nhẹ lại nở trên gương mặt hiền lành của anh :

— Cũng khá. Nhờ anh em trong giới thương tình, lại cũng nhờ tôi có chút hoa tay và cũng rảnh . . . về nhạc, nên công việc có làm hoài.

Thấy tôi nhìn quanh gian phòng hẹp, anh đoán được ý tôi :

— Tôi chỉ trình bày bản nhạc, kẻ các dòng, các nốt đơn, đánh máy lời ca trên giấy sếp, còn việc quay ra nhiều bản, thì tôi nhờ một tiệm in rô-nê-ô quen. Như thế tiện lợi hơn là sắm một cái máy để ở nhà.

Tôi nhìn lên vách, thấy bảng ca sĩ hạng nhất của anh trong một cuộc tuyển

lựa tài tử năm 1960. Anh nhìn theo tôi, rồi vui vẻ nói :

— Cái bảng ấy mở đường cho tôi vào ngành đồn ca . . . chuyên nghiệp đó anh.

— Thế anh học đồn học ca trước « ngày lịch sử » ấy lâu không ?

— Tôi được trúng tuyển năm hai mươi hai tuổi, nhưng tôi học nhạc từ năm mười hai tuổi. Tôi học ba năm với một người bà con xa ; anh này đã tận tình dạy tôi lúc tôi còn ở quê nhà. Sau này tôi lên Sài-Gòn sống, học hỏi thêm, rồi mãi đến năm 1956, tức là năm tôi được mười tám tuổi, tôi mới sáng tác. Nhưng ba năm sau — năm 1959 — tôi mới có sáng tác đầu tiên in ra.

— Anh còn nhớ đó là bản gì không ?

— Làm sao quên được đứa con tinh-thần đầu lòng của mình, anh. Hướng hồ tên nó gồm có hai chữ : *Đôi mươi*.

— Năm hai mươi một tuổi, cho ra đời tác phẩm *Đôi mươi* ! Thật là không hèn mà nên ! Nội dung, chắc là . . .

— Chẳng có gì đáng kể lắm. Tuổi thơ mộng hai mươi, trai hay gái gì cũng chung một bệnh : tưởng đâu những cái phù du ấy sẽ trở thành những cái vĩnh-viễn. Lãng mạn đầu mùa ! thành có đôi cái hay hay . . . Tên các bài hát đầu tay, tưởng đã nói với anh nhiều về cái hướng sáng tác của tôi. *Đôi mươi, Người ấy là ai, Chiều nhớ nhung, Một mối sầu, Người nữ thế sao ?*

— Và chính những bản nhạc nói về những tình cảm chân thật của lớp tuổi hai mươi, mà anh được bạn trẻ hoan-nginh.

— Nhưng tiếc thay, tôi đã gặp không

ít trở ngại trong việc phổ biến các tác phẩm anh vừa kể. Do « bà » Kiểm duyệt gây nên. Mình, muốn thành thật với chính mình, thành nghĩ sao cứ viết nấy, thấy sao nói vậy, nhưng vì quá chân thành, nên hóa ra ước át, điều này làm các nhân viên kiểm duyệt không mấy hài lòng. Phải bỏ chữ này, phải đổi lời ca kia. Người ta sợ lời ca mình sẽ làm mềm lòng người chiến sĩ, nên bắt khoan bắt nhặt đủ điều, ý tình mình muốn diễn bồng trở nên khác. Thà là quảng bút đập đờn đi còn hơn. Đó là ý nghĩ chẳng phải riêng gì của tôi, mà còn có thể nói là của hầu hết anh em trong giới. Nhưng rồi vì cái nghiệp phải theo cho đến cùng, hoặc vì cuộc sống bắt buộc, mà đành ép nghệ thuật chui vô vài cái khuôn chật chội mình chẳng mấy ưa.

Người nghệ sĩ mới hai mươi lăm tuổi này, tướng mạo hiền lành, đáng điệu ôn hòa và sống đời ngăn nắp ấy, bỗng trở nên nồng say một cách chẳng ai ngờ. Dường như nổi bất bình chống chọi từ lâu nay được người châm ngòi mà bùng nổ. Tôi bèn nửa đùa nửa thật hỏi người đối diện :

— Anh nói « hầu hết anh em trong giới » đều bức bối vì mất tự do sáng tác đến nỗi muốn giải nghệ. Phần anh, có phải vì đã tìm được một con đường nào khác dễ chịu hơn, mà anh vẫn còn « giao du thân mật » với nàng Âm nhạc ?

— Cám ơn anh đã hỏi câu chí tình ấy. Con đường tôi chọn ấy là con đường « học trò » vậy. Anh để ý thì thấy ba năm về sau này, tôi có « thai nghén » và « cho ra đời » mấy đứa con mang tên là : « Tình

học sinh, Lá thư học sinh, Lưu bút ngày xanh. » Khai thác cái thế giới trong trẻo, hồn nhiên này, mình tương đối được tự do hơn, khỏi có những cái cổ ép, gượng gượng hoặc giả tạo ít nhiều.

— Nhưng mà anh có thấy thích thú trong con đường rẽ này không ?

Gương mặt anh sáng lên :

— Đời học sinh, ai mà chẳng luyện tiếc, anh. Nhất là khi mình ra đời, gặp lắm cảnh chẳng vui gì. Sống lại cái thiếu thốn ăn chưa no lo chưa tới ấy, tôi vui sướng như người bộ hành đi dưới nắng trưa, ghé lại quán bên đường uống miếng nước ngon, hưởng cơn gió mát.

— Đó là thời chế độ cũ, cái gì cũng bế tắc, chẳng riêng về ngành Tân nhạc. Nhưng nay, thời mới, chắc anh cũng bớt thấy những điều trái tai gai mắt, bớt gặp trở ngại, mà hăng hái sáng tác chứ ?

Anh nhìn lên tấm lịch treo :

— Mới được năm ngày (1), thì tôi chỉ biết nói với anh rằng tôi thấy lòng phấn khởi như trút được một gánh nặng. Chớ tôi chưa được biết mình còn có phải đụng đầu với những chướng ngại vật cũ chẳng, những chướng ngại vật mà các anh Minh-Kỳ, Lê-Dinh hẳn đã trình bày cặn kẽ với anh rồi (2). Hi vọng thì hi vọng, nhưng đợi chờ thì cứ phải đợi chờ, có phải thế không anh ?

Tôi không biết đáp sao, đành cười trừ vậy.

(1) Chúng tôi nói chuyện với nhau ngày 6-11-1963

(2) Xin xem B. K, các 15 4 và 166.

— Này giờ, chúng ta chỉ nói « chuyện xưa tích cũ », bây giờ, xin hỏi nguyện vọng hoặc đòi hỏi của anh, từ ngày tiếng súng Cách mạng đem xuống một chế độ không lợi gì cho Dân, cho Nghệ thuật.

Anh chăm rãi trả lời :

— Đòi hỏi, thì tôi không có. Lúc này, là thời của Quân sự, của Chính trị. Cho nên con người Văn nghệ trong tôi chỉ có ước mong thôi. Một ước mong cho cá nhân tôi là cuộc sống sẽ để cho tôi dư ít thời giờ và sẽ... cho tôi đủ phương tiện để theo học cổ nhạc ở trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

— Hân là anh nhận thấy « vô Cổ bất thành... Tân ? »

Anh cười.

— Không biết Cổ nhạc, thì người phụng sự Tân nhạc cũng... thành nhạc sĩ tiếng tăm. Nhưng có biết nhạc cổ truyền, thì cảm hứng sẽ phong phú hơn và tác phẩm sẽ dễ được đồng bào thưởng thức hơn.

— Tôi thấy cái ước cho cá nhân anh, nếu chỉ có thế, cũng chẳng phải là cái ước lên cung Trăng của người thế kỉ trước. Vậy còn anh có cái mong gì chung cho giới Tân nhạc chăng ?

Anh thở dài :

— Cái mong chung này, xét chẳng có gì là quá đáng, mà sao tôi thấy nó quá khó thực hiện. Đó là sự đoàn kết giữa anh em trong giới. Làm sao có một đoàn thể để giúp đỡ nhau trong kiếp sống cũng như trong nghệ thuật. Trước đây, các anh Phạm-Duy, Nguyễn-Hiến, Lê-Mộng

Bảo hô hào và vận động lập hội « Liên hiệp Nghệ-sĩ », tôi đặt tất cả hi vọng vào, nhưng rồi việc không thành ; sự đoàn kết rất cần thiết ấy, không biết bao giờ mới thấy ! Cho nên sự chia rẽ trong giới càng ngày càng trầm trọng : người ta chia ra từng bè, từng phái, từng nhóm, đống cửa chơi riêng, và nói xấu nhau, dèm pha nhau. Bởi vậy lớp trẻ không được nâng đỡ như lòng họ mong muốn và do đó mất phần khởi một phần lớn trên đường, tiến thủ ; đó là chẳng kể một số nửa đường bỏ cuộc vì thấy những đàn anh có chỗ ngồi vững chắc trong giới muốn chặn đứng bước tiến của đàn em có ít nhiều triển vọng. Gặp được đôi người đi trước sẵn sàng tìm hiểu, chỉ vẽ và đỡ nâng như các anh Minh - Kỳ, Lê-Dinh là điều có thể nói là hiếm có.

Tôi hỏi anh nghĩ thế nào về các nhạc phẩm thời tiền chiến. Anh trả lời ngay, không nghĩ ngợi :

— Nhạc phẩm sau này, ra đời nhiều thật là nhiều, nhưng « sống ở đời », tôi chắc là chẳng còn lại được bao nhiêu. Một bản nhạc được « nhiệt liệt hoan nghinh », sáu tháng sau, bị chìm vào bóng tối. Còn nhạc phẩm tiền chiến, không có bao nhiêu, mà đến nay vẫn còn nhiều người thích. Thích vì kỉ niệm một thời, mà cũng thích vì chân giá trị của nó.

« Những bản như *Hồn từ sĩ* của Lưu-Hữu-Phước, *Hồn vọng phu* của Lê Thương, *Giọt mưa thu* của Đặng-Thế-Phong, *Đàn chim Việt* của Văn - Cao, *Chùa Hương* của Hoàng-Quý..., thỉnh thoảng nghe lại, tôi vẫn thích như lần đầu, và càng nghe càng thấy thấm thía. Phải chăng các bậc

đàn anh ấy đã sáng tác với tất cả tâm hồn mình, và sáng tác vì cần cho dân tộc, cần cho ý, tình mình, chứ chẳng phải vì chút hư danh hay vì miếng cơm manh áo ॥

Anh thôi nói, nhìn ra con đường đất chạy trước nhà. Thấy tôi nhìn theo, anh nói :

— Trước, đó là một cái lạch, phải đi xuống. Bà con trong xóm đắp lạch, ngày một ít, nay thành đường cao ráo, vết ba, mô bi lết đi ro ro, thẳng biết bao giờ anh em trong giới Tân nhạc chúng tôi đồng lòng góp sức để lấp những hố, hẻm chia rẽ, nghi kỵ... nhau ?

NGUYỄN-NGU-Í thuật



* SONG - NGỌC

Tên thật : Nguyễn-Ngọc-Thương.

Sinh năm 1943 tại làng Mĩ - Phước, tỉnh Long-Xuyên (nay thuộc tỉnh An-Giang, Nam-Việt).

Chuyên về Tân-nhạc.

Từng cộng tác với vài giàn nhạc ở các phòng trà và các Đại hội Tân nhạc Đô thành (1961). Đã xuất bản trên hai mươi bản nhạc : Ai đừng chân đây (1956) Mưa chiều (1958), Đôi mươi (chung với Thanh-Sơn) Cánh hoa chiều (1959), Bừng sáng, Mỗi độ xuân tàn, Không ngờ, Biết nói gì đây, Đừng yêu anh nữa

em ơi ! (1960) ; Hai tâm hồn, Áo trắng cài hoa, Đêm này em ra đi, Bóng người xưa, Tâm sự chiều mưa, Mùa hoa tạm biệt (1961), Chiều thương đô thị, Tiễn đưa (thơ phổ nhạc), Có buồn không em, (thơ phổ nhạc) (1962), Chuyện buồn năm cũ, Gửi người chưa quen, Tôi hứa với lòng, Bừng sống (1963)...

* *Tôi ước mong sao nghệ thuật sẽ không bị lợi dụng và lạm dụng. Và người nghệ sĩ sẽ được thành thật với chính mình, nói thẳng tiếng nói của lòng mình, đừng lâm vào cảnh : bụng mong ước Tráng và miệng thì không ngớt ngợi ca Đen !*

Chúng biết có phải cái uy thế của người quân nhân cách mạng nói chung sau ngày 1 tháng 11 không mà khiến lần đầu tiên gặp người nghệ sĩ mang lon thiếu úy này tại tòa soạn, tôi thấy anh già dặn, oai nghiêm đối với cái tuổi hai mươi hơn hơ của anh. Nhưng cách đó mấy hôm, cùng anh trò chuyện trong quán giải khát Lam-Sơn ở vùng ngoại ô Phú-Nhuận, tôi lại thấy anh dễ dãi, ngây thơ trông bộ đồ thường. Và anh đã hồn nhiên cười mở.

— Lúc nhỏ, tôi ham đủ thứ, anh à. Vẽ này, làm thơ này, đồn ca này. Nhưng rồi âm nhạc lấn mạnh hội họa và thi ca. Tôi học với bạn, với thầy, rồi với sách. Tôi say sưa sáng tác, và năm 1956, khi một anh trưởng ban Tân nhạc ở đài phát thanh hứa tuần tới sẽ cho trình bày một trong mấy bản nhạc tôi gửi anh xem từ lâu, là tôi sướng như lên Tiềm ! Tôi về nhà, khoe âm cả lên, và đúng ngày, đúng giờ, tôi kéo chị tôi lại cạnh ra-dô, để chia xẻ cùng tôi cái vui lần thứ nhất được nghe nhạc phẩm mình trình bày trên làn sóng điện. Nhưng rồi giờ dành cho phần Tân nhạc ấy qua, mà tác phẩm của tôi chẳng thấy ; chị tôi chế tôi làm tôi khóc cả giờ. Vừa tức vừa tên, tôi không buồn chạy tìm anh trưởng ban nọ để hỏi, hay để trách móc, phản nản. Qua tuần sau, vào giờ ấy, tôi lên vặn ra-dô nhỏ nhỏ để nghe. Thì như để bù lại, ban nhạc ấy trình bày một lần hai bản của tôi. Chẳng nói anh cũng rõ hôm đó tôi « lên mặt » với chị tôi như thế nào !

Và tôi đọc được ở trong mắt sáng của anh niềm hân hoan của bảy năm về trước.

— Anh hỏi tôi sáng tác ra sao ? Theo

tùy hứng, anh à. Tôi giờ, tôi may mắn không sống bằng nhạc phẩm, nhờ thế mà mình khỏi vướng cái bực mà một số anh em cùng nghiệp với tôi mắc phải : làm những bản nhạc theo đường lối này, theo chiều hướng nọ, những đường lối, những chiều hướng mà mình không tán thành, mới chết !

« Tôi, thì có hứng tôi mới sáng tác. Nhưng gì tôi cảm thật, nghĩ thật, thấy thật, tôi mới phổ vào điệu nhạc, lời ca. Có khi tôi sáng tác một dây không ngừng ; có khi tôi không viết được dòng nhạc nào trong mấy tháng.

« Có lẽ vì cái « chất thật » ấy mà lớp người cùng lứa với tôi đã đón tiếp các bài hát của tôi một cách khá nồng nàn ».

Anh nói, và ánh mắt, nét mặt, cử chỉ phụ lực cho lời, khiến người nghe có cảm giác đứng trước một dòng thác mạnh. Tôi đặt li nước chanh tươi xuống bàn, hỏi anh, có phần đột ngột :

— Bóng dáng giai nhân hẳn đã nhiều lần là động cơ thúc đẩy anh sáng tác ?

Anh nhìn tôi, không giấu được ngạc nhiên :

— Đúng vậy. Nhưng sao anh biết ?

— Tôi biết vì anh nói . . .

— Tôi nói, hồi nào đâu ? Mình mới chuyện trò đây mà, và chưa tới mục đàn bà !

— Anh nói, đâu phải bằng miệng, mà bằng cả con người. Con người anh tràn trề sức sống, gương mặt hào hoa... thì tránh sao khỏi người khác phải làm rộn làm phiền và gọi hứng cho anh !

Gương mặt thư sinh của anh đồ dẫn :

— Chẳng giấu gì anh, tôi đã gặp khá nhiều ngang trái ở mỗi tình đầu. Và nguồn nhạc trong tôi được khơi mạnh do mỗi tình dang dở này. Rồi vài bóng dáng yêu kiều sau đó đi ngang qua đời tôi và để lại trong lòng tôi những dấu vết khó phai. Chắc anh không nỡ trách tôi sao thường tìm nguồn cảm hứng ở Yêu đương. Vì anh đã rõ, tôi chủ trương mình phải thật với mình, mà tôi đang độ trẻ trung, điều làm tôi bận tâm nhất là tình yêu. Thực ra trong tôi cũng còn có những thứ tình khác : ghét bắt công, hận kẻ thù, mơ một xã hội đại đồng... nhưng tôi hiện còn non dại, những thứ tình ấy chưa đậm, chưa sâu, tôi có nói đến thì cũng hơi hợt, làm sao cảm được người !

« Có lần, một bản nhạc tôi bị cấm. Người ta bảo tôi sửa lời một vài chỗ, thì người ta cho phổ biến lại. Tôi đã đáp lại rằng nếu sửa lại như thế, thì đó chẳng phải là những cảm nghĩ của tôi trong lúc đó. Vậy thì phổ biến những điều vốn không phải là của tôi, thì tốt hơn là để nó nằm yên.

« À, nói đến chuyện phổ biến bài hát, tôi nhớ đến sự khe khắt của những người trong ban kiểm duyệt nhạc. Tôi từng có một bản đề tài là sự chia li giữa các bạn học cùng trường, khi niên học hết. Bản này bị cấm, người ta cho nó ỷ mị, làm mất lòng hăng hái của tuổi trẻ... Anh nghĩ coi luận điệu đó có vững không. Học trò chia tay, thì cấm người ta quyến luyến, buồn rầu ! Thật là gắt gao « hết chỗ nói », mà cũng vô lí « hết chỗ chê ». Bảo sao nền

Tân-nhạc lúc sau này chẳng làm thất vọng những ai kì vọng nơi nó.

— Nhưng mà thời thế đã đổi thay ...

— Thì tôi cũng như các bạn cùng giới mong mỗi sẽ có sự thay đổi trong việc kiểm duyệt nhạc. Ít nhất là nhà cầm quyền cũng đối xử với Nhạc ngang với Thơ. Có lắm tập thơ kể lẽ rất « chuyện chúng mình », có những bài thơ nhớ nhung da diết, kể lẽ nào nùng, làm người đọc rớt nước mắt được, thế mà vẫn được phép xuất bản, được phép phổ biến trên báo, trên làn sóng điện.



Nhạc-sĩ Song-Ngọc
giữa gian trống

« Trong giới nhà binh chúng tôi, kỉ luật gắt là như thế, mà sau ngày 1 tháng 11, cũng đã cởi mở nhiều, không khí dễ thở hơn trước, thì chắc rằng, sớm muộn thế thức kiểm duyệt nhạc sẽ « dễ chịu » hơn, để người trong giới chúng tôi

có thể phụng sự nghệ thuật một cách . . .
ư . . . một cách chân thành và vui vẻ ».

— Anh lấy đề tài ở Tình Yêu nhiều, vậy chẳng hay anh ưng ý sáng tác nào nhất.

— Sáng tác tôi ưng ý nhất, chưa được chào đời. Đó là một tập nhạc tên là « *Lối vào hoa mộng* », gồm có bảy bản tình ca.

Anh bỗng nhìn tôi cười tủm tỉm :

— Anh có muốn xuất bản không ? Tôi chẳng lấy tác quyền đâu. Nói thật với anh đây. Vì lấy tiền bản quyền, là mất tánh cách tinh khiết của công trình này. Tôi chỉ mong nó được chào đời. Được vậy là tôi mãn nguyện lắm rồi, không đòi hỏi gì nữa cả. Cho nhẹ bớt tâm tư. Anh cảm thông với tôi rồi chứ ?

Tôi gật đầu, rồi nói :

— Tiếc rằng tôi không thể nhận lời anh. Nhưng tôi tin rằng nếu các nhà xuất bản nhạc mà hay đề nghị của anh, thì họ sẽ tìm anh ngay !

« Mà này, anh cho biết anh nghĩ sao về một số bạn nhạc sĩ mới vào nghề lớn tiếng trách lớp đàn anh ích kỉ chặn đường lấp ngõ ? »

Đôi mày thanh tú của anh nhíu lại.

— Các bạn ấy có lí một phần nào, một phần ít thật là ít. Nhưng trước khi buộc tội người, thử hỏi các bạn ấy đã bình tĩnh xét tác phẩm của mình một cách kĩ càng chưa. Người ta không chịu xuất bản nhạc mình, người ta không chịu hát bài ca mình . . . , mà mình đã học hỏi tới nơi tới chốn chưa, có sáng tác chân thành không, nghĩa là tác phẩm mình quả là có giá trị thật chưa ? Người thì ai lại chẳng

chủ quan — nhất là khi mình còn trẻ — thì dễ bề thiên lệch khi đánh giá trị công trình sáng tác của mình lắm.

« Tôi từng qua cái « ải » này, nên mới nói thế. Có những bản nhạc tôi cho là có một giá trị đặc biệt, mà rồi một năm sau, xem lại, thấy vụng về, non nớt, và mình lại mắc cở cho mình không hiểu sao mình lại « suy tôn » một quái thai như thế. Cho nên tôi nghĩ các bạn trẻ mới bước chân vào nghề đừng vội bi quan hoặc chua chát khi thấy những đứa con tinh thần của mình bị người ta xem thường. Chỉ sợ tác phẩm của mình là những đứa con non ngày non tháng, chứ nếu quả chúng có giá trị thật sự, thì dầu ai có rào trước đón sau, không sớm thì chầy, nó cũng « xé rào » mà trình diện với đồng bào. »

Anh ngừng nói, mân mê tách cà phê chưa vơi một hớp.

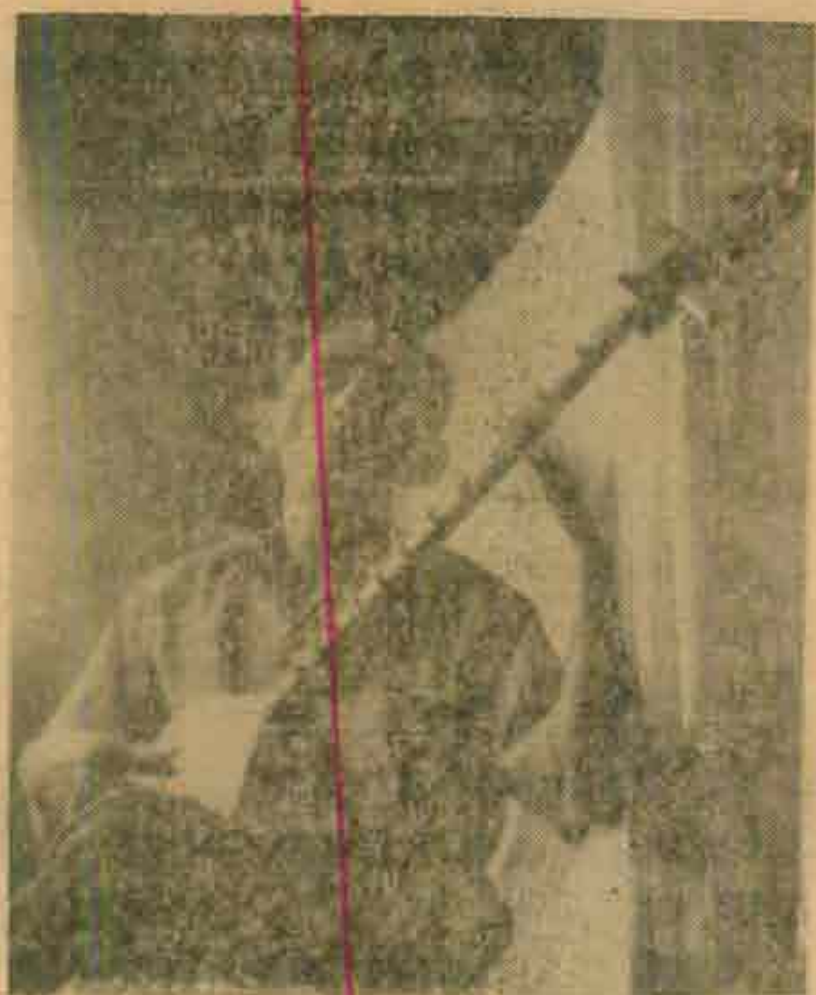
— Tôi hồi nãy có một điều muốn nói với anh, mà quên ngang, bây giờ mới nhớ lại. Đó là cái « chất ủy mị trong lời ca » mà người có trách nhiệm kiểm duyệt nhạc ở chế độ cũ thường ví vào đó để làm khó dễ nhạc sĩ sáng tác. Nhưng khổ một nỗi là người ta quên tánh chất của bản nhạc ! Bản nhạc buồn, mà lời ca làm sao hùng dũng cho được. Có khác nào hát người ta vui nhộn trong một đám tang ! Có lần tôi cảm sùng gác ở một nơi rừng núi miền cao nguyên. Lúc đó tôi không muốn nghe những khúc quân hành, những điệu ca hùng mạnh. Tôi thấy ngấy chúng. Mà lại khe khẽ hát những bài êm buồn, nhớ đồ thị dưới kia, thương người yêu lẻ bóng, sầu nỗi biệt li . . . , và trái ngược thay, chính trong những lúc để cái « chất ủy

mị » ấy tràn ngập tâm hồn, tôi sao cảm thấy nếu quân thù dẫn xác đến, tôi sẽ say sưa chiến đấu cho đến cùng để bảo vệ người yêu xa, đô thị cũ mà mình tha thiết mến thương. Cho nên tôi ước mong sao Nghệ thuật sẽ không bị lợi dụng và lạm dụng và người nghệ sĩ sẽ được thành thật với chính mình, nói thẳng tiếng nói

của lòng mình, đừng lâm vào cảnh bụng mong ước Trắng, mà miệng thì không ngót ngời ca Đen !

Anh chớp mắt, nhìn ra đường nắng chói chang. Li nước chanh tôi đã cạn, còn tách cà phê của anh vẫn đầy như mới chế, nhưng đã nguội lạnh tự bao giờ.

NGUYỄN-NGU-Í thuật



● SÁU-TÙNG

Tên thật : Huỳnh-Văn-Sám.

Sanh năm 1906 tại Tân-Niên-Đông, tỉnh Gò-Công Nam-Việt.

Chuyên về Cổ nhạc.

Cộng tác với những gánh : Tiến-Đồng-Ban (1922), Tái Lập Ban (1926), Nghĩa-Hiệp-Ban (1928), Tái-Đồng-Ban (1930), Huỳnh-Kì (1932), Phụng-Hảo (1934).

Cộng tác với hãng đĩa BéKa, Pathé để sản xuất các bản cổ nhạc (1937-1939) ; 1949, sang Pháp cùng các nghệ sĩ : Duy-Lân, Tân-Thư, Việt-Hùng, Ba-Cương, Tư-Huyền và

hai cô Ngọc-Nữ, cô Tư-Bé để thảo luận cho hãng đĩa Kim-Khánh.

Trưởng ban Cổ nhạc cho gánh Thủ-Đô (1960-1961). Hiện cộng tác với ban Nam-Thanh do Duy-Lân làm trưởng ban (đài phát thanh Sài Gòn), và với trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-Nghệ (từ 1962).

● Ưu điểm nổi bật của nhạc Việt ta là chỗ nhấn, vuốt. Chính những cái đặc biệt này nó làm cho mỗi nhạc sĩ tài hoa có một tiếng đồn riêng nó đánh dấu bản sắc của mỗi người.

Còn một ưu điểm mà lắm người cho là khuyết điểm, là nhạc ta không có một lối kí âm thật là Khoa học. Bởi vì nhạc Việt ta mà có một lối kí âm như nhạc Âu Mỹ, thì nhạc Việt ta sẽ là một thứ nhạc chết đi rồi. Chính cái chỗ ghi chú không rõ ràng đúng mực ấy, nó khiến nhạc ta thành một thứ *nhạc sống*, không đóng khung trong một cái khuôn cố định ngàn đời.

Anh Xuân-Hiển đã làm xong phận sự người nhiếp ảnh, đã xuống thang gác hẹp « trở về với cuộc đời » từ lâu, mà tôi chưa muốn làm ngay phận sự mình.

Vì ở đây — căn gác hẹp ở tận cùng con đường hẻm cụt của một ngõ hẻm để ra con đường hẻm chánh ngõ ra vườn Tao Đàn — cuộc sống ngừng lại ở đầu thang gác.

Căn gác hẹp chỉ còn có hai người. Người nhạc sĩ già nằm dài trên chiếc chiếu con trái ngay lên sàn gác, mắt mờ màng theo khói thuốc, và người kĩ giả không còn trẻ đang dựa lưng vào vách, cũng mờ màng nhìn ngọn đám cây xanh vườn ông thượng, qua khung cửa sổ con con.

— Ở cái thế giới này, người ta chỉ trọng có *tiền* ! Còn *tài*, thì là một món đồ chơi, một thứ xa xỉ phẩm. Tiền ! Có Tiền...

Tôi chăm chú nhìn người nghệ sĩ tên tuổi đang phẫn nộ vì hai chữ Tiền và Tài, và đưa ra một nhận xét :

— Chữ *Tài* có nghĩa là... Tài, mà cũng có nghĩa là Tiền, vậy thì hai thứ đó bằng nhau chứ !

Người nhạc sĩ ấy ngồi ngay dậy, hớp một miếng nước, quay lại nhìn tôi :

— Bằng sao được mà bằng. Ở thế giới nào thì kẻ có tài được trọng hơn người có tiền, chứ ở cái thế giới này đây, cái thế giới mà anh, mà tôi và bọn chúng ta hiện sống nhân răng đây, đồng. Tiền đè đầu cỡi cổ cái Tài, ông bạn không thể nào nói khác. Cho nên buồn chán lắm, ông bạn ơi !

« Tôi đâu có cho con tôi học đàn, học

ca. Con Bạch-Huệ, thằng Huỳnh Anh tự chúng nó tìm bạn, tìm thầy, đứa học ca, đứa học đàn, chứ tôi nào có dạy chúng nó một tiếng đàn, một câu ca nào. Tại sao, chắc anh dư hiểu. Một kẻ lặn lội trong nghề như tôi, có chút khiếu trời cho, có tiếng tăm kha khá, ấy đó mà còn thấy đời sống của mình bấp bênh, thì dại gì đưa con mình vào đường không ngõ ra ấy ».

Khói thuốc lại tỏa cao, và giọng công phẫn bỗng trở nên cam chịu :

— Thôi thì cái nghiệp nó là thế, không muốn cũng chẳng được nào,

Tôi cố tình gợi một chuyện gì vui vui.

— Hồi anh qua Pháp để thầu thanh vào đĩa hát, chắc anh được thấy, được nghe lắm điều lí thú ?

Một cái lắc đầu chán nản :

— Ấy khi bước chân xuống tàu, anh chị em ai cũng định ninh phen này đi Tây, mình sẽ thăm nơi này, mình sẽ xem đoàn hát nọ... Nhưng sự thật, là đến cái nước tự do nhất thế giới, mình lại mất tự do ! Vì nhà dẫu dặt phải chịu trách nhiệm về hành vi chúng tôi ; họ sợ chúng tôi bị « lôi cuốn » mà không thêm về hoặc về nơi khác. Mà họ có bốn phận là phải đem « trả » chúng tôi lại cho quốc gia Việt-Nam !

— Nhưng anh cũng giữ được một kỉ niệm gì êm ấm chứ ?

— May thay, có. Chúng tôi gặp anh Trần-Văn-Khê, anh mời chúng tôi đàn hát giúp cho một hội Việt kiều gì đó, lâu ngày tôi quên mất. Thấy đồng bào xa

quê hương dịu nổi sâu xa đất nước nhờ tiếng đàn mình, ai mà chẳng thấy lòng mình sung sướng. Đặc biệt là ngày nào chúng tôi đàn bầu thanh, anh Trần-Văn-Khê đầu bận rộn đến đâu cũng rón đến nghe và trò chuyện, khiến chúng tôi đỡ thấy lạc loài chốn quê người.

Nơi người nghệ sĩ từng trải này, dường như chấp chứa toàn là đắng cay chua chát, chẳng may. Nên tôi hỏi sang địa hạt chuyên môn :

— Sống trong nghề lâu năm, chắc anh rõ những ưu điểm của nền cổ nhạc. Xin anh cho biết ưu điểm nổi bật nhất.

Nhạc sĩ không trả lời vội, đứng lên với cây đàn sến treo ở cột, dạo một hồi.

— Ưu điểm nổi bật của nhạc Việt ta là chỗ nhấn, vuốt . . . như anh thấy đó. Chính những cái đặc biệt này nó làm cho mỗi nhạc sĩ tài hoa có một tiếng đàn riêng nó đánh dấu bản sắc của mỗi người.

« Còn một ưu điểm mà lắm người cho là khuyết điểm, là nhạc ta không có một lối kí âm thật là khoa học. Bởi vì nhạc Việt ta mà được một lối kí âm như nhạc Âu-Mĩ, tài nhạc Việt ta sẽ là một thứ nhạc chết đi rồi. Chính cái chỗ ghi chú không rõ ràng đúng mực ấy, nó khiến nhạc ta thành một thứ *nhạc sống*, không đóng khung trong một cái thể cố định ngàn đời. Anh để ý mà coi khi diễn tấu, nhạc sĩ Âu-Mĩ nhìn vào bản để sẵn trước mắt, còn nhạc sĩ Việt ta thì như nhìn vào lòng, vào hồn mình. Một ít tự do để cho người chơi đàn sử dụng khiến nhạc sĩ dễ có những phút xuất thần, làm rung động người nghe đến tận đáy tâm hồn. Người chơi nhạc ta không có cảm

tưởng bị đưa đi theo một con đường mòn nào hay bị biến thành chiếc xe hỏa luôn luôn đi trên đường rầy. Mà như kẻ lữ hành tùy hứng, khi ở khi đi khi ăn khi ngủ, tuy có chương trình vạch sẵn đó, nhưng mình vẫn có thể ăn sớm, ngủ trễ, hay lang thang một chút trên đường. Và người chơi nhạc thấy mình cũng dự một phần — dầu là một phần thật nhỏ — vào việc sáng tác bản nhạc ấy.

— Còn khuyết điểm ?

— Khuyết điểm là chưa có một chương trình để đào tạo các mầm non. Tre đang tàn mà măng chưa thấy mọc ! Và việc sáng tác những bài bản mới — tôi vẫn ở trong ngành cổ nhạc đấy nhé —, có thể gọi là chưa mấy.

— Thế còn riêng anh, đã có tuổi nhiều, chẳng hay anh đã truyền lại cho đám môn sinh mình một vài ngón ruột của anh chưa ?

Khóai lại được nhả ra.

— Chẳng biết tại tôi già rồi đâm ra khó tính hay sao mà chỉ vẽ cho bạn bè, em út thì có, mà truyền nghề lại, thì chưa. Người ta học để mà chơi, để mà kiếm tiền, chứ còn mấy ai học vì nghệ thuật. Lòng thành, lòng vị tha không có, thì làm sao thấu thập được những cái tinh hoa của một bài bản, của một loại đàn ! Tôi lấy làm buồn mà thấy phần đông các bạn trẻ quay về cổ nhạc vì sinh kế thì nhiều, mà vì nghệ thuật thì ít, thành ra do đó chẳng gặp người chỉ dẫn tận tình, mà cũng do đó mà không học đến nơi đến chốn, hoặc đi đường tắt để mau thành tài, thành ra thiếu căn bản, và họ tấu nhạc nghe được, chứ không rung cảm sâu xa người nghe.

BÁCH KHOA PHÒNG VẦN GIỚI NHẠC SĨ

Trăm năm một hồi, người nhạc sĩ có tuổi này nói trong xa vắng :

— Đờn hay thì lại thương người nhiều. Mà thương người nhiều thì càng thêm hệ lụy. Nhưng biết bao giờ. Người viết văn hay, khi gợi ý tình mình lên giấy, là xong. Nhưng người đờn hay, đờn xong một bản — có khi một câu, có khi một tiếng — còn lắng nghe dư âm lan tỏa ra ngoài và vang dội trong lòng mình . . . Cho nên mười người chơi đờn. (tôi nói đờn cổ truyền) hay, thì hết mười người phải lặn lội long đong . . .

— Vì tình ?

— Vì tình, và cả vì tiền !

Chúng tôi im lặng. Khói thuốc tỏa dày.

15-11-1963

Tôi tìm đến nơi người nhạc sĩ ngụ để tặng bức ảnh do anh Xuân-Hiến chụp. Người ở chung gác cho tôi hay « chú sáu » đã lên đờn ở phòng trà Lệ-Liêu gần Ngã-Bảy. Mười lăm ngày sau cuộc Cách mạng, mà phòng trà chuyên về Cổ nhạc này còn lựa thưa khách.

Người tôi tìm đang ngồi đờn trên sân

khẩu nhỏ cho một nữ tài tử rí rả sáu câu. Giọng ca đà dứt, tiếng đờn còn ngân nga. Tiếng vỗ tay lẻ tẻ. Vài cô chiêu đãi lặng lẽ. Cái buồn của một cảnh chợ chiều.

Nheo mắt nhìn tấm ảnh, anh cười phơn phớt :

— Trông tôi trong ảnh ít già hơn ngoài đời. Cám ơn anh. Cám ơn anh bạn chụp hình. Cám ơn nhà báo.

Siết tay anh, tôi cò hởi :

— Chế độ độc tài đã cáo chung, cuộc đời đổi mới. Chẳng hay anh có mong ước gì không ?

— Đời tôi đã xẽ chiều. Nhìn về Quá khứ hơn là hướng đến Tương lai. Mới có mười lăm ngày, thì có ước mong gì cũng còn sớm.

Và thả tay tôi ra, người nhạc sĩ có tiếng đờn độc đáo này lại buông những lời như tự mình nói với mình :

— Có đi thì phải có về, có lên thì phải có xuống. Có một, thì phải có hai, mà đã đã có hai thì sao lại không có ba. Tấn tuồng đời cứ diễn. . .

NGUYỄN NGU.Í thuật



● NGUYỄN VĂN-TƯỜNG

Sinh năm 1929 tại Sài Gòn.

Nhạc sĩ Sáng tác.

Tốt nghiệp Viện Âm-nhạc quốc gia Cao-đẳng ở BaLê (conservatoire national supérieur de Musique de Paris).

Đồng thời tốt nghiệp Ecole Normale de Musique de Paris ra với giải thưởng licence d'Harmonie, avec mention très BIEN.



Năm 1959, chiếm được giải thưởng đặc biệt của *Foundation William and Noma Copley*. New-York về, môn nhạc sáng tác (*composition musicale*) và năm 1960 chiếm được giải thưởng của *Fondation Yvonne de Gouy D'Arsy* ở Ba Lê về môn *Tông Âm* (*Fugue*).

Nay đang tiếp tục học nhạc Âm và nghiên cứu sưu tầm nhạc Á đông.

Có chân trong *Groupe de Recherches musicales*, do đài vô tuyến truyền thanh và truyền hình Pháp chủ xướng (*Radio diffusion Télévision Française*) và được ban tổ chức Quốc gia này giao phó cho chức vụ « kỹ thuật viên chuyên môn thu âm » (*preneur de son*).

● Muốn phục hưng nền nhạc Việt thuần túy, tôi nghĩ nhạc sĩ, nhạc gia ta phải thấu hiểu được căn bản nền nhạc cổ truyền của đất nước, đồng thời đi tìm học hỏi những diễn tả thâm thúy của lối nhạc Tây phương. Có thể, tác phẩm họ tạo ra bắt nguồn từ vốn cổ sẽ góp phần vào việc bồi bổ nền âm nhạc Quốc tế, bằng cách mang lại những yếu tố mới lạ của nền âm nhạc nước nhà mà họ từng am hiểu.

Anh Ngu-Í

Tôi không trả lời từng câu hỏi một, mà chỉ xin được tâm sự cùng anh, và nhân đó góp một ít ý kiến cũng ý nghĩ về Nhạc. Nếu anh thấy có những đoạn nào hoặc quá chuyên môn có thể làm nản lòng bạn đọc, hoặc những khúc nào tôi tâm sự lan man với anh, thì anh cứ tùy tiện mà cắt bỏ hoặc rút gọn lại. Xin anh cảm phiền và xin cảm ơn anh trước,

*
* *

Tôi bước vào thế giới âm thanh thật là bất ngờ, anh ạ. Sang Pháp, tôi đã chọn ngành vô tuyến điện, nhưng học mới được hai năm, vì hoàn cảnh gia đình, tôi đành bỏ dở, và hè năm 1951, rỗng rã ba tháng tròn, người « kỹ sư hụt » là tôi phải chọn nghề nhật báo cũ.

Rồi một hôm, một nhạc sĩ Pháp lớn tuổi nhờ tôi phụ giúp để dựng một màn biểu diễn âm nhạc (tôi tạm dịch mấy chữ : *musméro d'attraction musicale*) đang trình diễn ở các rạp chiếu bóng, các hộp đêm, vì tôi biết chơi đàn ghi ta.

Đây là bước đầu của tôi trên sân khấu lưu động ở nước Pháp. Cơ hội này giúp tôi làm quen nhiều nhạc sĩ Pháp và họ chỉ bảo tôi trong những bước đầu vào ngành nhạc.

Và mùa thu năm ấy, tôi được may mắn học môn kỹ âm pháp tại viện Quốc gia cao đẳng Ba Lê. Và cuộc du hành vào thế giới âm thanh mới thật sự bắt đầu từ đây vậy.

Từ vị trí cũng là lập trường tư riêng

BÁCH KHOA PHÒNG VĂN GIỚI NHẠC SĨ

của tôi, tôi nhận xét : Chính Nhạc cổ truyền là tiếng nói thành thật, là tượng trưng bất diệt và chính đáng cảm tính hồn nhiên của dân tộc.

Nền nhạc cổ truyền V.N. là một yếu tố tinh thần quốc gia mạnh mẽ (tôi muốn nhấn mạnh nơi định nghĩa này) di thông đến mọi phát triển phong phú, bởi bổ tương lai, tuy thế chúng ta cũng đừng nên quên rằng (xin mượn lời ông Trần văn Khê nhân dịp cuộc hội đàm quốc tế về xã hội học của nhạc tại Royaumont bên Pháp) : « Tinh thần quốc gia ấy là một con dao hai lưỡi. Nó có thể khiến ta tìm những cảnh tả dễ dãi, cổ dùng những khúc điệu tưởng là đặc biệt Á đông, trong vở nhạc soạn theo lối Âu-Tây, hoặc mang lại những điệu hòa nhạc chấp nối mảnh khảnh, không được nghiên cứu kĩ càng, có thể còn nhạt phai cái mẫu duyên dáng tươi đẹp của một truyền thống âm nhạc thuần túy. » Vì e rằng nó sẽ theo cái đà ấy mà đưa nhạc cải cách V.N. vào con đường lai giống tạp chủng đáng tiếc, rồi tự mình leo xuống hang sâu hổ thẳm, cho ra đời những nhạc phẩm đầu Ngô mình Sở.

Bảo rằng chúng ta (nhạc sĩ, nhạc gia V.N.) nên phục hưng Nhạc cổ truyền để bảo tồn cái vốn căn bản của nền Nhạc dân tộc, nhưng nền Nhạc cổ này đã không được truyền lại một cách trung thành, lại gặp sự hờ hững lạnh nhạt của một số nhạc sĩ nhạc gia lớp mới làm giảm mất đi bao dịp quý hóa để nền nhạc cổ truyền chính xác càng đi sâu vào đại chúng.

Có những bạn trẻ bị cái phong phú, cái

huy hoàng, cái « khoa học » của nhạc Tây phương mà quay lưng lại nền nhạc cổ truyền, cho là nghèo nàn, là không hợp với xã hội mới, đời sống mới. Những bạn ấy chỉ có lí một phần nào, nhưng đã tỏ mình quá hấp tấp, và thiếu tình đối với cái vốn liếng nghệ thuật âm thanh mà tiền nhân đã tìm kiếm và gom góp tự bao giờ.

Vả lại, nhạc Việt ta có riêng những phép tắc chi phối từ ngữ vựng (vocabulaire) đến cấu tạo (structure), để hợp thành một nhạc ngữ (langage musical) riêng biệt. Và ta phải nhận rằng thâm hiểu nhạc thuần túy nước nhà không phải là một chuyện dễ. Mà một khi chưa hiểu thấu, thì ruồng rẫy, coi thường như một lớp bạn trẻ nói trên, e rằng có điều chẳng phải.

Chúng ta phải nhận thấy nhạc Việt, từ những nhịp điệu cầu kì, phức tạp đến những lối trang điểm dồi dào phóng túng, có một bản sắc riêng, sâu xa và tế nhị.

Phần tôi, một mặt tôi mong vốn cổ được giữ gìn cẩn thận, một mặt tôi nhiệt liệt tán thành công cuộc phục hưng nền nhạc Việt thuần túy với những kĩ thuật Tây Âu.

Về mặt sau này, tôi có ý nghĩ sau đây :

Trước hết, và cần nhất, nhạc sĩ, nhạc gia ta phải thấu hiểu được căn bản nền nhạc cổ truyền của đất nước, đồng thời đi tìm học hỏi những cách diễn tả thâm thúy của lối nhạc Tây phương. Có thể tác phẩm họ tạo ra bắt nguồn từ vốn cổ sẽ góp phần vào việc bồi bổ nền âm nhạc quốc tế, bằng cách mang lại những yếu tố mới lạ của nền âm nhạc nước nhà mà họ từng am hiểu.

Tôi hết sức vui mừng mà nhận thấy rằng có một số nhạc phẩm hiện tại đã được thai nghén từ nguồn nhạc cổ, và đã thành công ở điểm diễn tả được những nỗi niềm của thế hệ hôm nay với những nét

nhạc cổ hữu của dân tộc làm xao xuyến tâm hồn chúng ta và làm thích giả Tây phương thích thú.

NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG

Cuộc phỏng vấn về âm nhạc tôi đây chấm dứt. Bạn đọc đón coi bài tổng kết cuộc phỏng vấn này của người phụ trách trên Bách-Khoa số 169 kỷ niệm 7 năm.

Đính chánh

Bách-Khoa số 157, « *Phỏng vấn giới Nhạc sĩ* », tr. 83, dòng 6 :
— Từ 1949 đến 1956, xin sửa : từ 1956 đến 1959. — *Trường hợp của chồng tôi, Hồ-Hữu-Tường*, tr. 96, dòng 11 : năm 1593, xin sửa : năm 1953 ; tr. 98, dòng 15 : « Ba lần giấc ngộ sau chót của Phật Thích ca ».

Bài « *Hai giờ với Hồ-Hữu-Tường* », tr. 100, cột 2, dòng 27, in sót tên một nhà văn : « Sơn-Nam, Trần-Phong, Dương-Nghiêm-Mậu » : dòng 33 : « thiếu tá Thế » xin đọc : *Thế* ; tr. 103, ở chữ thích : « xử tử », xin sửa : « xử 20 năm khổ sai » tr. 105, cột 1, dòng 8 : « mà sao ta thấy », xin sửa « ..tôi.. » ; cột 2, dòng 20 : « các thuyết » xin sửa : « cái thuyết » ; tr. 106, cột 2, dòng 5, « có mấy nhà bác học », dư chữ *mấy*.

Nhắn tin

Một nhóm học sinh Qui-Nhơn. Tôi đã trao bài các em cho ông Nguyễn-Vỹ, nghĩ rằng làm thế có lợi hơn : thế nào ông Nguyễn-Vỹ cũng làm các em thỏa mãn. Lần sau các em nhớ ghi địa chỉ riêng để tiện việc cho nhà báo tiếp xúc.

Bạn Lan-Sơn-Đài. Đã chuyển thơ bạn cho người phụ trách. Xin bạn cứ gửi thẳng cho Tòa soạn như thế bài bạn được nhận sớm hơn và khỏi có cơ thất lạc.

Bạn Lưu-Trọng và em Nguyên-Linh. Mong được tin.

N.N.Í.

BÁO MỚI

Tạp chí Bách-Khoa được tin Tuần báo Thời-Việt do Ô. Nguyễn-văn-Thái, chủ nhiệm báo Thời-Nay từ trước, sắp ra mắt bạn đọc vào đầu năm 1964 tới đây.

Hàng tuần Thời-Việt « sẽ loan những tin tức quan trọng, giúp độc giả có thể biết những tin tức cần thiết có những tiêu chuẩn để theo dõi thời cuộc, để tự ý chọn lấy một lập trường thích hợp cho một công dân chân chính trong giai đoạn dân chủ mới ».

Xin trân trọng chúc tuần báo Thời-Việt mạnh tiến trên đường ngôn luận.

ĐÃ PHÁT HÀNH

Sứ Mệnh Văn Nghệ Hiện Đại

☆ Tiểu Luận Văn học của A. Camus

☆ Bản dịch của Trần-Phong-Giao

GIAO-ĐIỂM XUẤT-BẢN

in lần thứ ba

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél : 23.741 — 23.742

★

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclepropane**

Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Top chỉ	Trang
16	Thu ca	Tĩnh-Huyền	181	100
17	Thăm anh	Hoài-Hương	192	71
18	Thư viễn — đóm sáng	— id —	164	33
19	Ngày con ra đời	Nguyễn-Ngu-Í	162	63
20	Vết tích	Hoàng-Khanh	158	74
21	Nỗi sầu của mẹ	Lê-Thầy-Lam	164	75
22	Rừng	Tường-Linh	164	33
23	Cho bây giờ và mai sau	Hoàng-Lộc	166	65
24	Quy-Nhơn — Tuy-Hòa	Trần-Quang-Lơng	161	88
25	Còn ở đó	Nguyễn-Nho-Sa-Mạc	160	72
26	Lời ca du mục	— id —	164	90
27	Chúng nó	Nguyễn-Ngã	158	74
28	Ngợi ca bằng hữu tương lai	Phan-Duy-Nhân	159	75
29	Dân tình — Áo trắng — Tàn phai	Hoàng-Thị-Bích-Ni	161	80
30	Phiên hành	Lê-Dịch-Phạm-Phú	158	72
31	Nỗi buồn xô dịch — Ác mộng	Hữu-Phương	157	57
32	Bản khoán — Lữ trình	— id —	159	63
33	Ngõ ngang	— id —	160	70
34	Hoang vắng — Vượt biển	— id —	161	65
35	Hình ảnh mang theo	— id —	162	64
36	Hỏi súng	Thư Nhất Phương	168	70
37	Những ngày còn lại	Lữ-Quỳnh	160	71
38	Những bàn tay	— id —	166	64
39	Hạ phương	— id —	168	67
40	Người em quê hương	— id —	159	62
41	Khách lạ quê hương	Định-Hoàng-Sa	162	72
42	Nước mắt	— id —	157	79
43	Mặt trăng	Phượng-Tấn	162	72
44	Người tìm tuyệt đối	Liên-Nguyên-Thanh	157	58
		Dạ-Thảo		

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ tập chỉ	Trang
45	— id —	— id —	158	87
46	— id —	— id —	159	84
47	Chuyện trò	— id —	161	88
48	Lời cầu nguyện	— id —	164	89
49	Trăm khúc II	Đoàn-Thêm	168	68
50	Hoài niệm	Tân-Hoài-Dạ-Vũ	157	91
51	Cả khúc của người 20	— id —	160	89

BẠN ĐỌC CÓ THỂ TÌM MUA

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ số 1 đến số hiện đang ấn hành



TẠI TÒA SOẠN BÁCH-KHOA VÀ TẠI CÁC HIỆU SÁCH

Báo Mới

● Chúng tôi được tin tuần báo THỜI VIỆT do ô. Nguyễn-Văn-Thái chủ nhiệm bán nguyệt san Thời Nay, chủ trương, sẽ ra mắt bạn đọc vào đầu năm 1964 tới đây.

Xin trân trọng chúc tuần báo THỜI VIỆT mạnh tiến trên đường ngôn luận.

● Chúng tôi lại được tin Nhật báo TỰ-DO do ô. Phạm-Việt-Tuyền làm chủ nhiệm, sẽ tái ngộ bạn đọc vào ngày 2-1-1964. Nhật báo Tự Do tục bản với những ký giả đã được bạn đọc mến chuộng từ trước đến nay chắc chắn sẽ được tiếp đón nồng nhiệt.

tọa đình. cnánh một lần nữa không có sự xô xát giữa tín đồ Phật giáo và Thiên Chúa giáo, mà chỉ có một số quần chúng uất ức quá, chống trả lại một số cá nhân từng gây tội lỗi mà thôi.

Nhìn lại Phật giáo đồ trong xứ, thượng tọa thầy hàng ngũ trước đây rất là rời rạc.

Thượng tọa mong hàng ngũ Phật tử sẽ được xếp đặt lại, và các chi phái Phật giáo trong nước sẽ được Thông nhất trong một ngày gần đây.

Kết luận, thượng tọa kêu gọi đạo hữu tích cực gây tình đoàn kết dân tộc, để ý tránh những lời lẽ, những hành vi nông nổi để người khác có thể hiểu lầm đường lối của Phật giáo và xuyên tạc ý nghĩa cao đẹp của cuộc đấu tranh gian khổ vừa qua.

Thượng tọa lại nhận xét rằng đa số Phật tử hiểu Phật giáo theo phong tục, vì thế mà có phần hời hợt. Nên cần đặt nặng vấn đề tu học. Mà tu đây không phải là ăn chay, niệm Phật, đi chùa, mà là sửa đổi, sửa đổi từ lời nói, việc làm, ý nghĩ, từ cong trở nên ngay, từ xấu trở nên tốt, từ dở trở nên hay. Và những lời cuối cùng của thượng tọa là nhắc lại tình Đoàn kết của Dân tộc cần giữ cho chặt, và sự Thông nhất của Phật giáo cần phải có. (1)

Thượng tọa Thích Thiện Minh dứt lời trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt.

NGUYỄN-NGU-Í kể

(1) Ngay sau khi được biết nội dung buổi nói chuyện nầy, ông Mặc-Thu ở báo « Người Việt tự do » hồ hởi thành lập « Mặt trận đoàn kết liên tôn giáo cứu quốc ».

THUỐC KHỎE CÓ SÂM CAO-LY

SAMVIT

GIỮ ĐƯỢC NGƯỜI LỚN - TRẺ EM
HỢP VỚI MỌI NGƯỜI

**Giúp THỂ-THAO-GIA
TĂNG-CƯỜNG SINH-LỰC**

PHONG-PHÚ

bán tại các nhà thuốc tây
352 Đ. T. Q. Đ. P. 1-8-61

Can chơ:

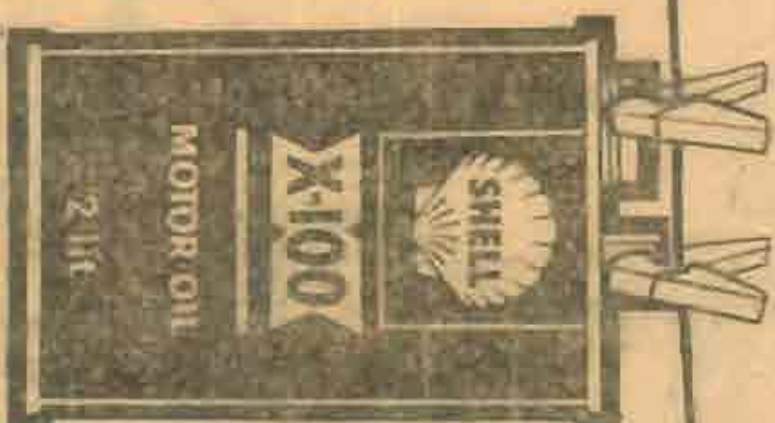
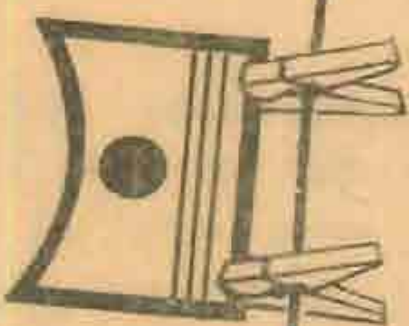
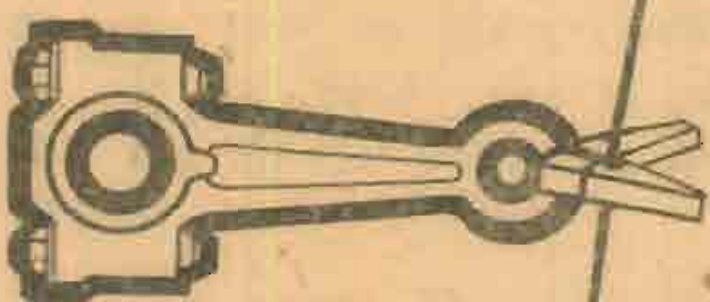
khỏe tim
Dưỡng sức

HỌC SINH
trung khi thi.
ca kịch sĩ
thức đêm.

MỆT MỎI
VỀ THỂ XÁC
TRÍ NÀO

TRÍ NÀO

hơn 50 năm tại Việt - Nam



giữ máy xe
luôn luôn
sạch sẽ

X-100



MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CUA BÁCH-KHOA

(Từ số 157 đến số 168 — Từ tháng 6 đến tháng 12-1963)

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập-chí	Trang
KHẢO-LUẬN				
<u>CH/NH-TRỊ</u>				
1	Vài nhận xét về chánh sách ngoại giao của De Gaulle	Kim-Anh	161	3
2	Sự bố trí lực lượng ở Ai-Lao, mối đe dọa lớn cho hòa bình ở Đông-Nam-Á	Việt-Anh	158	3
3	Sóng gió chính trị ở Nam-Hàn	— id —	159	
4	Tìm hiểu hiệp ước ngưng thí nghiệm hạn chế vũ khí nguyên tử	— id —	160	3
5	Vấn đề Hoa-Kiều ở Đông-Nam-Á	— id —	164	3
	— id —	— id —	165	7
6	Vấn đề phân loại các chế độ chính trị trên thế giới ngày nay	— id —	166	3
7	Chủ nghĩa phân chủng ở Nam-Phi	Tiêu-Dân	157	3
8	Cuộc tranh chấp Nga-Hoa	— id —	159	1
9	Diễn biến mới của cuộc tranh chấp Nga-Hoa	— id —	163	3
10	Cảm nghĩ về sự cáo chung của một chế độ độc tài	— id —	165	1
11	Văn nghệ với chính trị, trường hợp Liên-Xô	Nguyễn-Hữu-Dung	160	21
12	Môi hồ rãnh lạnh hay là tình trạng ba quốc gia Việt-Nam, Cam-Bốt, Ai-Lao	— id —	160	45
13	Nguồn gốc danh từ Hồ-Giấy hay « một khía cạnh lý thuyết trong cuộc tranh chấp Nga-Hoa »		166	35
14	Tự do ngôn luận và báo chí	Phạm-lương-Giang	168	21
15	Trả lời cuộc phỏng vấn về Nhà văn sĩ và Hội đồng Nhân sĩ	Nguyễn-Ngu-Í phụ trả	166	51

Số thứ	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Số Tập chỉ	Trang
17	Đường lối ngoại giao của chế độ Nhà Cộng hòa	Phạm Trọng Nhân	165	35
18	Đào tạo huấn luyện và bổ nhiệm nhân viên ngoại giao tại các nước	— id —	166	13
19	Từ Thi đua Hòa bình đến Sống chung Hòa bình	Tân-Phong	163	25
20	— id —	— id —	164	35
21	Bản sơ lược về chủ nghĩa xét lại	Đỗ-Quân	162	3
22	Đàm thoại với Staline	Lai-Sinh	158	35
23	— id —	— id —	159	23
24	— id —	— id —	160	27
25	— id —	— id —	161	43
26	— id —	— id —	162	39
27	Xây dựng đại học	Nguyễn-Văn-Trung	167	3
28	Thư tìm một con đường dân chủ thích hợp cho xã hội Việt-Nam	Anh-Việt	168	3
<u>GIÁO-DỤC</u>				
1	Thư trả lời sinh viên Đại học (Xây dựng Đại Học)	Nguyễn-Văn-Trung	167	3
<u>KHOA-HỌC</u>				
1	Tìm hiểu Hồ-Xuân-Hương hay vài nhận định về tam lý học, phân tâm học và văn học	Nguyễn-Mạnh-Côn — Hoàng-Vũ	166	44
2	— id —	— id —	167	19
3	— id —	— id —	168	13
4	Mẹ nhân tạo	Cô-Liêu	157	23
5	Hiện tượng sống sót của tế bào và trạng phủ sinh vật	— id —	163	19
6	Tái sinh	— id —	159	35
7	Tìm về âm lạnh của dĩ vãng	Trần-Kim-Thạch	161	29
8	Đọc bản dịch « Nhân sinh quan » của Trang-tử	Nguyễn-Văn-Thư	163	49
9	— id —	— id —	164	49

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
8	Vũ trụ và sinh vật	Võ-Quang-Yến	158	27
9	Plasma, trạng thái thứ tư của vật chất	— id —	160	39
10	Óc não điện tử	— id —	162	23
11	Tiến triển trong khoa học mở xở	— id —	166	19
12	Nobel khoa học 1963	— id —	167	55
13	Khảo cứu không gian	Võ-Quang-Yến Nguyễn-Trần-Huân	168	37
48	<u>NGHỆ-THUẬT</u>			
1	Lá thư Jérusalem	Trần-Văn-Khê	161	55
2	— id —	— id —	162	51
3	— id —	— id —	163	37
4	Về cách trình bày trên làn sóng điện âm nhạc cổ truyền dân ca và cổ nhạc	(Nguyễn-Hữu-Ngư dịch)	164	55
5	Nhạc Việt ở xứ người	Mộng-Trung	157	61
	— id —	— id —	158	45
6	Tuế tỉnh	Đoàn-Thêm	164	21
7	Xem triển lãm họa phẩm Easo	Thái-Tuấn	164	92
8	Nhân một cuộc triển lãm hội họa và điêu khắc	— id —	165	57
	<u>NGÔN NGỮ HỌC</u>			
1	Hai giờ với hai tác giả « Khảo luận về ngữ Pháp Việt-Nam »	Nguyễn-Ngu-Í	162	29
2	Đọc « Khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam » của Trương - Văn - Chính và Nguyễn-Hiến-Lê	Doãn-Quốc-Sỹ	161	35
	<u>PHÁP-LUẬT</u>			
1	Cách mạng tổ chức tư pháp	Trần-Thúc-Linh	165	27

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
<u>KINH - TẾ</u>				
1	Vai trò báo chí kinh tế trong việc khuyến khích xuất bản	Dương-Chí-Sanh	168	59
<u>SỬ - ĐỊA</u>				
1	Nói chuyện với ông Phạm-Văn-Sơn	Trần-Vinh-Anh	157	11
2	— id —	— id —	158	17
3	Địa vị sử học	Nguyễn-Phường	161	21
4	Ý nghĩa lịch sử	— id —	162	17
5	Một phương pháp để nghiên cứu Sử	— id —	163	13
6	Những môn trợ lực cho Sử học	— id —	164	11
7	Đề tài sử đề chép	— id —	165	19
8	Sưu tầm sử liệu	— id —	166	23
9	Ấn khảo chứng tích	— id —	167	27
10	Khảo chứng nội	— id —	168	43
<u>TÔN - GIÁO</u>				
1	Tính chất đặc biệt của triết lý Zen	Đoàn-Văn-An	157	29
2	Lịch sử triết lý Zen ở Ấn Độ	— id —	158	11
3	Lịch sử triết lý Zen ở Trung Hoa	— id —	159	13
4	Lịch sử triết lý Zen ở Nhật Bản	— id —	160	13
5	Cộng đồng Vatican với người không công giáo.	Phan-Mai	163	57
6	Làm thế nào để phát huy Phật tánh ở lòng ta.	Nguyễn-Ngu. thuật	65	63
7	Im lặng hay lên tiếng	Nguyễn-Văn-Trun	168	29
<u>TRIẾT - HỌC</u>				
1	Tính chất đặc biệt của triết lý Zen	Đoàn-Văn-An	157	29
2	Lịch sử triết lý Zen ở Ấn Độ	— id —	158	11
3	Lịch sử triết lý Zen ở Trung Hoa	— id —	159	13
4	Lịch sử triết lý Zen ở Nhật Bản	— id —	160	13

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ Tập chí	Trang
<u>VĂN - HỌC</u>				
1	Tìm hiểu Hồ-Xuân-Hương hay vài nhận định về tâm lý học, phân tâm học và văn học	Nguyễn-Mạnh-Côn — Hoàng-Vũ	165	44
2	— id —		167	19
3	— id —		168	18
4	Từ-Hải, sự lỡ tay của Thiên tài	Vũ-Hạnh	165	47
5	Trần - Thời - Hanh thi sĩ trào phúng miền Nam	Nguyễn-Văn-Hầu	161	13
6	Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng nói chuyện về bài thơ « con muỗi »	Trác-Ngọc	159	51
7	Một đề tài của Tolstoï : cái chết	Tràng-Thiên	163	65
8	Jean Cocteau đã chết	— id —	165	81
<u>DANH - NHÂN</u>				
1	Alfred Nobel	Lương-Ngọc	165	39
2	Djilas, người đòi quyền nghĩ và viết tự do	Lai-Sinh	157	35
SINH - HOẠT — VĂN - NGHỆ				
<u>VĂN - NGHỆ</u>				
1	Văn nghệ với chính trị Tại Liên-Xô	Nguyễn-Hữu-Dung	159	57
<u>SINH-HOẠT</u>				
1	Thuật buổi nói chuyện của ông Nguyễn-Trọng về nghề thông tin viên ở ngoại quốc — Kỷ niệm đệ thập chu niên cuộc khởi nghĩa của công nhân Đức tại Đông Bá Linh (thuật buổi nói chuyện của ông Hoàng-Minh-Tuynh)	Nguyễn-Ngu-Í	157	98

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
2	« Phụ nữ với hôn nhân » (thuật buổi nói chuyện của Bà Nguyễn-Thị-Huệ)	— id —	158	92
3	(Phỏng vấn ông Nguyễn-Phụng) hội nghị Âm nhạc giáo dục kỳ V tại Đông-Kinh Thuật buổi nói chuyện của ông Pierre Trần-Văn-Nghiêm tại sao tôi trở thành nhà giáo dục	— —	159	104
4	Hai nguồn gốc tư tưởng Việt-Nam (thuật buổi nói chuyện của ông Nguyễn-Đặng-Thục,	— id —	161	101
5	Một vấn đề tâm lý chiến: thái độ của người trí thức trước thời thế (thuật buổi nói chuyện của ông Nguyễn-Mạnh-Côn)	— id —	162	95
6	Khúc quanh lịch sử -- chúng ta hãy trở về với chính ta	— id —	165	84

ĐIỂM-SÁCH

1	Độc « Quan niệm và sáng tác thơ theo lời thi nhân và học giả phương Tây » của Đoàn-Thêm	Nguyễn-Ngu-Í	158	89
2	Hai giờ với hai tác giả « Khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam »	id —	162	93
3	Độc « Một vài cảm nghĩ của người tị nạn thuốc, tập II »	id —	163	29
4	Độc : « Văn-Hóa và chính trị » tập trang I Nguyễn-văn Trung	Đoàn-Huỳnh-Sùng	168 161	51 55
5	Độc « Khảo luận về ngữ pháp Việt-Nam » của Trương - Văn - Chính và Nguyễn-Hiến-Lê	Đoàn - Quốc-Sỹ	160	95
6	Độc « Người viễn khách thứ 10 » của Nghiêm-Xuân-Hồng	Cô Phương-Thảo	157	35
7	Độc « Sự mạng văn nghệ » của Trần-Phong-giao	Đặng-Tiến		

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ Tập chí	Trang
<u>PHỎNG - VẤN</u>				
<i>Phỏng vấn về Âm nhạc do Nguyễn-Ngu-Í phụ trách</i>				
1	Nguyễn-Vĩnh-Bảo — Nguyễn-Khắc-Cung Trả lời cuộc phỏng vấn về Âm nhạc		157	106
2	Nguyễn-Văn-Thịnh — Lam-Phương	— id —	158	101
3	Dương-Thiệu-Tước — Trần-Thanh-Tâm	— id —	159	87
4	Văn-Vĩ — Phạm-Thế-Mỹ	— id —	161	89
5	Năm-Cơ — Hoàng-Thi-Thơ	— id —	162	83
9	Trúc-Phương — Bình-Minh	— id —	163	101
7	Minh-Kỳ — Huỳnh-Anh	— id —	164	101
8	Lê-Văn-Hảo — Lê-Dinh	— id —	166	99
9	Võ-Truy — Dương-Minh-Ninh	— id —	167	83
10	Sáu-Tửng, Song-Ngọc, Ng.Văn-Tường, Thanh-Sơn—id —		168	83
<u>TRUYỆN-NGAN</u>				
1	Người tình ngoài mặt trận	Trần-Thị-Nhã Ca	166	67
2	Quay trong gió lốc	Lê-Tất-Điều	161	67
3	Đời niềm vui nhỏ	— id —	163	86
4	Ánh sáng trong bóng tối	— id —	165	63
5	Ngày xấu	— id —	166	87
6	Thở dài	Túy-Hồng	158	75
7	Mùa hoa soạn	Võ-Hồng	159	77
8	Vết hằn năm tháng	— id —	167	69
8	Cái đèn kéo quân	Lương-Thế-Nam	162	59
9	Thăm chị Luô i chiều	Võ-Phiến	157	73
19	— id —	— id —	158	57

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
10	Thằng hai Chắt	Lê-Văn-Siêu	169	1
11	Một buổi chiều	Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ	162	71
12	Bóng mát trên đường	— id —	168	71
13	Một chỗ cho người tàn tật	Y-Uyên	160	73
14	Thiếu đất	— id —	164	61
<u>TRUYỆN - DỊCH</u>				
1	Chiến tranh	Milovan Djilas Ng. Minh-Hoàng (dịch)	157	85
2	Người bề ghi	Juan José Arréola Ng. -Minh-Hoàng (dịch)	161	81
3	Con quỷ trong hầm	André Maurois Lương-Ngọc (dịch)	164	79
4	Sự an nghỉ của người chiến sĩ	Christiane Rochefort Cô-Liên	159	65
5	Bầy sói trong thành phố	Serge Kancer Trần-Thúc-Linh (dịch)	157	49
<u>THƠ</u>				
1	Khi con nứa tuổi	Trần-Huyền-Ấn	159	76
2	Thuyền giấy	— id —	163	56
3	Hẹn tại	— id —	168	58
4	Mong về tương lai	Triều-Sao-Dại	162	82
5	Dòng sông Hồng, tình yêu và tuổi trẻ	— id —	164	23
6	Tôi có quyền nghĩ về Alabama	— id —	168	58
7	Cao nguyên -- Thu -- và đời sống	Trần-Đại	194	34
8	Ngày mưa	Hữu-Đỗ	160	70
9	Hội kết thúc -- Vực thăm	Hà-Li-Hải	166	66
10	Màu thu	Xuân-Hiến	162	80
11	Nhịp buồn	Nguyễn-Thị-Hoàng	161	100
12	Hẹn về	Luân-Hoàn	157	60
13	Hình ảnh của mẹ	— id —	157	73
14	Người qua sườn đồi	— id —	161	66
15	Vết thương không lành	Võ-Hồng	159	77

SINH HOẠT

Lễ Truy niệm cố Văn hào và Chiến sĩ Cách mạng Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam tại Thủ đô Saigon

SAIGON.— Lễ Truy niệm Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam sẽ được tổ-chức rất trọng thể tại Saigon vào sáng Chúa Nhật ngày 5-1-1964 tới đây. Một phiên họp khoáng đại của Ban Tổ-Chức buổi lễ này, gồm khoảng 40 văn hữu và chiến hữu của Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam, nhóm hồi sáng 15-12-63 đã quyết định như trên. Địa điểm hành lễ được lựa chọn là Sân Vận Động Tao Đàn, Saigon. Tuy nhiên ban Tổ Chức còn cần xin nhà cầm-quyền cho mượn sân này vào ngày kể trên.

Phiên họp khoáng đại của Ban Tổ-Chức nhóm tại Giảng Đường số 7 đường Phan-Kê-Bính (thuộc Hội Văn Hóa Bình Dân) là nơi Ban Tổ Chức mượn một phòng để đặt bàn giấy liên lạc thường trực. Chủ tọa phiên họp có Bác Sĩ Nguyễn-Hữu-Phiêm, Luật sư Trần - Thanh - Hiệp và Nhà văn Hiếu-Chân. Một đại diện sinh-viên S.Q.H.C là bạn Lê Hữu-Bôi làm thư ký phiên họp.

Nội dung chương trình buổi lễ đã được thảo luận rất kỹ lưỡng trong gần ba tiếng đồng hồ sau khi nhà văn Mặc-Đỗ thuyết trình công việc của Ban Vận Động trong thời gian qua. Thay lời Ban Vận Động, ông Mặc-Đỗ đã nhấn mạnh rằng Lễ Truy Niệm này được tổ chức là để tưởng nhớ Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam vừa là nhà văn vừa là chiến sĩ cách mạng. Điều này đã được toàn thể hoan nghênh. Ban tổ chức trù liệu sẽ

có rất đông đồng bào các giới tới dự lễ, cụ thể là các anh chị em sinh viên và học sinh, công nhân viên, giáo giới, văn giới, cùng các chiến đấu viên của các đoàn thể đã đứng cùng hàng ngũ với Nhật-Linh Nguyễn-Tường-Tam trong 30 năm qua.

Để thực hiện chương trình tổ chức quy mô đã phác họa, các ban sau đây đã được đề cử :

— Ban Tổ-chức Hành-lễ, do Giáo-sư Nguyễn Thành-Vinh làm trưởng ban, với các ủy viên là những nhà văn Vũ - Hoàng - Chương, Mặc - Đỗ, Minh-Đức ;

— Ban Thông tin Liên lạc, do nhà báo Như-Phong làm trưởng ban, với các ủy viên là các ông Phan-Thông, Trần-Gia-Đỉnh ;

— Ban Tài-chánh, do ông Lê-Đình-Gioãn làm trưởng ban và nhà văn Mặc-Đỗ, ủy viên.

Cuối cùng Ban Tổ Chức dự liệu sưu tập tất cả những văn kiện liên quan đến mọi hoạt động về văn học nghệ thuật cũng như về cách mạng của Nhật-Linh Nguyễn-Tường-Tam, để in thành một đặc san phát hành nay mai.

Cũng nên nói thêm rằng việc Tổ-chức Lễ Truy Niệm Nhật - Linh Nguyễn-Tường-Tam tại Saigon, do các ông Phan-Khắc-Sửu, Hiền-Chân và Phan - Khoang đề xướng, đã được Trung-Tướng Đỗ Trưởng cho phép trên nguyên tắc theo văn thư số 5631/HCVN/1 ngày 5-12-63. Văn phòng liên lạc thường trực của Ban

Tổ Chức Lễ Truy Niệm đặt tại số 7 đường Phan-Kế-Bình (Đakao) Saigon, đây nói 25.298 (Thư Viện của Hội Văn Hóa Bình Dân).

Đường lối của Phật giáo hiện tại

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Mới đây, ở vài địa phương, nhất là ở miền Trung, có xảy ra những vụ rắc rối giữa tín đồ Phật giáo và Thiên chúa giáo. Bàn tay Cộng sản đã nhúng vào, hay là sự trả đũa của một số Phật giáo đồ quá phần uất ? Khởi đoàn kết dân tộc mà toàn dân đang cố công xây đắp từ ngày chế độ độc tài cũ bị hạ, có thể sút mẻ vì hậu quả không hay của những điều đáng tiếc nói trên.

Báo chí đã bắt đầu báo động. Khởi đầu là *Việt báo*, rồi đến *Người Việt tự do*. Và chính những sự kiện nọ với những dư luận này khiến có buổi thuyết trình chiều thứ bảy 21-12-63 tại giảng đường chùa Xá Lợi. Đề tài là : *Đường lối của Phật giáo hiện tại*, thuyết trình viên là : Thượng Tọa Thích-Thiện-Minh.

Giảng đường chật tín nữ, thiện nam và nhà giáo, nhà báo đứng nghệt hai hành lang, nơi cửa chánh và sân chùa.

Buổi thuyết trình là bốn giờ, nhưng vì thượng tọa còn bận họp với các

vị lãnh đạo Phật giáo khác, nên mãi đến bốn giờ hai mươi, thượng tọa mới rời phòng họp xuống giảng đường.

Người nghe được biết thượng tọa vừa ở Trung về, rất mệt và rất bận, nhưng Ủy ban Liên phái Phật giáo thấy có vài điều hiểu lầm cần đính chánh, vài đường lối hiện nay của Phật giáo cần vạch rõ, nên giao cho thượng tọa trọng trách hôm nay.

Thượng tọa có nhắc đến bài «Chúng tôi trân trọng yêu cầu những vị lãnh đạo Phật giáo tự đặt mình trước trách nhiệm đối với Lịch sử và Dân tộc» của báo *Người Việt tự do* (mà thượng tọa nói lầm là của «Dân Việt tự do»), và cho biết rằng: ý thức trách nhiệm này, cấp lãnh đạo Phật giáo đã có từ mười năm nay.

Thượng tọa không giấu được nỗi buồn mà thấy rằng trước kia cũng như bây giờ, Phật giáo vẫn bị hiểu lầm tuy mỗi thời mỗi khác.

Trước kia, người ta — mà nhất là thanh niên — nghĩ rằng đạo Phật là một đạo tiêu cực, yếm thế, tách ra ngoài cuộc sống. Đau khổ quá, chán nản quá, người ta mới tu để được yên tĩnh, người ta mới vào chùa để cầu an.

Nhưng sự đấu tranh để bảo vệ Phật pháp vừa qua, có lời kinh cầu nguyện, có tiếng mõ tiếng chuông, mà cũng có máu, nước mắt và chét chóc, đồng bào đã nhận chân rằng tín đồ của Thích ca Mâu-Ni đã ý thức rằng

Sách Mới

Bách Khoa đã nhận được :

— **Trong vườn hương** tiểu thuyết của Xuân-Tước do Sống Vui xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 200 trang, giá 40 đ.

— **Sứ mệnh văn - nghệ hiện đại** của Albert Camus do Trần-Phong-Giao phiên dịch, Giao Điểm xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày trên 120 trang, in lần thứ hai, bản đặc biệt không để giá.

— **Lửa Từ bi** tập thơ của Vũ-Hoàng-Chương, do Đoàn Thanh-niên Tảng ni xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dài 36 trang, gồm 15 bài thơ « ghi lại một nguồn cảm hứng mới của tác giả khơi dậy từ lòng cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ Việt Nam ». Thượng tọa Thích-Trí-Quang đề tựa. Bản đặc biệt không để giá bán.

— **Người ôm mặt khóc** tập thơ đầu tay của Khải-Triều, Đại-Nam văn-hiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 30 trang, gồm 30 bài thơ, in ronéo, loại sách bản thảo không để giá bán.

— **Xi thi nhân Việt-Nam Tự - Do**, nhận định văn học của Cao-dan - Hồ, Đại Nam văn Hiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 55 trang, in ronéo, loại sách bản thảo, không để giá bán.

Phật pháp không thể tồn tại được dưới một chế độ độc tài, chà đạp tự do tín ngưỡng và gây sự kì thị trong tôn giáo, nhất là khi người Phật tử biết rằng Phật giáo đã đóng góp một phần quan trọng vào nền tảng Văn hóa và đạo đức của dân tộc

Hiếu lắm ấy vừa bị tánh tan, thì sang hiếu lắm khác.

Đây, đó, báo chí có nói đến vài vụ xô xát giữa một số tín đồ của hai đạo lớn nhất trong nước, hai đạo đã từng sát cánh trong cuộc tranh đấu để bảo vệ tự do tín ngưỡng vừa rồi. Có người vội cho rằng nay đạo Phật đã « lên chân », thì đây là đến giờ trả ân trả oán. Nhưng giáo lý nhà Phật không bao giờ dạy lấy oán trả oán, mà ngược lại. Rồi thượng tọa đưa một ví dụ.

Ở Huế, có một vị Linh mục nọ bị một số bà lão bao vây, sỉ vả và đánh vào mặt. Người ta làm ồn lên, nhưng điều tra ra, thì vị Linh mục nọ trước đây, đã làm những việc thật nhân tâm, có dính dáng đến ruộng đất, đến kinh tế trong vùng ấy. Dân chúng bị thiệt thòi phần uất từ lâu, nay được dịp, thì bùng nổ một cách thiếu sáng suốt như thế. Và các bà lão nói trên là đồng bào thường, chứ không phải là Phật tử. Thì Phật giáo không chịu trách nhiệm gì về điều đó cả.

Và lại, sau ngày chế độ cũ đổ, trong các cuộc nói chuyện công khai, các vị đại đức, thượng tọa có nhắc đến thời kì đau đớn nhất của Phật giáo là chỉ

— **Học thuyết kinh tế** do Nguyễn-Phúc-Sa dịch, Viện Đại-học Huế xuất bản, và dịch giả gửi tặng. Sách dày 420 trang, dịch và sắp xếp lại rất mạch lạc theo các quyển *Introduction à l'Etude de l'Economie politique*, của G. Pirou, *Petite histoire des grandes doctrines économiques* của D. Villey và *Précis d'histoire des doctrines économiques* của L. Baudin. Giá bán 70 đ.

— **Mây bão** tiểu thuyết của Ngô-Thế-Vinh do Sông-Mã xuất bản và gửi tặng. Bi kịch do Nghiêu-Đề trình bày. Sách dày 163 trang giá bán 48 đ.

— **Mười năm** tập thơ của Ngũ Hà-Miên, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 50 trang, gồm 18 bài thơ, trình bày trang nhã, bìa của Phạm-Cung giá 30 đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả, dịch giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

để Phật giáo đỡ siết chặt hàng ngũ, để cảm tạ sự giúp đỡ của các giáo chức đồng bào Thiên Chúa giáo, để nhắc nhở với tín đồ đức từ bi, lòng hỉ xả.

Phật giáo đã chứng tỏ mình chỉ lấy sự chịu đựng mà tranh đấu cho những nguyện vọng của mình, chứ tuyệt

nhiên không bao giờ đem lại điều tang tóc, sự đổ vỡ cho ai cả, dù ai đó đã làm mình điều đứng. Chỉ cầu mong sao sự chịu đựng của mình sẽ làm giới hữu trách giác ngộ.

Cho nên thượng tọa không khỏi đau lòng mà được biết có những luận điệu trái hẳn sự thật, như : « Công giáo xuống, Phật giáo lên », như : Bây giờ là thời cơ của Phật giáo ».

Người ta quên rằng sở dĩ Phật tử phải tranh đấu — tranh đấu bằng cách bất bạo động — là chỉ để đòi thực thi năm nguyện vọng. Nay năm nguyện vọng ấy đã đạt, thì người Phật tử lại trở về với việc tu, việc học, trở về với việc đem lại tình thương cho cả mọi người, và đang cố làm sao cho tình thương bao la của đức Phật được nối tiếp mãi trong lịch sử của dân tộc.

Vậy thì đối với tín đồ của Thích-Ca, lúc nào cũng có thể là thời cơ của mình, mà lúc nào cũng có thể là không phải thời cơ của mình cả.

Thượng tọa nhắc đến tình thân đạo Phật : vị tha, hi xả, lấy đức báo oán, cùng lời dạy sau đây của Phật tổ « ... Nếu các con biết rằng sự sống còn của kẻ khác cũng như sự sống còn của các con vậy, thì các con không bao giờ nên tìm sự sống còn của các con trên sự chết chóc của kẻ khác »

Và thượng tọa nhấn mạnh : không bao giờ người Phật tử lại gây sự ki thị, gây sự chia rẽ.

Rồi thượng tọa đề cập đến thái độ của người Phật-tử trong hoàn cảnh hiện tại của đất nước : không hời hợt với xã hội. Thượng tọa so sánh một nước thịnh vượng với một ngôi nhà tốt. Ngôi nhà tốt, nếu muốn xứng với danh, thì chẳng những gạch, ngói tốt mà thôi, mà kèo, cột... cũng phải tốt. Một nước mà thịnh vượng, thì mỗi người phải ở đúng vị trí của mình, làm tròn vai trò của mình : người lính đi đánh giặc, đánh sao cho giỏi, người nông dân lo việc đồng áng, lo sao cho hay, người thợ làm đồ đạc, dụng cụ..., làm sao cho khéo, người tu sĩ cổ võ đạo đức, cổ võ sao cho ai cũng hiểu, cũng cố làm điều thiện, lánh điều ác. Chớ nếu ai cũng đổi vai trò mình, hoặc muốn kiêm lắm vai trò một lượt, thì làm sao cho tròn ; nước nhà sẽ bị ảnh hưởng lây.

Cho nên, thái độ và hành động của người Phật-tử nay đã rõ ràng, là càng cố gắng đóng góp trong việc xây dựng nền tảng Đạo đức cho dân tộc. Vì nền tảng ấy hiện đang lung lay. Trò đánh thấy rất dễ, con giết cha cũng không khó gì, người ta lừa gạt nhau, phản bội nhau như ăn cơm bữa... Người Phật-tử mà gây được một nếp sống gia đình và xã hội cho được trật tự, cho có tín nghĩa, chan hòa tình thương, được thế là đã đủ bốn phận với dân tộc rồi.

Thế giới đang sống trong một tình trạng hết sức lo âu, hối hộp. Có thể cả loài người sẽ bị tiêu diệt vì hận

thù cứ mãi tăng thêm, vì một số người căm thù ích kỷ, cố chấp, quá kiêu hãnh.

Vậy thì, Phật-giáo — cũng như các tôn giáo khác — phải làm thế nào cho bánh xe Đạo đức tiến theo cho kịp bánh xe Khoa học, bánh xe Văn minh Vật chất, để gây một thế quân bình, tránh sự sụp đổ tan tành của cả thế giới.

Thượng tọa khuyên đạo hữu hãy chú trọng nhiều hơn nữa trong các công tác xã hội. Đồng bào nghèo thiếu ăn, đồng bào đau thiếu thuốc, trẻ em thiếu trường học. Vậy bốn phận cấp bách của người Phật-tử là răn sức hàn gán những vết thương xã hội đó, làm vơi nỗi khổ đau của đồng loại.

Đạo Phật không thể nào hưng thịnh, nếu xứ sở còn chia rẽ, còn nghèo đói, còn đau thương. Lịch sử dân tộc ta từng chứng minh : số phận của đạo Phật dính liền với số phận của dân-tộc. Đạo Phật mà suy vi thì dân tộc điêu linh ; dân tộc mà chia rẽ, yếu n, thì đạo Phật leo lét.

Thượng tọa cũng khuyên Phật tử xem người trong các tôn giáo khác như anh em một nhà, cùng hướng về một đích, nhưng đường đi có khác nhau. Đặc biệt là thượng tọa nhân mạnh ở điểm chớ dùng hình thức để kéo người về với Phật, như cho tiền, cho gạo, v.v . . . , mà chỉ nhờ ở tình thương.

Trong thời tranh đấu vừa qua, Phật tử nước nhà vẫn được sự ủng hộ nồng nàn của Phật tử các nước bạn vùng Đông Nam - Á. Cho nên một trong những nhiệm vụ lớn của Ủy ban Liên Phái Phật-giáo Việt-Nam là sẽ tạo được tình liên kết chặt chẽ với Phật giáo đồ các nước bạn ấy.

Đối với Hội đồng Quân-nhân Cách-mạng, thượng tọa xác nhận lòng tri ân của Phật-giáo và không mong mỏi gì hơn là H.Đ.Q.N.C.M. sẽ giữ đúng những điều đã cam kết với toàn dân : xây dựng một nền dân chủ thật sự, bảo đảm nhân quyền và tự do tín ngưỡng.

Nhắc lại dư luận báo chí, thượng

DÃ PHÁT HÀNH :

Bán nguyệt San VĂN

SỐ RA MÁI

Tuyển tập thơ văn :

Thơ : Vũ-Hoàng-Chương ● Truyện vừa : Nhật-Tiến ● Truyện ngắn : Lê-Văn-Siêu, Vũ-Hạnh, Mai-Thảo ● Truyện dài dịch : Françoise Sagan, Nguyễn-Minh-Hoàng ● Tiểu - Luận Nguyễn-Mạnh-Côn ● Sinh-hoạt : Thư-Trung.

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁC MỆT

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIỀN"!

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE